



**BARIA VUNGTAU**  
UNIVERSITY  
CAP SAINT JACQUES

## ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

---

# ĐỊNH HƯỚNG MÔ HÌNH GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Chủ nhiệm đề tài : ThS. Lê Thị Hiếu Thảo  
Thành viên phối hợp : TS. Võ Minh Hùng  
ThS. Lê Thị Lan Anh  
ThS. Lê Văn Quốc

---

*Bà Rịa – Vũng Tàu, Tháng 07 Năm 2018*

## THÔNG TIN CHUNG

**Tên đề tài:** Định hướng Mô hình giáo dục Kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu (BVU)

**Mã số:**

**Chủ nhiệm đề tài:** ThS. Lê Thị Hiếu Thảo

**Danh sách giảng viên tham gia:**

- TS. Võ Minh Hùng
- ThS. Lê Thị Lan Anh
- ThS. Lê Văn Quốc

**Nội dung chính:** Đề tài phân tích và đánh giá tình hình thực hiện mô hình giáo dục kỹ năng mềm tại Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu từ khi đưa kỹ năng mềm vào giảng dạy cho đến nay, trên cơ sở đó, kiến nghị một số giải pháp hoàn thiện mô hình giáo dục kỹ năng mềm tại Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2020.

**Kết quả đạt được:** Đề tài đã đánh giá đúng tình hình thực hiện mô hình giáo dục kỹ năng mềm qua các yếu tố ảnh hưởng, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện mô hình giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên BVU đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.

**Thời gian nghiên cứu:** từ tháng 1/2017 đến tháng 7/2018.

## LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình nghiên cứu đề tài “Định hướng mô hình giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu” chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các chuyên gia, các thầy cô, anh chị đồng nghiệp, bạn bè và các bạn sinh viên Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu để hoàn thành đề tài này.

Với tình cảm chân thành, chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn đối với Ban giám hiệu, Ban Lãnh đạo Trung tâm Đào tạo Đại cương và Phát triển kỹ năng mềm, Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Cảm ơn thầy cô, đồng nghiệp và sinh viên đã hợp tác, giúp đỡ chúng tôi trong quá trình thực hiện và tổng hợp kết quả khảo sát.

Cuối cùng, chúng tôi muốn gửi lời cảm ơn đến các thành viên của gia đình chúng tôi, các giảng viên trong Ban Phát triển Kỹ năng mềm đã luôn động viên, cổ vũ, khích lệ và giúp đỡ chúng tôi trong suốt thời gian qua để đề tài được sớm hoàn thiện.

Mặc dù nhóm tác giả đã có nhiều cố gắng trong suốt quá trình thực hiện đề tài, song không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý giá của các chuyên gia, thầy cô, đồng nghiệp và các bạn sinh viên để mô hình giáo dục KNM cho sinh viên Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu được ngày một hoàn thiện hơn, đáp ứng nhu cầu rèn luyện và phát triển KNM của sinh viên.

## MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	5
MỞ ĐẦU .....	6
1. Lý do chọn đề tài .....	6
2. Mục tiêu nghiên cứu khoa học .....	6
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	6
4. Phương pháp nghiên cứu .....	6
5. Kết cấu của đề tài.....	7
6. Ý nghĩa thực tiễn của nghiên cứu .....	7
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM.....	8
1.1. Khái niệm chung.....	8
1.1.1. Khái niệm kỹ năng – kỹ năng mềm.....	8
1.1.2. Đặc điểm – vai trò của kỹ năng mềm.....	10
1.1.3. Phân loại kỹ năng mềm .....	12
1.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên .....	12
1.1.4.1. Chương trình giáo dục kỹ năng mềm .....	12
1.1.4.2. Phương pháp giảng dạy kỹ năng mềm .....	13
1.1.4.3. Đội ngũ giảng viên .....	14
1.1.4.4. Sinh viên .....	15
1.1.4.5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy kỹ năng mềm.....	15
1.1.4.6. Cơ chế chính sách.....	16
1.1.4.7. Môi trường rèn luyện và phát triển kỹ năng mềm.....	16
1.2. Tổng quan về các mô hình giáo dục kỹ năng mềm hiện nay .....	17
1.2.1. Quan niệm về giáo dục kỹ năng mềm tại một số nước trên thế giới.....	17
1.2.2. Mô hình giáo dục kỹ năng mềm tại một số trường đại học ở Việt Nam.....	19

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 .....	23
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU .....	24
2.1. Tổng quan về Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.....	24
2.2. Mô hình giáo dục kỹ năng mềm tại Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.....	25
2.2.1. Cơ sở xây dựng mô hình giáo dục kỹ năng mềm tại Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu .....	25
2.2.2. Chương trình phát triển kỹ năng mềm khác .....	26
2.3. Khảo sát kết quả học tập và giảng dạy kỹ năng mềm tại Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu .....	28
2.3.1. Thực trạng đánh giá của sinh viên về kỹ năng mềm .....	29
2.3.2. Phân tích tổng hợp ý kiến của đại diện doanh nghiệp, giảng viên.....	37
2.3.3. Ưu điểm và hạn chế của mô hình giáo dục kỹ năng mềm tại Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu hiện nay .....	43
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2 .....	50
CHƯƠNG 3. HOÀN THIỆN MÔ HÌNH GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU, 2018 – 2020.....	51
3.1. Định hướng, chiến lược đào tạo của Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu trong thời gian tới.....	51
3.2. Hoàn thiện mô hình giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2018 -2020.....	53
3.3. Kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy kỹ năng mềm tại Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu .....	55
3.3.1. Chương trình đào tạo .....	55
3.3.2. Phương pháp giảng dạy và hệ thống đánh giá trong giáo dục kỹ năng mềm.....	56
3.3.3. Đội ngũ giảng viên .....	56
3.3.4. Sinh viên .....	57

3.3.5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy kỹ năng mềm.....	57
3.3.6. Cơ chế chính sách.....	58
3.3.7. Môi trường rèn luyện và phát triển kỹ năng mềm.....	58
KẾT LUẬN .....	60
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	6161

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

- Biểu đồ 2.1: Tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng mềm
- Biểu đồ 2.2: Nội dung chương trình giáo dục kỹ năng mềm
- Biểu đồ 2.3: Thời lượng giảng dạy kỹ năng mềm
- Biểu đồ 2.4: Mức độ hài lòng về chất lượng giảng dạy kỹ năng mềm
- Biểu đồ 2.5: Phương pháp giảng dạy kỹ năng mềm
- Biểu đồ 2.6: Thời gian tham gia khoá học kỹ năng mềm
- Biểu đồ 2.7: Tiêu chí về chất lượng đào tạo kỹ năng mềm
- Biểu đồ 2.8: Các kỹ năng mềm sinh viên muốn cải thiện
- Biểu đồ 2.9: Cách đánh giá kết quả các học phần kỹ năng mềm
- Biểu đồ 2.10: Nhu cầu được cấp chứng nhận kỹ năng mềm sau khóa học
- Biểu đồ 2.11: Dụng cụ giảng dạy và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy kỹ năng mềm
- Biểu đồ 2.12: Tầm quan trọng của giảng dạy kỹ năng mềm cho sinh viên
- Biểu đồ 2.13: Nội dung và thời lượng theo đánh giá của giảng viên
- Biểu đồ 2.14: Thời điểm giảng dạy kỹ năng mềm theo đánh giá của giảng viên
- Biểu đồ 2.15: Phương pháp giảng dạy kỹ năng mềm theo đánh giá của giảng viên
- Biểu đồ 2.16: Kỹ năng mềm cần bổ sung theo đánh giá của giảng viên
- Biểu đồ 2.17: Hỗ trợ nâng cao chuyên môn theo đánh giá của giảng viên
- Biểu đồ 2.18: Cơ sở vật chất theo đánh giá của giảng viên
- Biểu đồ 2.19: Dụng cụ giảng dạy theo đánh giá của giảng viên

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

<b>Từ viết tắt</b>	<b>Từ diễn giải</b>
BVU	: Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu
KNM	: Kỹ năng mềm
PPHĐH	: Phương pháp học đại học
TDST	: Tư duy sáng tạo
KNGTCB	: Kỹ năng giao tiếp cơ bản
KNGTNC	: Kỹ năng giao tiếp nâng cao
CĐR	: Chuẩn đầu ra
BRVT	: Bà Rịa - Vũng Tàu
TTĐTĐC&PTKNM:	Trung tâm Đào tạo Đại cương và Phát triển Kỹ năng mềm



# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Thực hiện Chỉ thị 296/CT-TTg ngày 27 tháng 2 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22 tháng 4 năm 2010 tiếp tục đổi mới quản trị đại học về đào tạo dựa trên cách tiếp cận theo sản phẩm đầu ra.

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu (BVU) những năm qua đã rất tích cực trong việc xây dựng và hoàn thiện chuẩn đầu ra cho sinh viên các khóa đào tạo; đặc biệt từ khi chuyển đổi mô hình sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Việc xây dựng và công bố chuẩn đầu ra là yêu cầu bắt buộc, là cam kết của các trường về năng lực và chất lượng đào tạo để xã hội giám sát.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động, kể từ năm học 2016 – 2017, BVU đã đưa một số học phần về kỹ năng mềm (KNM) vào giảng dạy thí điểm tại trường và chính thức đưa KNM vào chuẩn đầu ra đối với sinh viên hệ đại học chính quy kể từ năm học 2017 – 2018 bên cạnh chuẩn đầu ra về chuyên môn, tin học và ngoại ngữ. Do đó, nhóm nghiên cứu xây dựng ý tưởng thực hiện đề tài nghiên cứu: ***“Định hướng mô hình giáo dục Kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu”***.

## 2. Mục tiêu nghiên cứu khoa học

Nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài này nhằm đạt được các mục tiêu sau:

- Phân tích và đánh giá thực trạng giáo dục KNM tại BVU
- Đề xuất mô hình giáo dục KNM tại BVU trong giai đoạn tiếp theo (2018 – 2020)
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện mô hình giáo dục KNM tại BVU.

## 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên BVU và giảng viên giảng dạy KNM tại BVU
- Phạm vi nghiên cứu: Tại BVU, từ tháng 6/2017 – 6/2018.

## 4. Phương pháp nghiên cứu

Sau khi xác định mục tiêu nghiên cứu cụ thể của đề tài, nhóm tác giả thực hiện các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- Phương pháp duy vật biện chứng: nhằm tổng hợp, xem xét, đánh giá các yếu tố một cách toàn diện, lịch sử - cụ thể dựa trên mục tiêu, đối tượng, không gian và thời gian nhất định;
- Phương pháp thống kê, phân tích – tổng hợp được sử dụng nhằm phân tích thực trạng thực hiện mô hình giáo dục kỹ năng mềm hiện nay ở BVU thông qua việc

khảo sát, lấy ý kiến sinh viên, giảng viên và các đối tượng liên quan trong quá trình thực hiện đề tài;

- Phương pháp trừu tượng hóa khoa học cũng được áp dụng nhằm loại bỏ các yếu tố tác động ngẫu nhiên, không cơ bản đối với hiệu quả thực hiện mô hình giáo dục kỹ năng mềm hay trong phân tích thực trạng và đề ra các giải pháp cơ bản;
- Phương pháp chuyên gia được sử dụng như là một kênh tham chiếu uy tín để gia tăng tính khách quan và hiệu quả kết quả nghiên cứu. Quá trình áp dụng phương pháp chuyên gia có thể được chia thành ba giai đoạn lớn: 1. Lựa chọn chuyên gia, 2. Trưng cầu ý kiến chuyên gia, 3. Thu thập và xử lý các đánh giá, đề xuất góp ý.

## **5. Kết cấu của đề tài**

- Chương 1. Cơ sở lý luận về giáo dục kỹ năng mềm
- Chương 2. Thực trạng giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu
- Chương 3. Hoàn thiện mô hình giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

## **6. Ý nghĩa thực tiễn của nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục kỹ năng mềm tại BVU làm căn cứ để hoàn thiện mô hình đào tạo KNM phù hợp cho sinh viên Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2018 – 2020, tầm nhìn 2030 theo hướng quốc tế hóa gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

# CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM

## 1.1. Khái niệm chung

### 1.1.1. Khái niệm kỹ năng – kỹ năng mềm

#### 1.1.1.1. Khái niệm kỹ năng

Theo Wikipedia: Kỹ năng là khả năng của con người trong việc vận dụng kiến thức để thực hiện một nhiệm vụ nghề nghiệp mang tính kỹ thuật, giải quyết vấn đề tổ chức, quản lý và giao tiếp...; là sự thành thạo, sự dễ dàng, khéo léo có được thông qua được đào tạo hoặc trải nghiệm. Có ba yếu tố cơ bản của kỹ năng đó là: kết quả, sự ổn định và hiệu quả.

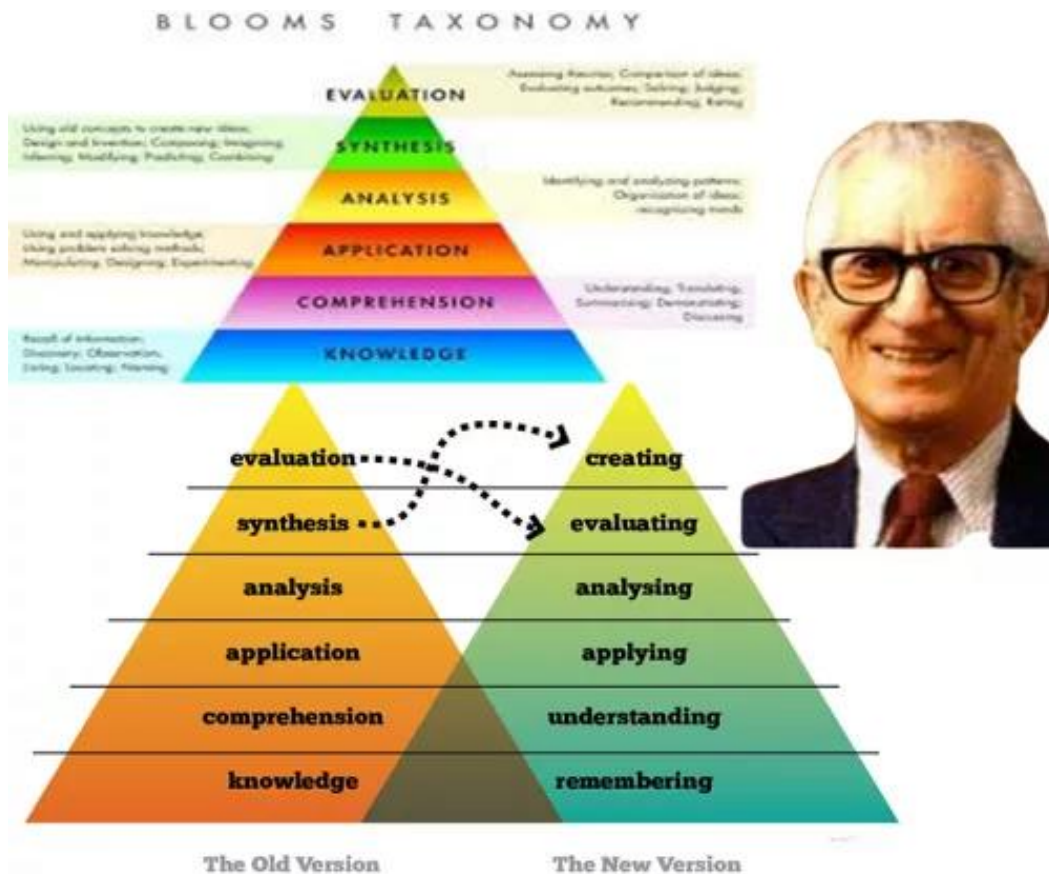
Theo từ điển Tiếng Việt: Kỹ năng là khả năng vận dụng những kiến thức trong một lĩnh vực nào đó vào thực tế.

Theo PGS.TS Huỳnh Văn Sơn (chuyên gia tâm lý, giáo dục kỹ năng sống): Kỹ năng là khả năng thực hiện có kết quả một hoạt động nào đó bằng cách vận dụng những tri thức, những kinh nghiệm đã có để hành động phù hợp với những điều kiện cho phép. (Huỳnh Văn Sơn, 2009)

Như vậy, trong nghiên cứu lý luận có thể nhận ra nhiều quan niệm khác nhau về kỹ năng nhưng đều thống nhất với quan niệm cho rằng: Kỹ năng là sản phẩm của thực tiễn, là năng lực hay khả năng chuyên biệt của một cá nhân về một hoặc nhiều khía cạnh nào đó được sử dụng để giải quyết tình huống hay công việc nào đó phát sinh trong cuộc sống để đạt được mục đích đề ra.

Hành động có kỹ năng được thực hiện dựa trên cách thức tiến hành để giải quyết một nhiệm vụ nhất định mang lại hiệu quả và được các nhà khoa học thống nhất đưa ra các đặc điểm của kỹ năng bao gồm: *tính đầy đủ, tính thuần thực, tính linh hoạt, tính sáng tạo*. Theo Benjamin Bloom (Giáo sư trường đại học Chicago, 1956) kỹ năng, tư duy được hình thành từ thấp lên cao trải qua 6 cấp độ thể hiện qua thang đo Bloom hay còn gọi là Bảng phân loại Bloom (Bloom's Taxonomy) bao gồm: 1. Biết (Knowledge), 2. Hiểu (Comprehension), 3. Vận dụng (Application), 4. Phân tích (Analysis), 5. Tổng hợp (Synthesis), 6. Đánh giá (Evaluation).

Sau này (giữa thập niên 1990) Lorin Anderson, một học trò của Benjamin Bloom, đã cùng một số cộng sự đề xuất sự điều chỉnh như sau (Pohl, 2000): 1. Nhớ (Remembering) 2. Hiểu (Understanding) 3. Vận dụng (Applying) 4. Phân tích (Analyzing) 5. Đánh giá (Evaluating) 6. Sáng tạo (Creating)



### 1.1.1.2 Khái niệm kỹ năng mềm

Trong thực tế có khá nhiều quan niệm hay định nghĩa khác nhau về KNM. Tùy theo lĩnh vực nghề nghiệp, góc nhìn chuyên môn, ngữ cảnh phát biểu và thậm chí là việc đặt thuật ngữ này bên cạnh những thuật ngữ nào đó mà có những định nghĩa khác nhau.

Theo nhà nghiên cứu N.J. Patrick định nghĩa: Kỹ năng mềm là khả năng, là cách thức chúng ta tiếp cận và phản ứng với môi trường xung quanh, không phụ thuộc và trình độ chuyên môn và kiến thức. KNM không phải là yếu tố bẩm sinh về tính cách hay là những kiến thức của sự hiểu biết lý thuyết mà đó là khả năng thích nghi với môi trường và con người để tạo ra sự tương tác hiệu quả trên bình diện cá nhân và cả công việc (Nancy J. Patrick, 2008)

Với cách tiếp cận về mặt xã hội, tác giả Forland, Jeremy (2006) định nghĩa: Kỹ năng mềm là một thuật ngữ thiên về mặt xã hội để chỉ những kỹ năng có liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, khả năng hòa nhập xã hội, thái độ và hành vi ứng xử hiệu quả trong giao tiếp giữa người với người. Nói khác đi, đó là kỹ năng liên quan đến việc con người hòa mình, chung sống và tương tác với các cá nhân, nhóm, tập thể, tổ chức và cộng đồng (Forland, Jeremy, *Managing Teams and Technology*, UC Davis, 2006)

Với cách tiếp cận kỹ năng mềm như là một năng lực thuộc về trí tuệ cảm xúc, Michal Pollick cho rằng: Kỹ năng mềm đề cập đến một con người có biểu hiện của EQ (*Emotion Intelligence Quotion*), đó là những đặc điểm về tính cách, khả năng giao tiếp, ngôn ngữ, thói quen cá nhân, sự thân thiện, sự lạc quan trong mối quan hệ với người khác và trong công việc. ( *Michal Pollick, 2008*).

Dưới góc độ xem xét là năng lực hành vi, tác giả Giusoppe Giusti cho rằng: Kỹ năng mềm là những biểu hiện cụ thể của năng lực hành vi, đặc biệt là những kỹ năng cá nhân hay kỹ năng con người. KNM thường gắn liền với những thể hiện của tính cách cá nhân trong một tương tác cụ thể, đó là kỹ năng chuyên biệt rất “người” của con người (*Giusoppe Giusti, 2008*).

Theo nhóm tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa: Kỹ năng mềm là thứ thường không được học trong nhà trường, không liên quan đến kiến thức chuyên môn, không thể sờ nắm, nhưng không phải là kỹ năng đặc biệt mà phụ thuộc chủ yếu vào cá tính của từng người. KNM thể hiện được bạn là người có phong cách riêng biệt, làm việc chuyên nghiệp, là thước đo hiệu quả cao trong công việc. (*Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, 2010*)

Theo Từ điển Giáo dục học: Kỹ năng mềm là khả năng thực hiện đúng hành động, hoạt động phù hợp với những mục tiêu và điều kiện cụ thể tiến hành hành động ấy cho dù đó là hành động cụ thể hay hành động trí tuệ (Bùi Hiên, 2013).

Trên cơ sở các khái niệm khác nhau về KNM kết hợp với mục tiêu, đối tượng nghiên cứu của đề tài, nhóm tác giả thống nhất với quan niệm cho rằng: *Kỹ năng mềm thuộc nhóm kỹ năng xã hội, là hệ thống những kỹ năng giúp cá nhân thiết lập và duy trì các mối quan hệ trong xã hội được chi phối bởi những yếu tố liên quan đến mặt cảm xúc, ngôn ngữ, thái độ nhằm thiết lập ra những mối quan hệ xã hội tích cực để các cá nhân đạt được hiệu quả cao và hạnh phúc trong công việc.*

## **1.1.2. Đặc điểm – vai trò của kỹ năng mềm**

### **1.1.2.1. Đặc điểm của kỹ năng mềm**

Trên cơ sở phân tích các khái niệm về kỹ năng và kỹ năng mềm, có thể nhận thấy kỹ năng mềm cũng có các đặc điểm cơ bản sau đây (bao gồm các đặc điểm của kỹ năng nói chung):

- KNM có tính đầy đủ (toàn diện) được biểu hiện bởi sự kết hợp các yếu tố tri thức, sự hiểu biết về lĩnh vực hoạt động, kinh nghiệm được tích lũy qua quá trình thực hành, rèn luyện và cảm xúc tích cực qua quá trình thực hiện hành động;
- KNM không phải là yếu tố thuộc về bẩm sinh, kỹ năng mềm là sản phẩm của thực tiễn, là quá trình luyện tập theo một quy trình nhất định;
- KNM không phải là sự “nạp” kiến thức đơn thuần mà đôi khi là “cái giá” của sự trải nghiệm không hề rẻ;

- KNM không chỉ là biểu hiện của “trí tuệ cảm xúc” mà còn là sự vận dụng linh hoạt tri thức, kinh nghiệm vào thực tế.
- KNM có tính thuần thục được thể hiện khi người học có khả năng thực hành một kỹ năng nhất định mà không cần sự chỉ dẫn và đạt hiệu quả, đó là kết quả của quá trình rèn luyện có mục tiêu, động cơ rõ ràng;
- KNM có tính linh hoạt, sáng tạo được thể hiện ở việc vận dụng kỹ năng để xử lý các tình huống nhất định một cách mới mẻ, độc đáo và hiệu quả, dựa trên cơ sở quan sát, phân tích, đánh giá, phản ứng hợp lý và ít bị chi phối bởi cảm xúc, đặc biệt là cảm xúc tiêu cực;
- KNM không “cố định” cho một ngành nghề riêng biệt, KNM áp dụng được với mọi người, mọi lĩnh vực. (*Guilford J.P, 1950*)

### **1.1.2.2. Vai trò của việc giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên**

Trong xã hội hiện đại, KNM ngày càng được đánh giá cao. Rất nhiều nhà tuyển dụng xem các kỹ năng mềm là một trong những tiêu chí quan trọng để tuyển chọn nhân sự ngoài kiến thức và trình độ chuyên môn. Theo nghiên cứu của tác giả Peggy Klaus, 2010: Thành công của một người trưởng thành được quyết định bởi 75% của kỹ năng mềm.

Kiến thức chuyên ngành mà các trường đại học cung cấp cho sinh viên trong quá trình học tập là một trong những yếu tố quyết định giúp sinh viên có thể lập nghiệp trong tương lai. Tuy nhiên, trong một thế giới thay đổi từng ngày đòi hỏi con người cần có các kỹ năng cần thiết để dễ dàng thích ứng từ tư duy nhận thức (kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, tích cực,...) đến các kỹ năng thực hành (kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng bán hàng, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin,...). Do đó, ngoài kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành các trường đại học cần phải trang bị cho sinh viên các KNM cần thiết để sinh viên tự tin và thành công hơn trong công việc và cuộc sống sau khi ra trường.

Ông Steven Schwartz, phó hiệu trưởng trường đại học Macquarie, Úc cho rằng: “Sự hiểu biết không phải là một yếu tố mà con người được sinh ra cùng với nó, đó là yếu tố mà các nhà giáo dục phải giúp sinh viên của họ trau dồi theo năm tháng”.

Tại các trường học, gần chục năm trở lại đây, KNM đã được đưa vào giảng dạy nhiều hơn trong các hoạt động ngoài giờ của học sinh trường trung học phổ thông. Hoạt động này càng mạnh hơn ở giảng đường đại học. Điều đó cho thấy việc nhận thức tầm quan trọng của KNM của ngành giáo dục nước ta.

Một số nghiên cứu cho thấy trong một số ngành nghề, kỹ năng mềm có vai trò quan trọng hơn cả kỹ năng cứng. Ví dụ, trong lĩnh vực kinh doanh, bán hàng, khả năng giao tiếp, ứng phó và giải quyết vấn đề là kỹ năng quyết định sự thành công của người kinh doanh hơn là các kỹ năng về nghề nghiệp.

Ngay cả một kỹ sư, có được kỹ năng mềm sẽ giúp củng cố các mối quan hệ với đồng nghiệp, khách hàng và công nhân, công việc sẽ diễn ra trôi chảy và hoàn thành một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất.

Kỹ năng mềm trong cuộc sống được hình thành từng ngày, từng giờ, nó khác hẳn với năng khiếu bẩm sinh nên sinh viên có thể học hỏi, tiếp thu và rèn luyện thường xuyên để đạt được các kỹ năng nhất định, hỗ trợ cho học tập và công việc sau này.

### **1.1.3. Phân loại kỹ năng mềm**

Dễ nhận thấy khi có nhiều định nghĩa khác nhau về KNM thì sẽ có nhiều cách phân loại KNM tương ứng. Điềm qua sự phân loại chung nhất của nhiều tác giả, có thể khái quát các hướng phân loại cơ bản sau về KNM:

- Hướng thứ nhất cho rằng có thể đề cập đến hai nhóm sau:
  - Nhóm Kỹ năng tương tác với con người (Cá nhân với cá nhân; cá nhân với tổ chức);
  - Nhóm Kỹ năng hỗ trợ cho quá trình làm việc của cá nhân tại một thời điểm, địa bàn và vị trí cụ thể trong nhóm, tổ chức.
- Hướng thứ hai cho rằng KNM có thể tạm chia thành các nhóm sau:
  - Nhóm Kỹ năng trong quan hệ với con người;
  - Nhóm Kỹ năng thuộc về sự tự chủ trong công việc và những hành vi tích cực trong nghề nghiệp.
- Hướng thứ ba cho rằng KNM bao gồm:
  - Nhóm Kỹ năng hướng vào bản thân;
  - Nhóm Kỹ năng hướng vào người khác.

### **1.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên**

#### **1.1.4.1. Chương trình giáo dục kỹ năng mềm**

Chương trình giảng dạy là một trong các yếu tố quyết định, mang tính định hướng quá trình học tập và rèn luyện KNM cho sinh viên trong suốt khóa học và khả năng ứng dụng vào thực tế học tập và công việc. Ngày nay, với nguồn tri thức vô hạn và không ngừng thay đổi và trở nên lạc hậu một cách nhanh chóng, việc quy định cứng nhắc những nội dung chi tiết trong chương trình dạy học dẫn đến tình trạng nội dung chương trình dạy học nhanh bị lạc hậu so với tri thức hiện đại. Do đó việc cập nhật nội dung giảng dạy có ý nghĩa quan trọng trong việc chuẩn bị cho sinh viên có định hướng học tập suốt đời. Trong việc giảng dạy kỹ năng mềm, để chương trình đảm bảo chất lượng, hiệu quả cần đi kèm các yếu tố sau:

- Một là, chương trình giảng dạy cần được thiết kế thiên về ứng dụng và thực hành. Đảm bảo thời gian trải nghiệm của người học là nhiều nhất, hạn chế thấp nhất việc cung cấp “lý thuyết suông”;

- Hai là, thời lượng thiết kế cho từng học phần phù hợp với lượng nội dung, mục tiêu và yêu cầu của từng học phần kỹ năng mềm; đảm bảo người học có đủ thời gian để trải nghiệm, học tập và vận dụng ngay trong và sau từng buổi học. Việc thiết kế thời lượng tổ chức giảng dạy phù hợp sẽ ảnh hưởng đến chất lượng và đầu ra (learning outcomes) của chương trình;
- Ba là, tài liệu giảng dạy và học tập (chính thức và tham khảo) phù hợp, phong phú phục vụ dạy và học trước, trong và sau khóa học sẽ giúp người học dễ dàng nghiên cứu, cập nhật để hoàn thiện kỹ năng;

Ngoài ra, để chương trình giảng dạy KNM hiệu quả, đòi hỏi nhiều yếu tố như phương pháp giảng dạy, hệ thống đánh giá chất lượng giảng viên, ý thức học tập của sinh viên, cơ sở vật chất, cơ chế chính sách liên quan đến khuyến khích việc dạy và học KNM, ... sẽ được trình bày cụ thể dưới đây.

#### **1.1.4.2. Phương pháp giảng dạy kỹ năng mềm**

Phương pháp giảng dạy là một trong những yếu tố quan trọng và ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng giáo dục - đào tạo, đặc biệt là trong giáo dục kỹ năng mềm. Phương pháp giảng dạy khoa học, phù hợp sẽ tạo điều kiện để giảng viên và người học phát huy hết khả năng của mình trong việc truyền đạt, lĩnh hội kiến thức cũng như phát triển tư duy. Nó sẽ làm thay đổi vai trò của người thầy đồng thời tạo nên sự hứng thú, say mê và sáng tạo cho người học.

Theo Valnlehn, 1983 cho rằng trong giảng dạy kỹ năng, để hình thành được một kỹ năng nào đó ở người học quan trọng nhất là phải hình thành cho họ sự hứng thú. Với tác giả, vai trò của giáo viên trong việc lựa chọn phương pháp giảng dạy, thiết kế bài giảng là rất quan trọng. Hay nhà tâm lý học Jacob L Moreno, M.D (1889 – 1974) cho rằng: Kỹ năng chỉ được hình thành khi người dạy khơi gợi được động lực bên trong của người học và động lực nhóm cùng tham gia để phát triển các kỹ năng cần thiết. Để khơi gợi được động lực của người học, người dạy cũng cần phải lựa chọn phương pháp, cách thức tổ chức giảng dạy, đánh giá phù hợp.

Hiện nay, tại các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam đa phần vẫn sử dụng phương pháp giảng dạy chủ đạo theo thuyết trình truyền thống, thầy giảng, trò ghi, làm mất khả năng tư duy sáng tạo của sinh viên. Tư duy sáng tạo tập trung vào khám phá các ý tưởng, phát triển thành nhiều giải pháp, tìm ra nhiều phương án trả lời đúng thay vì chỉ có một.

Ngoài những ưu điểm như chủ động được nội dung và thời gian trong giờ giảng và có thể sử dụng cho mọi loại hình lớp thì phương pháp thuyết trình truyền thống lại có một số hạn chế cho người học như người học mệt mỏi vì phải nghe quá nhiều, người dạy cũng mệt vì phải đọc thoại cả buổi học, hiệu quả giờ học không cao, học viên nhớ bài ít, dễ chán nản.

Cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và cải tiến của phương pháp giảng dạy, một số phương pháp giảng dạy mới xuất hiện như phương pháp dạy - học theo dự án,



trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức tạp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, nhằm tạo ra các sản phẩm và giới thiệu chúng. Nhiệm vụ của phương pháp này đòi hỏi người học cần có tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập. Làm việc nhóm là hình thức làm việc cơ bản của phương pháp này, giảng viên không đóng vai trò là người điều khiển tư duy sinh viên mà là người hướng dẫn, huấn luyện, tư vấn và bạn cùng học.

Phương pháp học theo dự án có rất nhiều ưu điểm như: gắn lý thuyết với thực hành, kích thích động cơ, hứng thú học tập của người học, tạo cơ hội để sinh viên đưa ra nhiều sáng kiến và thực hiện nhiều hoạt động khác nhau. Tuy nhiên, phương pháp này vẫn còn một số hạn chế như: không phù hợp với những môn lý thuyết mang tính hệ thống, đòi hỏi nhiều thời gian thực hành, phương tiện vật chất và tài chính phù hợp.

Hiện nay, phương pháp học tập qua trải nghiệm đang là phương pháp phù hợp nhất cho giảng dạy kỹ năng mềm, giúp không khí lớp học thêm sinh động, hiệu quả, tạo ra niềm vui và phát huy được tính sáng tạo và chủ động của người học.

Các hoạt động trải nghiệm, ngoài mục đích giải trí, còn gắn với mục tiêu học tập, giúp sinh viên đúc kết được bài học qua các trải nghiệm: học mà chơi, chơi mà học. Thông qua các hoạt động, người học có thể học được nhiều kiến thức, kỹ năng hơn. Qua đó, việc học sẽ trở nên chủ động, tích cực, tự giác, đây chính là lý do người học nhớ bài giảng lâu hơn.

Tuy nhiên, phương pháp này vẫn có một số hạn chế nổi bật như: phải đầu tư kinh phí để chuẩn bị các dụng cụ tổ chức trò chơi, khó tổ chức với lớp đông người và đòi hỏi người tổ chức và người tham gia cần có năng khiếu như hội họa, âm nhạc... (*Nguyễn Thị Minh Phượng, Phạm Thị Thúy, Lê Viết Chung, 2017*)

Với hoạt động giáo dục kỹ năng mềm ngoài phương pháp đào tạo, hình thức đánh giá, ghi nhận trong quá trình học tập và rèn luyện KNM cũng hết sức quan trọng. Mỗi phương pháp giảng dạy và học tập sẽ phù hợp với cách thức đánh giá khác nhau. Với đặc thù của việc giảng dạy KNM, cách đánh giá cần hướng đến mục tiêu động viên, khuyến khích, tạo động lực tích cực để người học không ngừng cố gắng, thay đổi và hoàn thiện; cần hết sức hạn chế việc so sánh, nhận xét, đánh giá thiếu tính xây dựng làm mất hứng thú, động lực của người học.

#### **1.1.4.3. Đội ngũ giảng viên**

Trong giảng dạy kỹ năng mềm, bên cạnh chương trình, phương pháp giảng dạy, yếu tố quyết định sự thành công, hiệu quả của việc giảng dạy KNM không ai khác đó là đội ngũ giảng viên (trong huấn luyện kỹ năng mềm, giảng viên thường được gọi là “Trainer” hay “Facilitator”). Giảng viên KNM là người tổ chức, thiết kế, điều phối các hoạt động giảng dạy (hoạt động trải nghiệm KNM) bằng cách lựa chọn các nội dung, hoạt động, phương pháp, phương tiện, không gian, cách thức tổ chức lớp học và định hướng cho hoạt động của sinh viên nhằm phát triển các kỹ năng tương ứng. Mọi hoạt

động diễn ra trong quá trình “dạy học” đều hướng đến việc hoàn thiện và phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên. Do đó, việc không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên KNM (đặt biệt là kỹ năng, phương pháp và kiến thức nền liên quan KNM giảng dạy) là hết sức cần thiết.

#### **1.1.4.4. Sinh viên**

Bên cạnh giảng viên, sinh viên đóng vai trò quan trọng quyết định đến chất lượng giảng dạy KNM. Điều đó tùy thuộc vào các yếu tố sau:

- Một là, nhận thức của sinh viên đối với vai trò của KNM trong học tập, làm việc và cuộc sống. Việc nhận thức đúng vai trò, tầm quan trọng của KNM quyết định đến kết quả của học tập, làm việc và sự hài lòng trong cuộc sống sẽ giúp sinh viên chủ động học tập, gia tăng sự tập trung và tiếp tục hoàn thiện sau khi khóa học kết thúc;
- Hai là, điều kiện sẵn sàng về thể chất, tinh thần của sinh viên khi tham dự các khóa học. Việc học tập KNM thông qua phương pháp trải nghiệm đòi hỏi thể chất, tinh thần của sinh viên ở mức độ nhất định. Do đó, với chế độ sinh hoạt, học tập, làm việc bán thời gian (part-time) thiếu khoa học cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc học tập KNM của sinh viên;
- Ba là, ảnh hưởng tiêu cực của môi trường xung quanh cũng gây nhiều khó khăn, cản trở trong việc thay đổi thói quen, rèn luyện kỹ năng của sinh viên. Việc này đòi hỏi sinh viên cần có mục tiêu, động lực thực sự bên cạnh sự hỗ trợ, động viên của bạn bè, giảng viên (đặc biệt là giảng viên chủ nhiệm/cố vấn học tập).

Để giúp sinh viên có định hướng trong việc rèn luyện những kỹ năng mềm phù hợp cho công việc và cuộc sống của bản thân, việc quan trọng và được đặt lên hàng đầu đó chính là giảng viên cần giúp sinh viên có nhận thức đúng về tầm quan trọng của kỹ năng mềm. Nhưng quan trọng hơn cả, sinh viên cần tự ý thức, rèn luyện những kỹ năng mềm cần thiết cho bản thân, vì chỉ khi nó trở thành nhu cầu thực sự của mình sinh viên mới chủ động trong học tập và rèn luyện hướng đến sự phát triển cho bản thân.

#### **1.1.4.5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy kỹ năng mềm**

Sau yếu tố về đội ngũ giáo viên, sinh viên thì cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục KNM ở các trường đại học, cao đẳng.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị và dụng cụ giảng dạy đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho quá trình dạy và học. Bởi vì có thiết bị dạy học phù hợp sẽ giúp giảng viên chủ động hơn trong việc tổ chức, thiết kế kế hoạch dạy học một cách khoa học, hiệu quả huy động được sự tham gia thực sự của sinh viên, giúp sinh viên khai thác và tiếp nhận kiến thức một cách tích cực. Như vậy, cơ sở vật chất, thiết bị và dụng cụ dạy học phải đáp ứng được yêu cầu của việc dạy và học, đặt biệt là khi áp dụng phương pháp dạy học tích cực: học tập qua trải nghiệm trong giảng dạy KNM.

#### **1.1.4.6. Cơ chế chính sách**

Một số quốc gia phát triển ở Châu Âu, Châu Mỹ lẫn Châu Á luôn đặt nhu cầu rèn luyện kỹ năng cho sinh viên và công dân lên hàng đầu. Thực tế cho thấy rằng, các trường đại học hàng đầu thế giới như Harvard, Stanford... cũng không bao giờ rộng cửa nếu sinh viên nộp hồ sơ vào mà không có thành tích hoạt động xã hội. Thế nhưng, hầu hết sinh viên Việt Nam khi ra trường đều thiếu các kỹ năng mềm cần thiết để đáp ứng yêu cầu công việc. Chính vì trong giáo dục của Việt Nam chưa coi trọng và tập trung đào tạo kỹ năng mềm nên sinh viên khi ra trường thường thiếu kinh nghiệm làm việc, cách giao tiếp, ứng xử và giải quyết vấn đề. Chính sách của một số trường đại học vẫn còn đang tập trung vào giảng dạy chuyên môn mà chưa để ý đến việc giảng dạy, trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên.

Khi các trường đại học chưa có nội dung đào tạo kỹ năng mềm, nhiều trung tâm đã mở ra các lớp đào tạo để đáp ứng nhu cầu cho sinh viên. Tuy nhiên, thực tế các lớp học ở các trung tâm này vẫn chưa thu hút được nhiều sinh viên vì nhiều sinh viên chưa nhận thức được đầy đủ vai trò của việc rèn luyện KNM, một số khác nhận thức được vai trò của rèn luyện KNM nhưng lại không biết mình đang thiếu các kỹ năng nào, hoặc chưa tìm được cách thức phù hợp để trang bị các KNM cần thiết. Chính vì vậy, môi trường đại học là nơi có thể giúp các bạn hoàn thiện các kỹ năng thông qua các chương trình học theo chuẩn đầu ra được thiết kế một cách khoa học, thực tiễn và đáp ứng nhu cầu của sinh viên. Nhờ đó, sinh viên ra trường có đầy đủ các kỹ năng mềm cần thiết để nhanh chóng bắt kịp yêu cầu công việc. Thực hiện được việc này, chủ trương, chính sách và mục tiêu đào tạo của từng trường đại học là hết sức quan trọng. Việc sớm nhận thức tầm quan trọng của giáo dục KNM trong chương trình đào tạo; là một trong những chuẩn đầu ra quan trọng của nhà trường; về chính sách phát triển đội ngũ giảng viên; tạo điều kiện tốt nhất để tổ chức, giảng dạy KNM trong trường đại học quyết định đến chất lượng đào tạo chung của trường, chất lượng đầu ra của sinh viên.

#### **1.1.4.7. Môi trường rèn luyện và phát triển kỹ năng mềm**

Thời lượng giảng dạy KNM tại các trường đại học luôn có giới hạn, vừa đủ để sinh viên nhận ra tầm quan trọng và phương pháp rèn luyện các kỹ năng này. Trong khi để hoàn thiện một KNM đòi hỏi quá trình áp dụng và rèn luyện liên tục trong những tình huống thực tế khác nhau. Vì vậy, tạo ra môi trường để sinh viên được thường xuyên rèn luyện và phát triển kỹ năng mềm là hết sức quan trọng cần được giảng viên, nhà trường, đoàn thể quan tâm để sinh viên có nhiều cơ hội tham gia thực hành và rèn luyện các kỹ năng đã được học trên lớp.

## **1.2. Tổng quan về các mô hình giáo dục kỹ năng mềm hiện nay**

### **1.2.1. Quan niệm về giáo dục kỹ năng mềm tại một số nước trên thế giới**

#### **1.2.1.1. Quan niệm về giáo dục kỹ năng mềm tại Mỹ**

Tại Mỹ, Bộ Lao động Mỹ (The U.S. Department of Labor) cùng Hiệp hội Đào tạo và Phát triển Mỹ (The American Society of Training and Development) gần đây đã thực hiện một cuộc nghiên cứu về các kỹ năng cơ bản trong công việc. Kết luận được đưa ra là có 13 kỹ năng cơ bản cần thiết để thành công trong công việc

- Kỹ năng học và tự học (Learning to Learn Skills)
- Kỹ năng lắng nghe (Listening Skills)
- Kỹ năng thuyết trình (Oral Communication Skills)
- Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem Solving Skills)
- Kỹ năng tư duy sáng tạo (Creative Thinking Skills)
- Kỹ năng quản lý bản thân và tinh thần tự tôn (Self Esteem Skills)
- Kỹ năng đặt mục tiêu/ tạo động lực làm việc (Goal Setting/ Motivation Skills)
- Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp (Personal and Career Development Skills)
- Kỹ năng giao tiếp ứng xử và tạo lập quan hệ (Interpersonal Skills)
- Kỹ năng làm việc đồng đội (Teamwork)
- Kỹ năng đàm phán (Negotiation Skills)
- Kỹ năng tổ chức công việc hiệu quả (Organizational Effectiveness Skills)
- Kỹ năng lãnh đạo bản thân (Leadership Skills)

Năm 1989, Bộ Lao động Mỹ cũng đã thành lập một Ủy ban Thư ký về rèn luyện các kỹ năng cần thiết (The Secretary's Commission on Achieving Necessary Skills – SCANS). Thành viên của ủy ban này đến từ nhiều lĩnh vực khác nhau như giáo dục, kinh doanh, doanh nhân, người lao động, công chức... nhằm mục đích “thúc đẩy nền kinh tế bằng nguồn lao động kỹ năng cao và công việc thu nhập cao”.

#### **1.2.1.2. Quan niệm về giáo dục kỹ năng mềm tại Canada**

Chính phủ Canada cũng có một Bộ phụ trách về việc phát triển kỹ năng cho người lao động. Bộ Phát triển Nguồn nhân lực và Kỹ năng Canada (Human Resources and Skills Development Canada – HRSDC) có nhiệm vụ xây dựng nguồn nhân lực mạnh và có năng lực cạnh tranh, giúp người Canada nâng cao năng lực ra quyết định và năng suất làm việc để nâng cao chất lượng cuộc sống. Bộ này cũng có những nghiên cứu để đưa ra danh sách các kỹ năng cần thiết đối với người lao động. Conference Board of Canada là một tổ chức phi lợi nhuận của Canada dành riêng cho nghiên cứu và phân tích các xu hướng kinh tế, cũng như năng lực hoạt động các tổ chức và các vấn đề chính sách công cộng. Tổ chức này cũng đã có nghiên cứu và đưa ra danh sách các kỹ năng hành nghề cho thế kỷ 21 (Employability Skills 2000+) bao gồm các kỹ năng như:

- Kỹ năng giao tiếp (Communication Skills)

- Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem Solving Skills)
- Kỹ năng tư duy và hành vi tích cực (Positive Attitudes and Behaviours Skills)
- Kỹ năng thích ứng (Adaptability Skills)
- Kỹ năng làm việc với con người (Working with Others Skills)
- Kỹ năng nghiên cứu khoa học, công nghệ và toán (Science, Technology and Mathematics Skills)

### **1.2.1.3. Quan niệm về giáo dục kỹ năng mềm tại Anh**

Chính phủ Anh cũng có cơ quan chuyên trách về phát triển kỹ năng cho người lao động. Bộ Đổi mới, Đại học và Kỹ năng được chính phủ thành lập từ ngày 28/6/2007, đến tháng 6/2009 thì được ghép với Bộ Kinh tế, Doanh nghiệp và Đổi mới Pháp chế để tạo nên bộ mới là Bộ Kinh tế, Đổi mới và Kỹ năng. Bộ này chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến việc học tập của người lớn, một phần của giáo dục nâng cao, kỹ năng, khoa học và đổi mới. Cơ quan chứng nhận chương trình và tiêu chuẩn (Qualification and Curriculum Authority) cũng đưa ra danh sách các kỹ năng quan trọng bao gồm:

- Kỹ năng tính toán (Application of Number Skills)
- Kỹ năng giao tiếp (Communication Skills)
- Kỹ năng tự học và nâng cao năng lực cá nhân (Improving Own Learning and Performance Skills)
- Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (Information and Communication Technology Skills)
- Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem Solving Skills)
- Kỹ năng làm việc với con người (Working with Others Skills)

### **1.2.1.4. Quan niệm về giáo dục kỹ năng mềm tại Úc**

Tại Úc, Hội đồng Kinh doanh Úc (The Business Council of Australia – BCA) và Phòng thương mại và công nghiệp Úc (the Australian Chamber of Commerce and Industry – ACCI) với sự bảo trợ của Bộ Giáo dục, Đào tạo và Khoa học (the Department of Education, Science and Training – DEST) và Hội đồng giáo dục quốc gia Úc (the Australian National Training Authority – ANTA) đã xuất bản cuốn “Kỹ năng hành nghề cho tương lai” (năm 2002). Cuốn sách cho thấy các kỹ năng và kiến thức mà người sử dụng lao động yêu cầu bắt buộc phải có. Kỹ năng hành nghề (employability skills) là các kỹ năng cần thiết không chỉ để có được việc làm mà còn để tiến bộ trong tổ chức thông qua việc phát huy tiềm năng cá nhân và đóng góp vào định hướng chiến lược của tổ chức. Các kỹ năng hành nghề bao gồm có 8 kỹ năng như sau:

- Kỹ năng giao tiếp (Communication Skills)
- Kỹ năng làm việc đồng đội (Teamwork Skills)
- Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem Solving Skills)
- Kỹ năng sáng tạo và mạo hiểm (Initiative and Enterprise Skills)
- Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc (Planning and Organising Skills)

- Kỹ năng quản lý bản thân (Self-management Skills)
- Kỹ năng học tập (Learning Skills)
- Kỹ năng công nghệ (Technology Skills)

#### **1.2.1.5. Quan niệm về giáo dục kỹ năng mềm tại Singapore**

Chính phủ Singapore có Cục phát triển lao động WDA (Workforce Development Agency) WDA đã thiết lập hệ thống các kỹ năng hành nghề ESS (Singapore Employability Skills System) gồm 10 kỹ năng:

- Kỹ năng công sở và tính toán (Workplace Literacy & Numeracy Skills)
- Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (Information & Communications Technology Skills)
- Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định (Problem Solving & Decision Making Skills)
- Kỹ năng sáng tạo và mạo hiểm (Initiative & Enterprise Skills)
- Kỹ năng giao tiếp và quản lý quan hệ (Communication & Relationship Management Skills)
- Kỹ năng học tập suốt đời (Lifelong Learning Skills)
- Kỹ năng tư duy mở toàn cầu (Global Mindset Skills)
- Kỹ năng tự quản lý bản thân (Self-management Skills)
- Kỹ năng tổ chức công việc (Workplace-Related Life Skills)
- Kỹ năng an toàn lao động và vệ sinh sức khỏe (Health & Workplace Safety Skills).

Trong WDA còn có Trung tâm kỹ năng hành nghề (The Centre for Employability Skills (CES)) để đánh giá hệ thống và hỗ trợ đào tạo kỹ năng.

#### **1.2.2. Mô hình giáo dục kỹ năng mềm tại một số trường đại học ở Việt Nam**

Theo các nhà tuyển dụng, KNM là một trong những yếu tố quyết định việc tuyển dụng nhân sự. Đối với sinh viên, nhất là sinh viên mới ra trường khả năng thích nghi, giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp, ứng xử trong môi trường công sở là hết sức quan trọng. Trong thực tế, môi trường làm việc vốn đa dạng hơn rất nhiều so với giảng đường đại học. Sinh viên dù có chuyên môn tốt (thể hiện trên bảng điểm/khả năng thực tế) vẫn cần sự chủ động, tự tin và khả năng trình bày lưu loát khi ứng tuyển; cần kỹ năng quản lý thời gian, tổ chức công việc để làm tốt nhiệm vụ dưới áp lực công việc, yếu tố không thể tránh khỏi trong môi trường làm việc hiện đại; đồng thời cần kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý và lãnh đạo bản thân,... để hoàn thành những dự án lớn cần phối hợp nhân lực.

Cùng với chuyên môn và ngoại ngữ, KNM là yêu cầu không thể thiếu đối với mỗi sinh viên trong thời kỳ hội nhập. Giáo dục KNM chính vì thế trở thành một trong những mục tiêu quan trọng của giáo dục đại học hiện đại tại một số trường ở Việt Nam hiện nay. Do đó, một số trường đại học đã dần đưa KNM vào chương trình đào tạo bằng

nhiều hình thức khác nhau. Cụ thể có thể tham khảo kinh nghiệm một số trường đại học sau đây.

### 1.2.2.1. Đại học Quốc gia Hà Nội

Theo hướng dẫn tạm thời số 3882/HD-ĐT về đào tạo, bồi dưỡng KNM cho sinh viên ở Đại học Quốc gia Hà Nội, nhà trường đưa ra chương trình đào tạo bao gồm 20 kỹ năng cơ bản sau để sinh viên lựa chọn 5 kỹ năng đăng ký học:

1	Kỹ năng giải quyết vấn đề	11	Kỹ năng điều hành các cuộc họp hiệu quả
2	Kỹ năng giao tiếp	12	Kỹ năng quản lý dự án
3	Kỹ năng học tập	13	Kỹ năng ra quyết định nhóm
4	Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh chiến lược	14	Kỹ năng lãnh đạo nhóm hiệu quả
5	Kỹ năng phỏng vấn xin việc	15	Kỹ năng làm việc nhóm
6	Kỹ năng quản lý công việc	16	Phương pháp kiểm soát stress
7	Kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả	17	Bí quyết xây dựng đội ngũ vững mạnh
8	Kỹ năng thuyết trình	18	Thuyết trình hiệu quả trong môi trường kinh doanh hiện đại
9	Kỹ năng tư duy tích cực và sáng tạo	19	Quảng bá thương hiệu trên Internet
10	Kỹ năng lập và quản lý ngân sách	20	Kỹ năng giải quyết vấn đề

### 1.2.2.2. Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp. Hồ Chí Minh

Theo quy chế ban hành theo Quyết định số 43/2007/GDDT của Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Tp. Hồ Chí Minh, sinh viên ra trường phải đạt các kỹ năng sau:

1	Kỹ năng làm việc nhóm	4	Kỹ năng thuyết trình
2	Kỹ năng giao tiếp	5	Phương pháp luận sáng tạo
3	Kỹ năng xây dựng kế hoạch		

### 1.2.2.3. Trường Đại học Ngân Hàng

Theo thông báo về việc tổ chức lớp KNM cho tân sinh viên ngày 26/10/2017 của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, sinh viên khi mới nhập học phải tham gia đầy đủ các KNM sau:

1	Phương pháp học tập đại học hiệu quả	4	Kỹ năng thuyết trình
2	Kỹ năng tư duy sáng tạo	5	Kỹ năng xây dựng thương hiệu cá nhân
3	Kỹ năng Giao tiếp hiệu quả	6	Kỹ năng làm việc nhóm

### 1.2.2.4. Trường đại học Tài chính – Marketing

Theo quy định chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tài chính - Marketing (*Ban hành kèm theo quyết định số 1314/QĐ-ĐHTCM ngày 13/8/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing*), sinh viên khi xét tốt nghiệp phải có đủ các giấy chứng nhận tham dự các khóa huấn luyện KNM sau:

1	KN thuyết trình hiệu quả	4	KN giao tiếp và ứng xử trong kinh doanh
2	KN tư duy hiệu quả và sáng tạo	5	KN tổ chức công việc và quản lý thời gian
3	KN giải quyết vấn đề và ra quyết định	6	KN làm việc tập thể và tinh thần đồng đội

### 1.2.2.5. Học viện Hàng không Việt Nam

Theo bộ chương trình đào tạo ban hành theo Quyết định số 158/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 20/03/2014 của Học viện Hàng không Việt Nam, sinh viên khi ra trường phải đạt được các kỹ năng sau:

1	Kỹ năng giao tiếp	4	Kỹ năng thuyết trình
2	Kỹ năng làm việc nhóm	5	Kỹ năng quản lý công việc
3	Kỹ năng xin việc và phỏng vấn xin việc	6	Kỹ năng lãnh đạo



### 1.2.2.6. Trường Đại học Văn Hiến

Theo Quyết định số 140/QĐ-ĐHVH về ban hành quy định năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin và KNM của sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng, sinh viên cần tích lũy 8 kỹ năng ở trình độ đại học (5 kỹ năng bắt buộc, 3 kỹ năng tự chọn), và 6 kỹ năng ở trình độ cao đẳng (4 kỹ năng bắt buộc, 2 kỹ năng tự chọn):

1	Phương pháp học đại học	5	Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả
2	Kỹ năng khám phá bản thân	6	Kỹ năng thuyết trình
3	Kỹ năng xây dựng mục tiêu và tạo động lực cho bản thân	7	Kỹ năng giải quyết vấn đề – Ra quyết định
4	Kỹ năng tư duy sáng tạo	8	Kỹ năng quản lý cảm xúc và ứng xử tình huống trong cuộc sống

*(Xem thêm Phụ lục 2: Chương trình đào tạo tại một số trường đại học ở Việt Nam)*

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo các trường đại học, cao đẳng chính quy. Trong đó, nâng cao giáo dục KNM cho sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng trong cả nước là vấn đề cấp thiết hiện nay. Vấn đề này đã được thực hiện từ sớm ở các nước trên thế giới, tuy nhiên, ở Việt Nam còn khá mới mẻ.

Theo thống kê của Viện Nghiên cứu Giáo dục Việt Nam năm 2009, cho thấy hơn 83% học sinh – sinh viên thiếu các KNM cần thiết để sống tích cực và làm việc hiệu quả. Điều này cũng lý giải phần nào thực trạng thất nghiệp ngày càng cao của sinh viên sau khi ra trường. Việc giáo dục KNM tại các trường đại học cao đẳng còn một số hạn chế do một số nhân tố ảnh hưởng như chính sách của nhà trường đối với bộ môn KNM, nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của KNM dẫn đến ý thức của sinh viên trong việc rèn luyện KNM. Ngoài ra còn một số nhân tố khác như: chương trình giáo dục KNM, phương pháp giảng dạy, giảng viên giảng dạy, cơ sở vật chất và môi trường cho sinh viên rèn luyện kỹ năng.

Dựa trên nền tảng cơ sở lý thuyết, việc phân tích thực trạng của việc giảng dạy KNM và các yếu tố ảnh hưởng đến việc giảng dạy và học tập KNM tại BVU là hết sức cần thiết từ đó đề xuất các giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện mô hình giáo dục KNM cho sinh viên BVU theo hướng ứng dụng và quốc tế hóa gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

## **CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

### **2.1. Tổng quan về Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu**

#### **2.1.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Giá trị cốt lõi - Mục tiêu**

*Tầm nhìn:* đến năm 2020, Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu là một trường đại học có thứ hạng cao trong nước và khu vực, là một địa chỉ đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ có uy tín về các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch, cảng biển, logistics, công nghiệp hỗ trợ.

*Sứ mạng:* Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu là trường đại học định hướng ứng dụng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trên cơ sở liên kết chiến lược giữa nhà trường với doanh nghiệp, giữa đào tạo với sản xuất và dịch vụ.

*Giá trị cốt lõi:* nhà trường xác định chất lượng và hiệu quả đào tạo là giá trị hàng đầu, là nguyên tắc và định hướng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học; là yếu tố quyết định cho sự mở rộng hợp tác, cạnh tranh và phát triển của nhà trường.

*Mục tiêu:* sinh viên Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu được học tập trong môi trường giáo dục hiện đại, gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp; tốt nghiệp ra trường với khát vọng sáng tạo và khởi nghiệp; tự tin tham gia vào thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế.

#### **2.1.2. Lịch sử hình thành**

Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu được Thủ tướng chính phủ ký quyết định thành lập ngày 27/01/2006 theo Quyết định số 27/2006/QĐ-TTg. Trải qua hơn 10 năm xây dựng và phát triển, BVU đã nỗ lực đóng góp nhiều thành tích trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và từng bước trở thành niềm tự hào của người dân phố biển Vũng Tàu.

#### **2.1.3. Đội ngũ cán bộ - giảng viên – nhân viên**

Tổng số cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường hiện có 255 người. Tất cả các giảng viên đều có trình độ từ thạc sỹ trở lên bao gồm: 33 giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ và 131 thạc sỹ. Trong đó, có nhiều giảng viên được cử đi học cao học, nghiên cứu sinh ở nước ngoài cũng đã quay trở về tiếp tục giảng dạy và nghiên cứu tại trường.

#### **2.1.4. Quy mô đào tạo**

Số lượng sinh viên: Khóa sinh viên đại học đầu tiên tốt nghiệp năm 2010 là 451. Tổng số học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp ra trường (thời điểm hiện tại): 12.781 trong đó

trình độ đại học: 8.244. Tổng số học sinh, sinh viên, học viên hiện tại: 5.200. Quy mô đào tạo đến năm 2020 dự kiến 15.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh.

Các ngành, chuyên ngành đào tạo: Trường đang đào tạo 12 ngành (đại học); 03 chuyên ngành thạc sĩ. Trường đang tiếp tục làm thủ tục mở thêm 2 chuyên ngành thạc sĩ và 2 chuyên ngành tiến sĩ.

Trình độ và hệ đào tạo: Trường đào tạo từ trình độ Đại học – Cao học với các hệ chính quy, vừa làm vừa học, văn bằng 2, liên thông. Ngoài ra, trường còn tổ chức đào tạo nhiều chương trình đào tạo ngắn hạn và cấp chứng chỉ, chứng nhận cho học viên. (Nguồn: *bvu.edu.vn*)

### **2.1.5. Cơ sở vật chất**

Từ 2006 đến nay, BVU liên tục đầu tư xây dựng, cải tạo các cơ sở đào tạo, đầu tư xây dựng thư viện cùng các phòng thực hành, thí nghiệm; trang bị thiết bị máy móc phục vụ các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Hiện nay, trường có trên 30 phòng thực hành, thí nghiệm, trong đó có 11 phòng thực hành máy tính, 20 phòng thực hành, thí nghiệm các chuyên ngành.

Đầu năm 2017, tập đoàn Nguyễn Hoàng đã chính thức đầu tư vào cơ sở 3 tại 951 Bình Giã và sẽ xây dựng khu liên hợp giảng đường, phòng thực hành – thí nghiệm, sân vận động, khu vui chơi cho sinh viên; đặc biệt là khu ký túc xá cao cấp với sức chứa tới 3000 chỗ ở cho BVU.

### **2.1.6. Thành tích**

- Năm 2011 BVU được tặng Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Năm 2014, BVU đạt danh hiệu Doanh nghiệp sáng tạo.
- Năm 2015, BVU vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước; Cờ thi đua của Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Tháng 7/2016, BVU gia nhập Tập đoàn Nguyễn Hoàng, chính thức trở thành thành viên của Tập đoàn giáo dục hàng đầu Việt Nam, nhanh chóng nhận được nhiều sự đầu tư về cơ sở vật chất, hạ tầng cũng như những định hướng phát triển đột phá trong giai đoạn 5 - 10 năm tới, mở ra một thời kỳ mới phát triển toàn diện, vững mạnh.

## **2.2. Mô hình giáo dục Kỹ năng mềm tại Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu**

### **2.2.1. Cơ sở xây dựng mô hình giáo dục Kỹ năng mềm tại Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu**

#### **2.2.1.1. Hệ thống văn bản liên quan**

Cơ sở pháp lý để xây dựng mô hình giáo dục KNM cho sinh viên tại BVU được căn cứ trên nội dung của các văn bản sau đây:

- Công văn số 1452/GDDĐT-TC hướng dẫn thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa tại các cơ sở giáo dục trực thuộc;
- Chỉ thị 296/CT-TTg về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010–2012;
- Công văn số 1374/BGDĐT-GDDH về thực hiện chỉ thị số 296/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012;
- Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo

### **2.2.1.2. Quy định về việc giảng dạy KNM theo chuẩn đầu ra hiện nay**

Thực hiện theo công bố chuẩn đầu ra theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành quyết định số 878/QĐ-BVU ngày 6/3/2017 quy định chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy khóa tuyển sinh năm 2016; Quyết định số 308/QĐ-BVU ngày 30/08/2017 quy định chuẩn đầu ra các ngành đào tạo đại học hệ chính quy khóa tuyển sinh năm 2017 và văn bản hướng dẫn về việc tổ chức giảng dạy, học tập các học phần để đạt chuẩn đầu ra KNM.

Bên cạnh chuẩn đầu ra về chuyên môn nghiệp vụ, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, đây là các khóa học đầu tiên nhà trường bổ sung chuẩn đầu ra về KNM như sau:

- Đại học khóa tuyển sinh năm 2016:
  - Kỹ năng giao tiếp cơ bản (2 tín chỉ)
  - Kỹ năng giao tiếp nâng cao (2 tín chỉ)
- Cao đẳng khóa tuyển sinh năm 2016:
  - Kỹ năng giao tiếp cơ bản (2 tín chỉ)
- Đại học khóa tuyển sinh năm 2017:
  - Phương pháp học đại học và Tư duy sáng tạo (2 tín chỉ)
  - Kỹ năng giao tiếp cơ bản (2 tín chỉ)
  - Kỹ năng giao tiếp nâng cao (2 tín chỉ)

### **2.2.2. Chương trình phát triển Kỹ năng mềm khác**

Sau hơn một năm thực hiện chương trình giảng dạy KNM theo CĐR tại BVU, ngoài các khóa học chuẩn đầu ra, Ban Phát triển KNM (thuộc Trung tâm Đào tạo đại cương và Phát triển kỹ năng mềm) đã tổ chức nhiều chương trình ngoại khóa nhằm phát triển KNM cho sinh viên như: Tọa đàm, hội thảo chuyên đề về KNM, chương trình tham quan, học tập văn hóa doanh nghiệp tại các doanh nghiệp có quy mô lớn, chuyên nghiệp; tổ chức các khóa học ngắn hạn về KNM,... tạo cơ hội để sinh viên tăng sự trải nghiệm và thực hành các kỹ năng mềm cần thiết. Đồng thời, tổ chức các chương trình nhằm hỗ

trợ giảng viên KNM trong việc hoàn thiện kỹ năng, phương pháp và trao đổi kinh nghiệm trong giảng dạy KNM. Trong đó, tiêu biểu một số chương trình như sau:

<b>STT</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH</b>	<b>THỜI GIAN</b>	<b>ĐỐI TƯỢNG</b>
1.	Offline các Group học tập kỹ năng (được hình thành trong quá trình học tham dự khóa học KNM tương ứng)	Hàng tháng	Sinh viên
2.	Tọa đàm “Kinh nghiệm giảng dạy KNM cho học sinh – sinh viên” do chuyên gia từ DC&A phối hợp tổ chức	15/03/2017	Giảng viên
3.	Tự tin chinh phục nhà tuyển dụng	21/05/2017	Sinh viên
4.	Khóa tập huấn KNM dành cho GV-Module 01	7,8,14,15/7/2017	Giảng viên
5.	Khóa học Play and Learn	1/10/2017	Học sinh
6.	Xin việc Phi truyền thống	7/10/2017	Sinh viên
7.	Ngoại khóa Tham quan thực tế Ajinomoto Long Thành	28/09/2017 19/10/2017	Sinh viên
8.	Khóa học “Kỹ năng lãnh đạo bản thân” (Chuyên gia Ấn Độ)	7/11/2017	Giảng viên Sinh viên
10.	Khóa học “Tạo thiện cảm trong giao tiếp”	11/11/2017	Sinh viên
11.	Khóa học: Kỹ năng tư duy tích cực – Tự tạo động lực	26/11/2017	Sinh viên
12.	Tọa đàm “Trường học cầu vồng”	14/12/2017	Sinh viên
13.	Tọa đàm “Vượt qua Stress trước tốt nghiệp”	07/01/2018	Sinh viên
14.	Khóa học “Hài kịch ứng biến”	19 - 24/03/2018	Giảng viên Sinh viên
15.	Kỹ năng thực hành các hoạt động trong điều phối	7/4/2018	Giảng viên Sinh viên
16.	Khóa học “Khiêu vũ BVU”	17/04/2018	Nhân viên Giảng viên Sinh viên

17.	Khóa tập huấn “Ứng dụng phương pháp giảng dạy tích cực: Học tập qua trải nghiệm”	26,27/05/2018	Giảng viên
18.	Tọa đàm “Định hướng mô hình giáo dục KNM ở các trường đại học – cao đẳng tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu”	02/06/2018	Doanh nghiệp Giảng viên Sinh viên

(Xem thêm một số hình ảnh tiêu biểu về các chương trình tại Phụ lục 1)

Ngoài công tác phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên và giảng viên BVU, Ban KNM còn đảm nhận vai trò hướng dẫn và hỗ trợ cho hoạt động của Câu lạc bộ Kỹ năng EES trong một số chương trình trong năm học 2017-2018 như sau:

STT	CHƯƠNG TRÌNH	THỜI GIAN	PHỐI HỢP TỔ CHỨC
1	Hỗ trợ quán cơm 2K	12/04/2018	CLB Kỹ năng EES
2	Teambuilding	29/04/2018	CLB Kỹ năng EES
3	Nhặt rác bãi biển	24/05/2018	CLB TSC, Đội Tình Nguyện
4	Vui Tết Thiếu Nhi 01.06.2018	31/05/2018	CLB Kỹ năng EES vs Lớp học tình thương

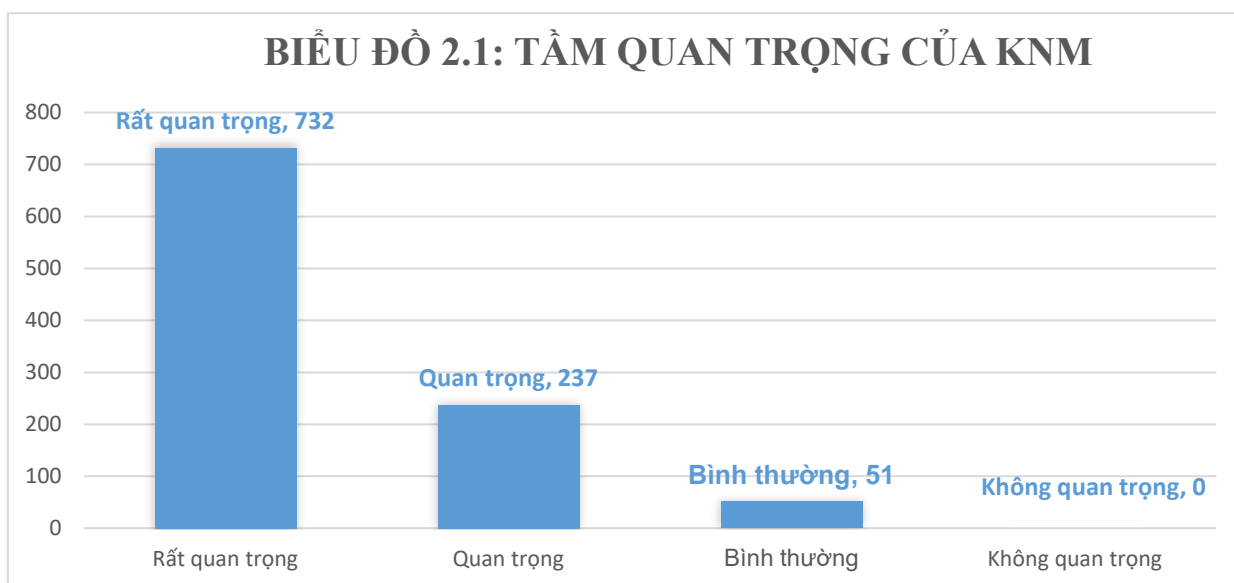
### 2.3. Khảo sát kết quả học tập và giảng dạy KNM tại BVU

Đề nắm bắt tình hình về thực trạng đào tạo KNM tại BVU, nhóm đề tài đã thực hiện phát 1030 phiếu khảo sát và thu về 1030 phiếu đạt yêu cầu, không có phiếu hỏng, khảo sát trên 1020 sinh viên (Phụ lục 3) và 10 giảng viên tham gia giảng dạy KNM (Phụ lục 3) qua các câu hỏi đánh giá quá trình học tập và giảng dạy KNM, thực trạng việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên, thực trạng quản lý việc mua sắm, sử dụng cơ sở vật chất, và việc đánh giá kết quả đầu ra. Song song với công tác khảo sát, nhóm đề tài cũng đã tổ chức tọa đàm về “Định hướng mô hình giáo dục KNM cho sinh viên các Trường Đại học – Cao đẳng” để tham khảo ý kiến chuyên gia (đại diện lãnh đạo các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đại diện doanh nghiệp, đại diện giảng viên) và lắng nghe phản hồi của sinh viên về việc giảng dạy KNM thời gian qua và đề xuất trong thời gian sắp tới, từ đó tổng hợp, phân tích và thu được kết quả như sau:

### 2.3.1. Thực trạng đánh giá của sinh viên về KNM

#### 2.3.1.1. Mức độ quan trọng của giáo dục KNM cho sinh viên tại BVU

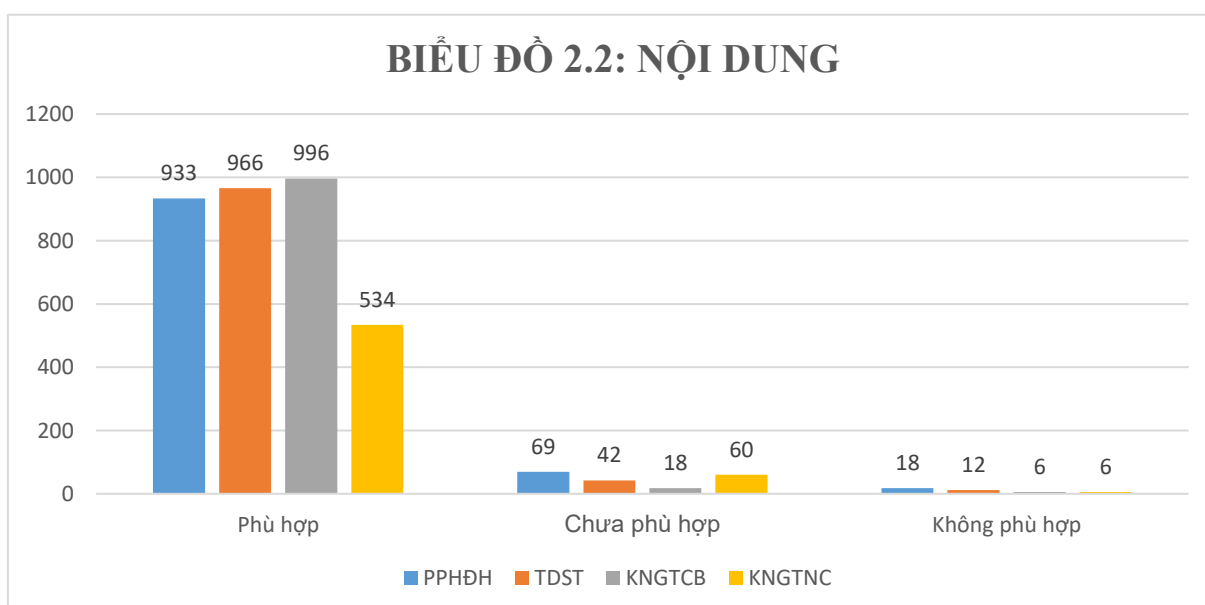
Qua khảo sát 1020 sinh viên Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu về tầm quan trọng của việc học KNM, kết quả thu được có 732 sinh viên cho rằng việc rèn luyện KNM rất quan trọng (chiếm 72%), 237 sinh viên (chiếm 23%) cho rằng quan trọng và 51 sinh viên (5%) cho rằng bình thường, không có sinh viên nào cho rằng việc rèn luyện KNM là không quan trọng.



Từ kết quả khảo sát ở biểu đồ 2.1 ta thấy rằng, đa số sinh viên BVU đều có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc giáo dục KNM cho sinh viên trong chương trình đào tạo của BVU.

#### 2.3.1.2. Chất lượng đào tạo KNM cho sinh viên của BVU

##### a. Nội dung giáo dục KNM





Có 933 sinh viên trên 1020 sinh viên được khảo sát (chiếm 91%) đánh giá nội dung giảng dạy học phần Phương pháp học đại học là phù hợp và thiết thực với sinh viên năm nhất, 7% đánh giá nội dung chưa phù hợp và 2% đánh giá là không phù hợp.

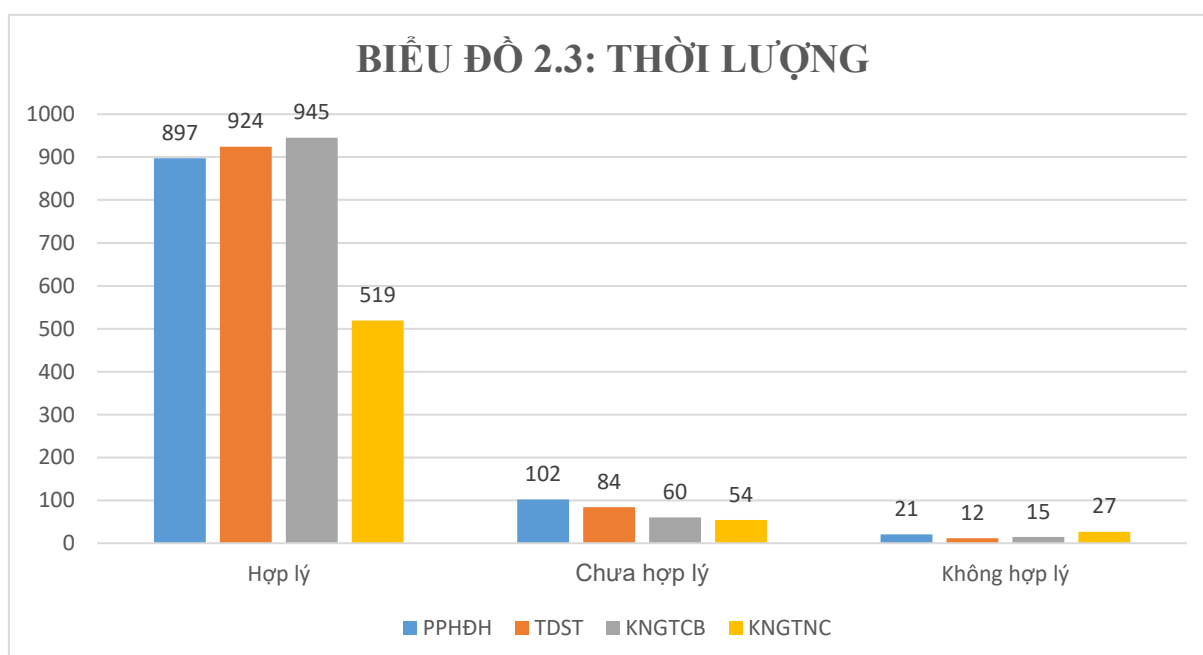
Theo khảo sát, 966 sinh viên (chiếm 95% tổng số khảo sát) nhận xét nội dung giảng dạy học phần Tư duy sáng tạo là phù hợp và thiết thực với sinh viên năm nhất, 4% tổng số khảo sát nhận xét nội dung chưa phù hợp và 1% nhận xét là không phù hợp.

Có 996 sinh viên đánh giá nội dung giảng dạy học phần Kỹ năng giao tiếp cơ bản là phù hợp và thiết thực với sinh viên (chiếm 98%), 2% cho rằng nội dung chưa phù hợp và không có sinh viên nào đánh giá là không phù hợp.

Theo khảo sát 600 sinh viên đã học qua học phần Kỹ năng giao tiếp nâng cao, có 434 sinh viên (chiếm 89% tổng số khảo sát) nhận xét nội dung giảng dạy học phần Kỹ năng giao tiếp nâng cao là phù hợp và thiết thực với sinh viên, 10% tổng số khảo sát đánh giá nội dung chưa phù hợp và 1% sinh viên đánh giá là không phù hợp.

Theo tổng hợp kết quả khảo sát các học phần, nội dung của học phần Kỹ năng giao tiếp cơ bản là phù hợp và được đánh giá cao nhất (98%) do các nội dung thiết thực và được áp dụng thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày của sinh viên. Được đánh giá phù hợp thứ hai là học phần Tư duy sáng tạo (95%), từ nội dung học được, sinh viên đã nắm được các công cụ hỗ trợ, phát triển khả năng sáng tạo và áp dụng trong mọi hoàn cảnh. Một vài ý kiến cho rằng nội dung học phần Phương pháp học đại học chưa phù hợp là do có một số nội dung đã được lồng ghép trong các học phần chuyên ngành. Nội dung học phần Kỹ năng giao tiếp nâng cao được đánh giá mức phù hợp thấp hơn các học phần khác là do có ý kiến cho rằng nội dung một vài chuyên đề chưa thật sự cần thiết đối với sinh viên các năm đầu.

## b. Thời lượng



Theo khảo sát, có 897 sinh viên trên 1020 sinh viên (chiếm 88%) đánh giá thời lượng học phần Phương pháp học đại học (1 tín chỉ) tương đương 15 tiết là hợp lý và cung cấp đủ kiến thức của học phần, 10% cho rằng thời lượng chưa được phân bổ hợp lý và 2% cho rằng thời lượng dành cho học phần này là không hợp lý.

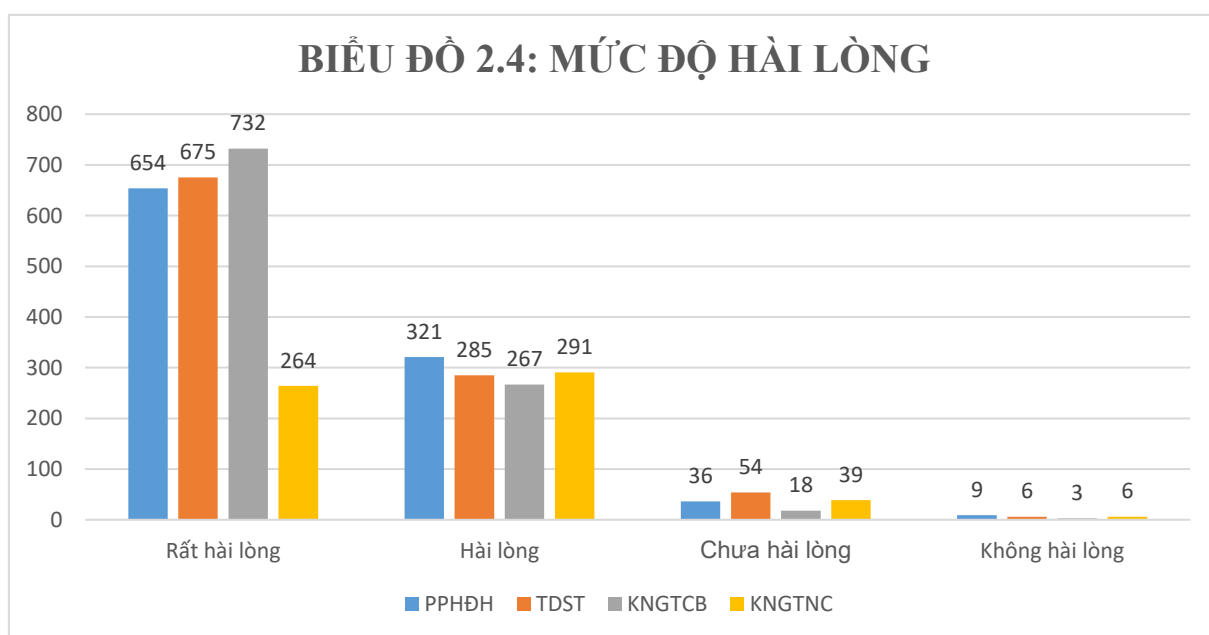
Đối với thời lượng học phần Tư duy sáng tạo (1 tín chỉ) tương đương 15 tiết có 91% tổng số khảo sát đánh giá là hợp lý và cung cấp đủ kiến thức của học phần, 8% tổng số khảo sát cho rằng thời lượng chưa được phân bổ hợp lý và 1% cho rằng thời lượng dành cho học phần này là không hợp lý.

Có 93% tổng số sinh viên được khảo sát đánh giá thời lượng học phần Kỹ năng giao tiếp cơ bản (2 tín chỉ) tương đương 30 tiết là hợp lý và cung cấp đủ kiến thức của học phần, 6% cho rằng thời lượng chưa được phân bổ hợp lý và 1% cho rằng thời lượng dành cho học phần này là không hợp lý.

Có 519 sinh viên trên 600 sinh viên (chiếm 86% tổng số khảo sát) đánh giá thời lượng học phần Kỹ năng giao tiếp nâng cao (2 tín chỉ) tương đương 30 tiết là hợp lý và cung cấp đủ kiến thức của học phần, 9% tổng số khảo sát cho rằng thời lượng chưa được phân bổ hợp lý và 5% cho rằng thời lượng dành cho học phần này là không hợp lý.

Thời lượng giảng dạy các học phần KNM được đánh giá với mức hài lòng khá cao, tuy nhiên vẫn có một số sinh viên chưa thật sự hài lòng về thời lượng dành cho các học phần này. Tuy nhiên, với mức trang bị căn bản các kỹ năng mềm cho sinh viên thì thời lượng này được đánh giá là hợp lý, nếu sinh viên muốn được trang bị chuyên sâu hơn về từng kỹ năng thì thời lượng theo tín chỉ từng học phần như vậy sẽ không đủ, những sinh viên này có thể đăng ký học ở những lớp kỹ năng chuyên sâu ngắn hạn của trường tổ chức mà không nằm trong chuẩn đầu ra.

### c. Mức độ hài lòng



Theo kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của sinh viên đối với học phần PPHĐH, ta thấy có 654 sinh viên (chiếm 64%) rất hài lòng với học phần PPHĐH, 31% hài lòng, 4% chưa hài lòng và 1% không hài lòng với học phần này.

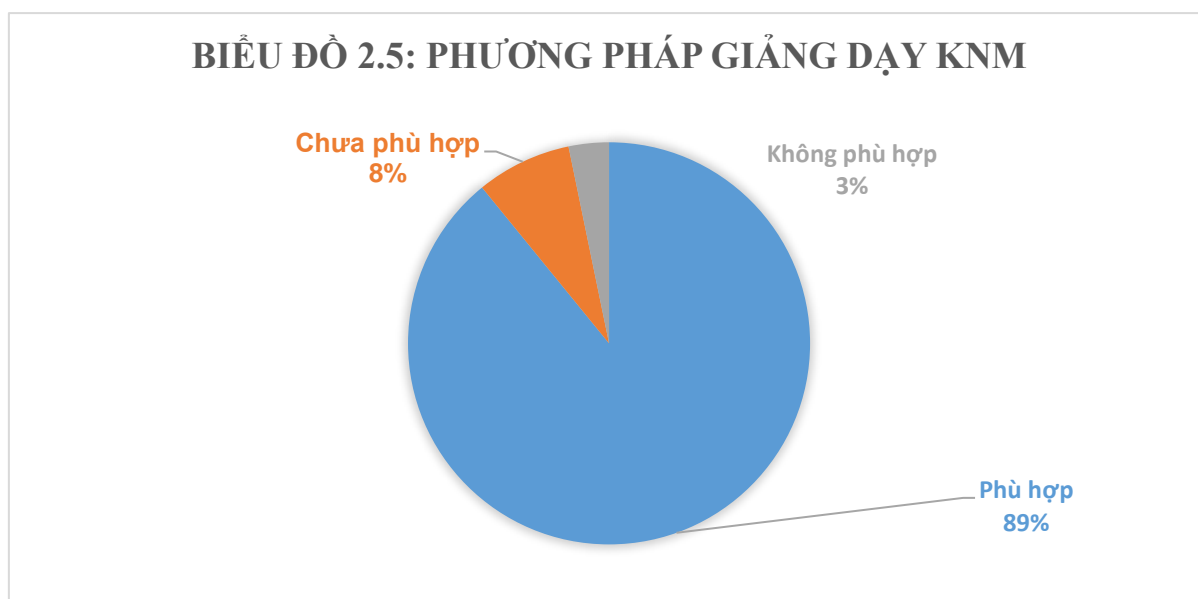
Có 66% tổng số sinh viên được khảo sát rất hài lòng với học phần TDST, 28% hài lòng, 5% chưa hài lòng và 1% không hài lòng với học phần này.

Chiếm 72% tổng số sinh viên được khảo sát rất hài lòng với học phần KNGTCB, 26% hài lòng, 2% chưa hài lòng và không có sinh viên nào không hài lòng với học phần này.

Trong 600 sinh viên được khảo sát, có 44% sinh viên rất hài lòng với học phần KNGTNC, 48% hài lòng, 7% chưa hài lòng và 1% không hài lòng với học phần này.

Đa phần các sinh viên được khảo sát đều hài lòng với các học phần mà mình tham gia, tuy nhiên một phần nhỏ sinh viên vẫn chưa hài lòng góp ý nội dung chưa thật sự phù hợp cho sinh viên các năm đầu và thời lượng chưa đủ để có thể đào tạo chuyên sâu vào từng kỹ năng theo yêu cầu.

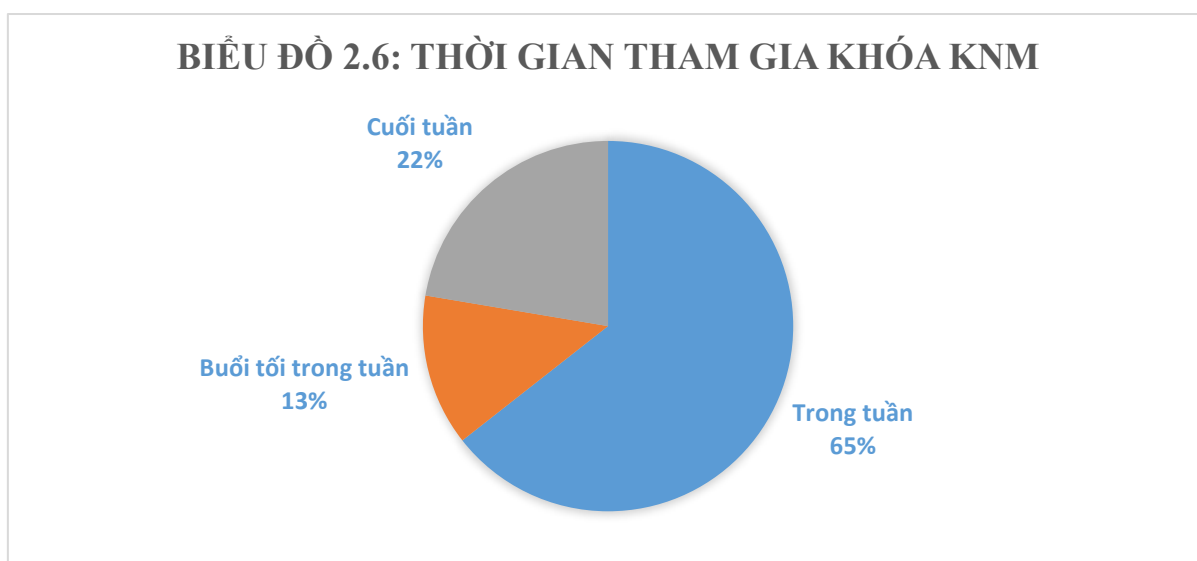
#### **d. Phương pháp giảng dạy kỹ năng mềm**



Theo khảo sát 1020 sinh viên đã học qua các học phần KNM, có 909 sinh viên nhận xét phương pháp giảng dạy KNM là phù hợp và luôn được đổi mới theo chiều hướng tích cực (chiếm 89% tổng số khảo sát), 78 sinh viên (8%) cho rằng phương pháp chưa phù hợp và 3% sinh viên đánh giá là không phù hợp.

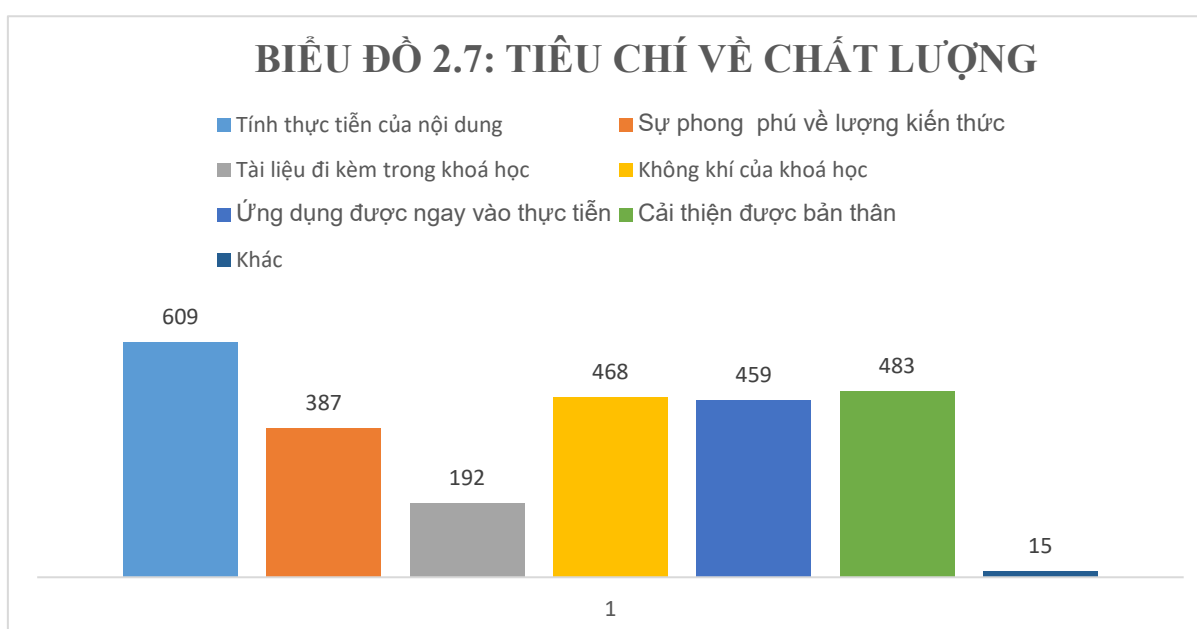
Nhìn chung, phương pháp giảng dạy các học phần luôn được đánh giá cao là do Ban Phát triển KNM luôn hỗ trợ các giảng viên tham gia các lớp tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy một cách thường xuyên, giúp các giảng viên liên tục cập nhật các phương pháp giảng dạy mới và hiệu quả nhất.

### e. Thời gian học KNM



Có 749 sinh viên (tương đương 65% tổng số khảo sát) cho rằng các buổi ngày trong tuần là phù hợp để tham gia các lớp KNM ngoài chuẩn đầu ra, 94 sinh viên (13%) đồng ý với các buổi tối trong tuần và 22% mong muốn tham gia vào các ngày cuối tuần. Kết quả khảo sát này sẽ hỗ trợ việc chọn thời gian phù hợp cho các lớp đào tạo ngắn hạn ngoài chuẩn đầu ra, tạo điều kiện tối đa để sinh viên có thể tham gia các lớp theo nhu cầu của mình.

### f. Tiêu chí đánh giá chất lượng khóa học

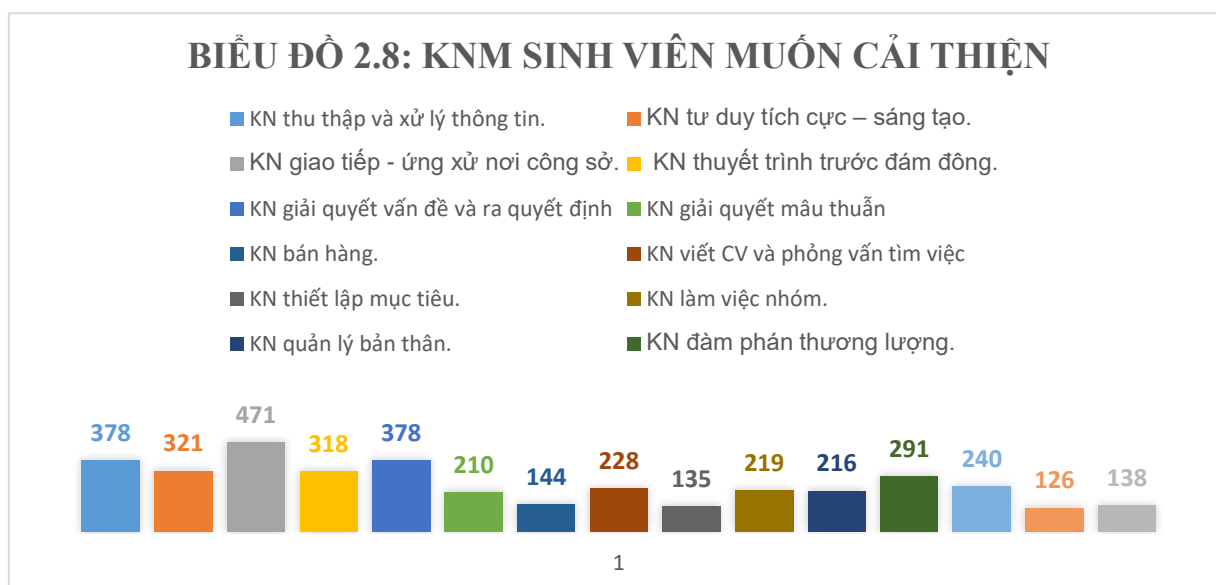


Trên khảo sát 1020 sinh viên, tiêu chí về chất lượng đào tạo KNM được quan tâm nhiều nhất là tính thực tiễn của nội dung chiếm 23%. Không khí sinh động của khóa học, khả năng ứng dụng được ngay vào thực tiễn, cải thiện được bản thân chiếm 18%, sự phong phú về lượng kiến thức chiếm 15%, tài liệu đi kèm trong khóa học chiếm 7% và các tiêu chí khác chiếm 1%.

Đa phần các sinh viên đều quan tâm đến các kỹ năng hàng ngày trong cuộc sống và mong muốn có một môi trường để nhanh chóng áp dụng, rèn luyện các kỹ năng này như các buổi ngoại khóa và tham quan thực tế tại các doanh nghiệp.

Ngoài ra, các hoạt động của đoàn trường, của các câu lạc bộ cũng là cơ hội tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện nhiều KNM như giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, lắng nghe, đàm phán, tổ chức sự kiện... mang đến cho sinh viên sự tự tin, năng động.

### g. Các KNM sinh viên muốn cải thiện



Theo khảo sát, các KNM mà sinh viên muốn cải thiện nhất là *Kỹ năng giao tiếp - ứng xử nơi công sở* chiếm 12%, *Kỹ năng giải quyết vấn đề - ra quyết định* và *Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin* chiếm 10%, *Kỹ năng tư duy tích cực – sáng tạo*, *Kỹ năng thuyết trình*, *Kỹ năng đàm phán* chiếm 8%, *Kỹ năng viết CV – phỏng vấn tìm việc*, *Kỹ năng làm việc nhóm*, *Kỹ năng quản lý bản thân* và *Kỹ năng lãnh đạo* chiếm 6%, *Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn* chiếm 5%, tiếp theo là *Kỹ năng bán hàng*, *Kỹ năng thiết lập mục tiêu* và *Kỹ năng sử dụng các thiết bị văn phòng* chiếm 4%, cuối cùng là *Kỹ năng sử dụng email – internet* chiếm 3%.

#### 2.3.1.3. Thực trạng việc đánh giá kết quả đầu ra của chương trình giáo dục KNM

Việc đánh giá các học phần KNM hướng tới việc nâng cao nhận thức về vai trò của KNM, từ đó khuyến khích sinh viên chủ động, không ngừng hoàn thiện các kỹ năng cần thiết để tự tin và thành công hơn trong học tập, công việc và cuộc sống.

- Điều kiện để được dự thi kết thúc học phần :
  - Sinh viên phải đảm bảo tham dự từ 70% thời lượng học phần trở lên
  - Thực hiện đầy đủ các hoạt động trên lớp theo yêu cầu của giảng viên.
- Hình thức thi kết thúc học phần :
  - Phương pháp học đại học – Tư duy sáng tạo: thực hiện sản phẩm hoặc ý tưởng sáng tạo theo nhóm hoặc cá nhân

- Kỹ năng giao tiếp cơ bản: thuyết trình với chủ đề theo yêu cầu của giảng viên
- Kỹ năng giao tiếp nâng cao: ứng xử tình huống bán hàng, xử lý vấn đề thông minh, thực hành trả lời phỏng vấn.

- Cách tính điểm:

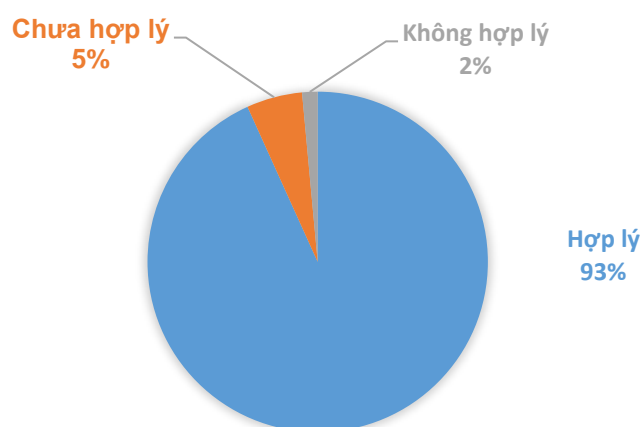
<b>Phương pháp học đại học và tư duy sáng tạo</b>			
Nội dung	Điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm thi kết thúc từng phần	Tổng điểm (thang điểm 10)
Phương pháp học đại học	20%	30%	50%
Tư duy sáng tạo	20%	30%	50%
<b>Tổng</b>	<b>40%</b>	<b>60%</b>	<b>100%</b>

<b>Kỹ năng giao tiếp cơ bản</b>			
Nội dung	Điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm thi kết thúc từng phần	Tổng điểm (thang điểm 10)
Giao tiếp qua ngôn ngữ và phi ngôn ngữ	20%	30%	50%
Thuyết trình	20%	30%	50%
<b>Tổng</b>	<b>40%</b>	<b>60%</b>	<b>100%</b>

<b>Kỹ năng giao tiếp nâng cao</b>			
Nội dung	Điểm kiểm tra thường xuyên	Điểm thi kết thúc từng phần	Tổng điểm (thang điểm 10)
KN bán hàng	10%	20%	30%
KN giải quyết vấn đề và ra quyết định	10%	20%	30%
KN viết CV và trả lời phỏng vấn	20%	20%	40%
<b>Tổng</b>	<b>40%</b>	<b>60%</b>	<b>100%</b>

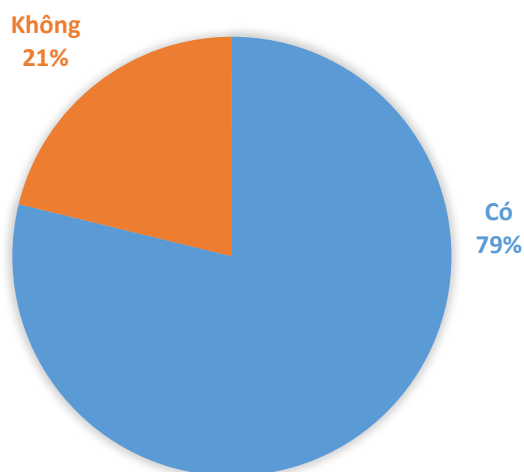
Trong quá trình thực hiện, Ban KNM có thể điều chỉnh, bổ sung các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với điều kiện thực tế, cập nhật kịp thời trong bài giảng và thông báo trước cho sinh viên.

**BIỂU ĐỒ 2.9: CÁCH ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC**



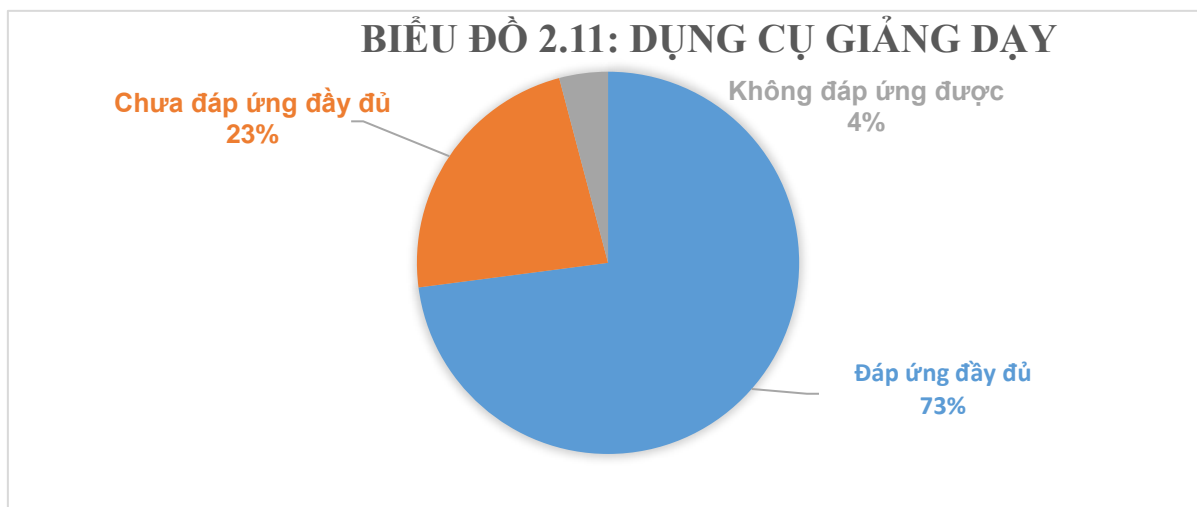
Trên khảo sát 1020 sinh viên đã từng thi kết thúc các học phần KNM, có 951 sinh viên (chiếm 93% tổng số khảo sát) nhận xét cách đánh giá kết quả các học phần KNM là hợp lý, 5% nhận xét là chưa hợp lý và 2% nhận xét là không hợp lý.

**BIỂU ĐỒ 2.10: NHU CẦU CẤP CHỨNG NHẬN**



Hiện tại, có 804 sinh viên tương đương 79% tổng số sinh viên được khảo sát có nhu cầu được cấp chứng nhận KNM sau mỗi khóa học và 21% không có nhu cầu được cấp giấy chứng nhận.

#### 2.3.1.4. Thực trạng quản lý việc mua sắm, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giảng dạy phục vụ hoạt động giáo dục KNM cho sinh viên



Theo khảo sát 1020 sinh viên, có 744 ý kiến (chiếm 73% tổng số khảo sát) cho rằng dụng cụ giảng dạy và cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu học tập, 234 ý kiến (chiếm 23% tổng số khảo sát) cho rằng dụng cụ giảng dạy và cơ sở vật chất chưa đáp ứng được đầy đủ nhu cầu học tập và 4% cho rằng không đáp ứng được nhu cầu học tập.

Qua tổng hợp kết quả khảo sát và lắng nghe từ sinh viên, 80% sinh viên đều nhận thấy sự thay đổi tích cực của bản thân sau các học phần KNM. Tuy nhiên, vẫn có một số kỹ năng cần thiết trong cuộc sống mà sinh viên cảm thấy còn yếu nhưng nhà trường hiện chưa có các khóa đào tạo.

Bên cạnh đó, đa phần sinh viên đã hoàn thành các học phần KNM đều đã nhận ra được tầm quan trọng của KNM trong công việc sau này. Rèn luyện KNM là một quá trình lâu dài nhưng do thời lượng học phần còn quá ít nên hiện tại sinh viên chưa có nhiều cơ hội để rèn luyện và nâng cao KNM.

Một số bạn sinh viên đã từng tham gia chuyến đi thực tế tại doanh nghiệp chia sẻ rằng các bạn đã học được nhiều từ thực tế chuyến đi và mong muốn nhà trường sẽ tổ chức thêm nhiều chuyến đi thực tế như vậy để sinh viên có nhiều cơ hội học hỏi và trải nghiệm hơn nữa.

#### 2.3.2. Phân tích tổng hợp ý kiến của đại diện doanh nghiệp, giảng viên

Nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng mềm tại BVU, nhóm đề tài đã tổ chức buổi tọa đàm chuyên đề “*Định hướng Mô hình Giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên các trường đại học – cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*” để tạo diễn đàn cho các giảng viên chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy kỹ năng mềm và lắng nghe góp ý của doanh nghiệp về mô hình giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên BVU.



Qua trao đổi ý kiến với các chuyên gia trong lĩnh vực KNM, các doanh nghiệp và giảng viên BVU, nhóm đề tài đã tổng hợp một số ý kiến đóng góp sau:

### 2.3.2.1. Ý kiến của đại diện doanh nghiệp

Trong buổi tọa đàm, về phía đại diện doanh nghiệp có sự tham gia của bà Nguyễn Xuân Bích Thoại, Phó Giám đốc Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Chi nhánh Vũng Tàu, về phía chuyên gia đào tạo KNM tại trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có bà Nguyễn Thị Mỹ Dung, trưởng phòng Đối ngoại.

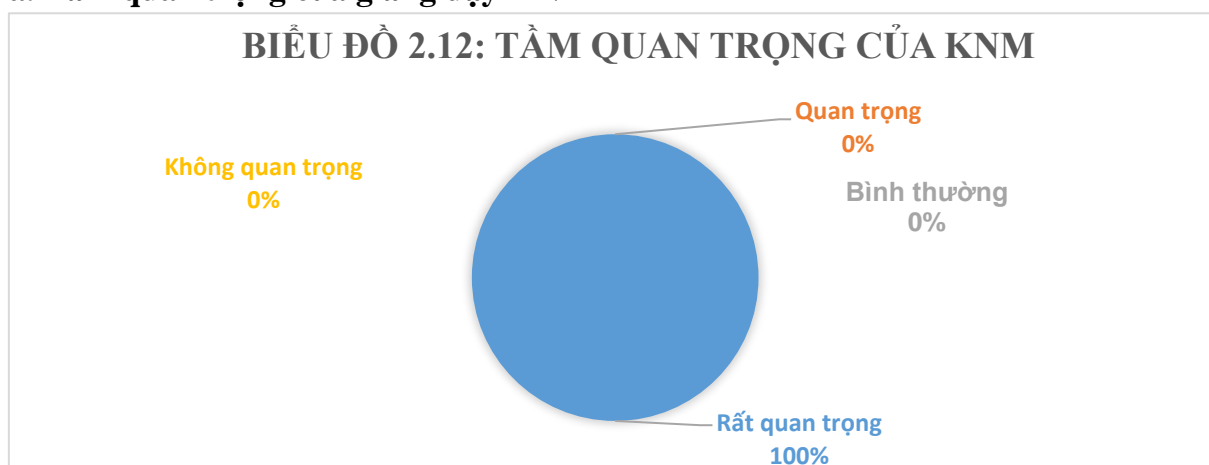
Bà Nguyễn Xuân Bích Thoại cho biết KNM hiện đang còn thiếu ở phần đông lực lượng lao động. Sinh viên tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nói chung và sinh viên trường đại học Bà Rịa - Vũng Tàu nói riêng khi ra trường phải mất một thời gian dài để tiếp cận với công việc mới do chưa được rèn luyện kỹ năng khi còn học tại trường đại học. Một số KNM mà đa phần sinh viên còn thiếu là kỹ năng giao tiếp, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy tích cực và tư duy sáng tạo trong công việc...

Những kỹ năng này tuy quan trọng nhưng đa số các doanh nghiệp đều không muốn đầu tư kinh phí để đào tạo cho nhân viên mới mà chỉ muốn nhận các nhân viên đã có sẵn các kỹ năng cần thiết mà doanh nghiệp đang cần. Vì vậy nhà trường nên thường xuyên cập nhật các kỹ năng mà doanh nghiệp hiện đang yêu cầu và tạo môi trường rèn luyện kỹ năng cho sinh viên trong các năm học đại học.

Theo bà Nguyễn Thị Mỹ Dung, việc giảng dạy KNM cho sinh viên là một yêu cầu cần thiết đối với tất cả các trường đại học cao đẳng tại thành phố Vũng Tàu, thành phố du lịch, nơi mà kỹ năng giao tiếp cần phải có ở lực lượng lao động. Tuy nhiên, giảng dạy KNM đòi hỏi sự nhiệt tình, kiến thức thực tế với thị trường lao động, do vậy trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thường xuyên tạo điều kiện hỗ trợ giảng viên đi tập huấn, giao lưu và học tập tại doanh nghiệp và các trường bạn trong và ngoài tỉnh.

### 2.3.2.2. Thực trạng đánh giá của giảng viên BVU

#### a. Tầm quan trọng của giảng dạy KNM



Theo khảo sát, 100% các giảng viên đã giảng dạy KNM đều đồng ý việc trang bị KNM rất quan trọng cho sinh viên trong học tập và làm việc sau này.

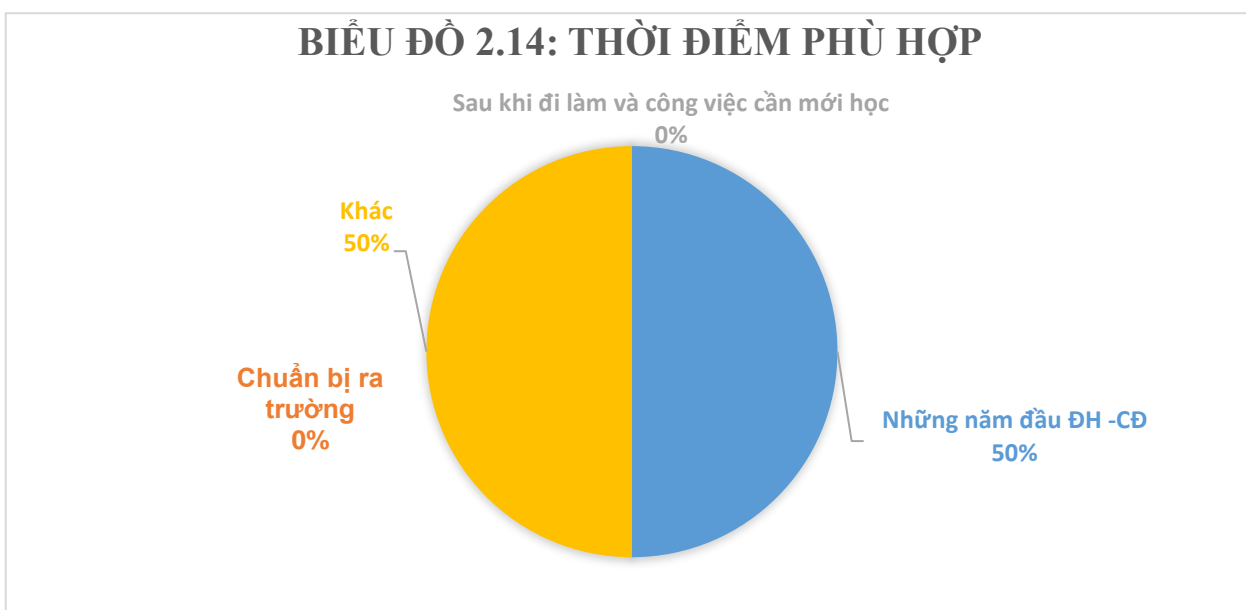
### b. Nội dung và thời lượng của các học phần kỹ năng mềm

Nội dung giảng dạy được các giảng viên cập nhật thường xuyên để phù hợp với yêu cầu thực tế nên 100% giảng viên được khảo sát đều đồng ý nội dung của các học phần KNM là phù hợp với nhu cầu và thiết thực với sinh viên.



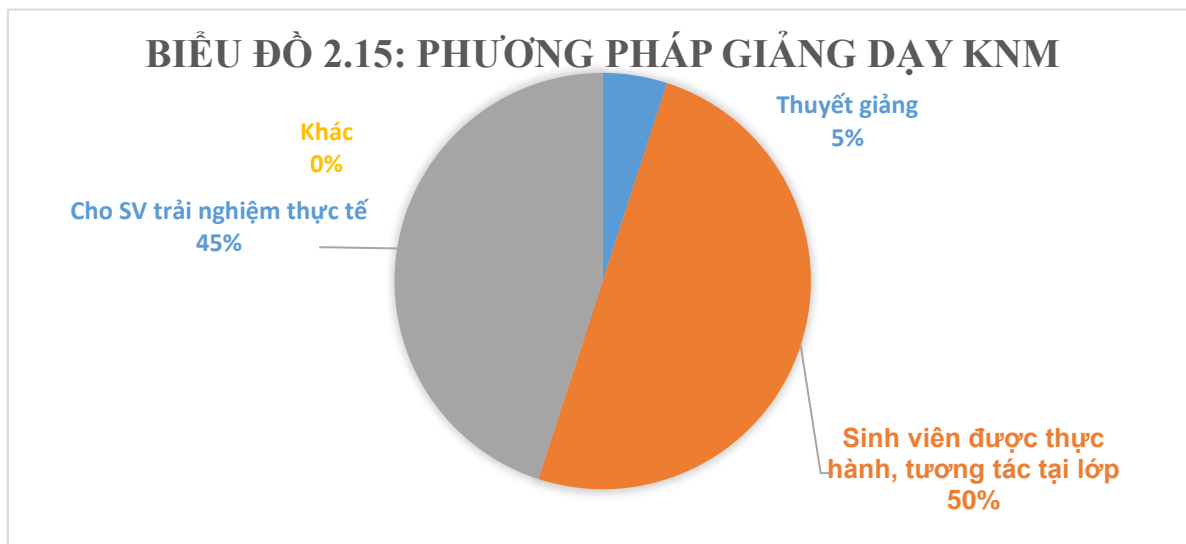
Bên cạnh đó, theo các giảng viên đã giảng dạy KNM đều đánh giá thời lượng cho từng học phần là phù hợp với nội dung của đề cương. Thực tế qua 3 kỳ giảng dạy, các giảng viên đã điều chỉnh thời gian để phù hợp với từng nội dung, giúp sinh viên có cơ hội thực hành nhiều nhất các kỹ năng cần thiết trong thời lượng cho phép.

### c. Thời điểm phù hợp để trang bị KNM cho sinh viên BVU



Theo khảo sát, có 50% giảng viên đồng ý thời điểm giảng dạy KNM tốt nhất cho sinh viên là vào những năm đầu đại học, 50% giảng viên còn lại cho rằng thời điểm giảng dạy còn tùy thuộc vào nội dung và thời điểm áp dụng của từng kỹ năng.

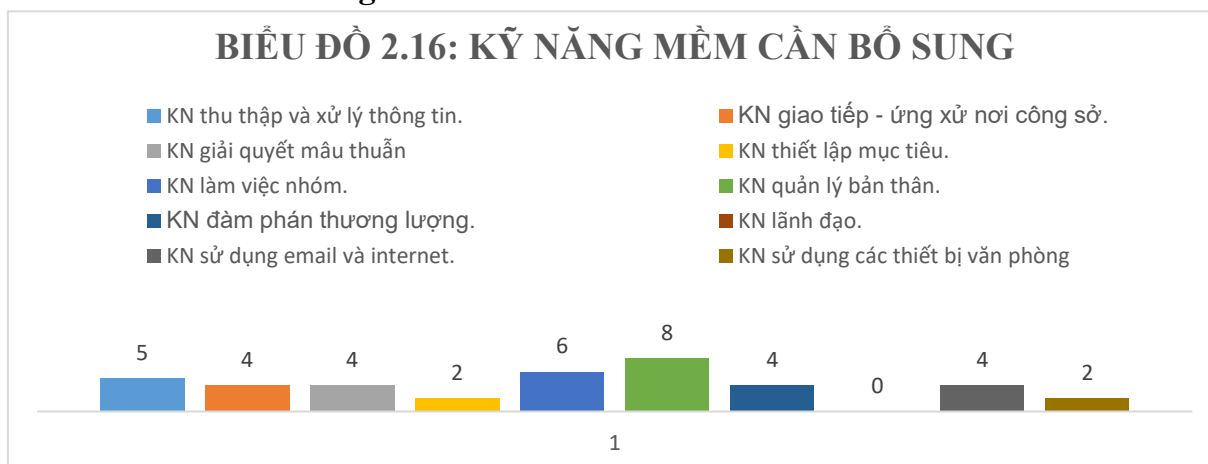
#### d. Phương pháp giảng dạy KNM



Có 50% kết quả khảo sát cho rằng phương pháp giảng dạy hiệu quả nhất là cho sinh viên được thực hành và tương tác tại lớp, 45% chọn phương pháp cho sinh viên tham gia và trải nghiệm thực tế, hoạt động ngoại khóa và 5% chọn thuyết giảng truyền thống.

Tuy nhiên, 100% thầy cô được khảo sát đều có góp ý số lớp hiện tại 50 - 70 sinh viên trên một lớp kỹ năng là quá đông. Nếu giảng dạy theo hình thức thuyết giảng thì sẽ ảnh hưởng đến mức độ tiếp thu của sinh viên, không phù hợp với giảng dạy KNM. Nhưng nếu áp dụng phương pháp thực hành và tương tác tại lớp, với thời lượng học phần như hiện tại sẽ không đủ thời gian cho tất cả sinh viên cùng trải nghiệm các hoạt động thực hành.

#### e. Các KNM cần bổ sung cho sinh viên



Theo khảo sát những kỹ năng cần bổ sung thêm cho sinh viên thì Kỹ năng quản lý bản thân chiếm 21% tổng số khảo sát, Kỹ năng làm việc nhóm chiếm 16%, Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin chiếm 13%, Kỹ năng giao tiếp - ứng xử nơi công sở, Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, Kỹ năng đàm phán thương lượng, Kỹ năng sử dụng email và internet chiếm 10%. Kỹ năng sử dụng các thiết bị văn phòng và Kỹ năng thiết lập mục tiêu chỉ chiếm 5%, Kỹ năng lãnh đạo được đánh giá là không cần bổ sung cho sinh viên trong quá trình học tập tại bậc đại học.

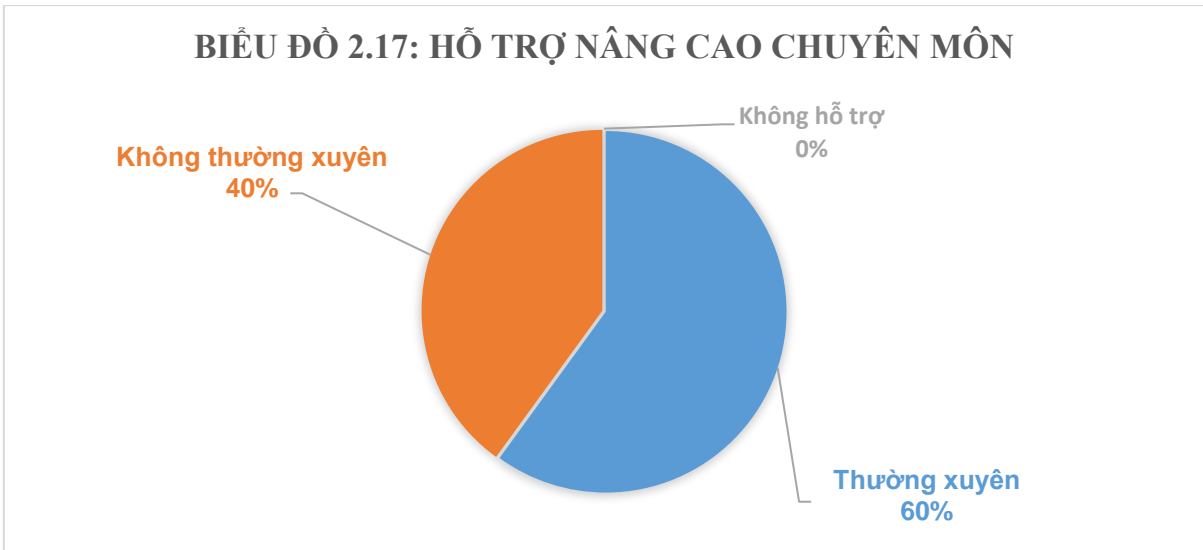
#### **f. Thực trạng việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên**

Song song với việc giảng dạy các học phần KNM theo phân công, các giảng viên KNM luôn tự học tập, trau dồi kiến thức qua tài liệu và chủ động tham dự các lớp tập huấn KNM trong và ngoài tỉnh nhằm học tập kinh nghiệm, phương pháp và cách thức tổ chức giảng dạy KNM cũng như gia tăng kết nối, liên kết đào tạo KNM về lâu dài. Một số chương trình giảng viên KNM tham dự năm học 2017 – 2018 như sau:

<b>STT</b>	<b>KHÓA TẬP HUẤN</b>	<b>ĐƠN VỊ TỔ CHỨC</b>
1	Tập huấn chuyên sâu “Leader Mindset”,	Tập đoàn huấn luyện và tư vấn triển khai TOPPION, TP.HCM;
2	Lớp kỹ năng thuyết phục khách hàng trong kinh doanh	Trung tâm xúc tiến thương mại phối hợp cùng công ty Tư vấn, Đánh giá và phát triển Tổ chức DC&A.
3	Marketing Du kích trong thời đại 4.0	
4	Lớp Bồi dưỡng báo cáo viên Hướng nghiệp – Kỹ năng – Khởi nghiệp	Trung tâm Hướng nghiệp Tp.HCM
5	Giảng dạy KNM – Module 1,2,3	Trung tâm Seameo Retrac
6	Tập huấn giảng viên quốc tế: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý ở bậc đại học”	
7	Đào tạo giảng viên nữ về Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	Tổ chức WISE – Sáng kiến hỗ trợ Phụ nữ Khởi nghiệp và Kinh doanh
8	Facilitation Training (Hà Nội) (1 trong 20 GV được tuyển chọn trong cả nước)	Tổ chức phi chính phủ (CSDS) tổ chức.
9	Thanh niên làng kiến (Hà Nội) (1 trong 20 thanh niên được tuyển chọn trong cả nước)	
10	Hài kịch ứng biến	Trường đại học BRVT kết hợp với các đơn vị đào tạo uy tín trong và ngoài nước
11	Quản trị bản thân	
12	Tập huấn Giảng dạy KNM Module 1	
13	Đào tạo bồi dưỡng doanh nhân, cán bộ quản lý doanh nghiệp	

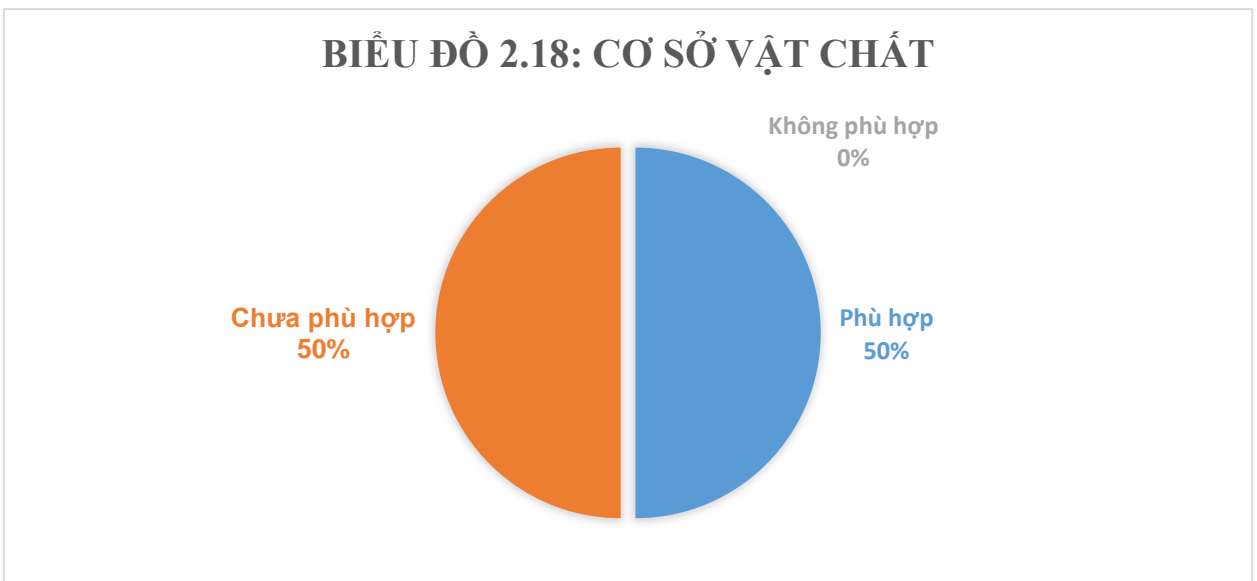
14	Khóa tập huấn 01: “Ứng dụng phương pháp giảng dạy tích cực: Học tập qua trải nghiệm”	
----	--	--

Ngoài các giảng viên chuyên trách của Ban Phát triển KNM, các giảng viên bán chuyên trách cũng thường xuyên được ban KNM giới thiệu các lớp tập huấn, các buổi hội thảo phù hợp để nâng cao chuyên môn, phục vụ công tác giảng dạy.



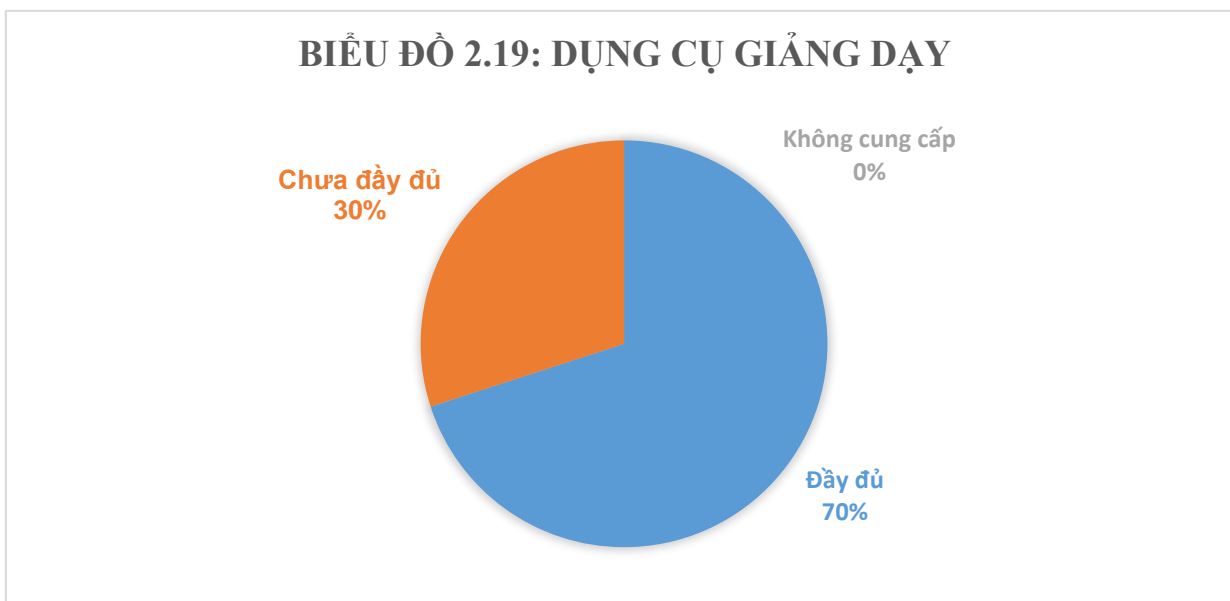
Theo khảo sát, 60% giảng viên giảng dạy KNM được nhà trường hỗ trợ nâng cao chuyên về KNM thông qua các buổi hội thảo và các lớp tập huấn trong và ngoài tỉnh, 40% còn lại không thường xuyên được hỗ trợ tham gia nâng cao chuyên môn.

**g. Cơ sở vật chất**



Theo các giảng viên được khảo sát, 50% giảng viên hài lòng về phòng học và các thiết bị hỗ trợ cho các lớp KNM. Tuy nhiên, 50% giảng viên còn lại cho rằng phòng học

và các thiết bị hỗ trợ chưa phù hợp và được cung cấp đầy đủ theo yêu cầu của các học phần KNM.



Theo khảo sát, có 70% giảng viên giảng dạy các học phần KNM nhận xét dụng cụ giảng dạy được cung cấp đầy đủ và kịp thời theo yêu cầu, 30% còn lại đánh giá dụng cụ giảng dạy vẫn chưa được cung cấp theo yêu cầu của từng giảng viên hoặc cung cấp chậm so với thời điểm đề xuất.

### 2.3.3. Ưu điểm và hạn chế của mô hình giáo dục KNM tại BVU hiện nay

Qua phân tích kết quả khảo sát về thực trạng triển khai mô hình giáo dục KNM cho sinh viên tại BVU trong thời gian qua, nhóm tác giả đã tổng hợp những ưu điểm và hạn chế của mô hình theo các yếu tố cơ bản sau:

#### 2.2.3.1. Chương trình đào tạo

##### a. Ưu điểm

Nội dung giảng dạy của các học phần KNM theo chuẩn đầu ra được các giảng viên liên tục cập nhật phù hợp thực tế, mang tính ứng dụng do đó nội dung giảng dạy được sinh viên đánh giá khá cao về tính hữu ích và khả năng vận dụng trong học tập và cuộc sống hàng ngày ngay sau các khóa học.

Thời lượng giảng dạy các học phần KNM được sinh viên đánh giá với mức hài lòng cao, phù hợp với nội dung của học phần. Thực tế qua các học kỳ giảng dạy, các giảng viên vẫn luôn điều chỉnh thời gian của các hoạt động trải nghiệm, linh hoạt trong giảng dạy để phù hợp với từng nội dung, giúp phát triển và hoàn thiện các kỹ năng cần thiết cho sinh viên trong thời lượng cho phép.

Theo khảo sát các giảng viên KNM và lấy ý kiến từ chuyên gia, thời điểm giảng dạy các học phần PPHĐH&TDST, KNGTCB vào các học kỳ đầu là hoàn toàn hợp lý. Những kỹ năng này sẽ giúp sinh viên nhanh chóng hòa nhập với môi trường đại học, đi

vào nề nếp và tạo văn hóa trong giao tiếp ứng xử với bạn bè, thầy cô, giúp nâng cao hình ảnh của sinh viên BVU trong mắt cộng đồng.

Tài liệu giảng dạy được giảng viên KNM biên soạn và cùng nhau góp ý chỉnh sửa dựa trên nội dung đề cương học phần. Đồng thời, các bài giảng và hồ sơ lên lớp của các giảng viên đều được trưởng ban xem xét và ký duyệt đầy đủ trước khi lên lớp, đảm bảo chất lượng cho khóa học và tính thống nhất giữa các giảng viên khác nhau trong cùng một học phần. Ban Phát triển KNM cũng hỗ trợ in ấn tài liệu học tập cho từng học kỳ, ứng với từng học phần KNM giúp sinh viên dễ theo dõi và ghi chép các nội dung cần thiết.

Chương trình đào tạo có tính mở giúp cho giảng viên có cơ hội đưa nhiều chương trình ngoại khóa, bổ sung để phát triển các kỹ năng cho sinh viên thông qua việc tham dự các chương trình tham quan thực tế, tọa đàm về kỹ năng mềm, ...

### **b. Hạn chế**

Mặc dù đã rất cố gắng trong việc xây dựng chương trình KNM tích hợp những kỹ năng mềm cần thiết nhất cho sinh viên, tuy nhiên với thời lượng và điều kiện giảng dạy thực tế, chương trình vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ các kỹ năng mềm cũng như khả năng phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên với nhu cầu được đào tạo khác nhau, cụ thể như sau:

- Đề cương học phần PPHĐH&TDST có các nội dung: phương pháp học đại học (10 tiết), kỹ năng làm việc nhóm (5 tiết), tư duy tích cực (5 tiết) và tư duy sáng tạo (10 tiết), do nội dung còn dàn trải dẫn đến sinh viên chưa có nhiều thời gian và cơ hội để thực hành.
- Đề cương học phần Kỹ năng giao tiếp cơ bản: gồm ba chuyên đề Giao tiếp phi ngôn ngữ (10 tiết), Giao tiếp qua ngôn ngữ (10 tiết) và kỹ năng thuyết trình (10 tiết). Theo thực tế giảng dạy, các giảng viên KNM nhận thấy thời lượng dành cho kỹ năng thuyết trình như vậy là quá ít, hạn chế hoạt động thực hành của sinh viên. Kỹ năng nếu không được thực hành liên tục thì sẽ không thể cải thiện và áp dụng vào cuộc sống hằng ngày cho sinh viên.
- Đề cương Học phần Kỹ năng giao tiếp nâng cao: gồm ba chuyên đề Kỹ năng Bán hàng (10 tiết), Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định (10 tiết) và Kỹ năng Viết CV và PV tìm việc (10 tiết). Đây đều là những kỹ năng cần thiết cho sinh viên trong cuộc sống hiện tại và sau này khi đi làm, tuy nhiên, nội dung truyền tải quá nhiều trong khi thời lượng còn hạn chế, dẫn đến việc sinh viên chỉ dừng lại ở mức hiểu và áp dụng được trong một khoảng thời gian ngắn, trong khi kỹ năng cần phải luyện tập và duy trì suốt đời.

(Xem thêm Phụ lục 3: Đề cương chi tiết các học phần năm học 2017-2018)

Do giới hạn về thời lượng học phần, nhu cầu học tập và rèn luyện kỹ năng khác nhau giữa các sinh viên trong các ngành học nên chương trình giảng dạy kỹ năng mềm

hiện nay vẫn chưa đáp ứng được tính linh hoạt đó. Chưa có những học phần hoặc chuyên đề cho sinh viên lựa chọn phù hợp với nhu cầu phát triển của từng sinh viên.

Do đó, trong trường hợp sinh viên muốn được trang bị chuyên sâu hơn về từng kỹ năng, hoặc phát triển các kỹ năng khác ngoài chương trình thì thời lượng theo tín chỉ từng học phần như hiện nay sẽ không đủ để truyền tải nội dung của các kỹ năng chuyên sâu này.

### **2.3.3.2. Phương pháp và cách đánh giá trong giảng dạy kỹ năng mềm**

#### **a. Ưu điểm**

Điểm nổi bật của phương pháp giảng dạy KNM tại BVU hiện nay là ưu tiên áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực: học tập qua trải nghiệm (chiếm 70-80% thời lượng giảng dạy) đi kèm với truyền cảm hứng, động lực cho người học. Tất cả các nội dung được truyền đạt một cách sinh động, thực tế thông qua các hoạt động trải nghiệm (Games, bài tập tình huống, đóng kịch, thảo luận theo phương pháp WorldCafe,...) làm tăng tính hiệu quả trong giảng dạy và tiếp thu chủ động của người học.

Việc đánh giá các học phần KNM theo hướng mở, động viên, khuyến khích sự thay đổi tích cực của từng cá nhân người học giúp cho sinh viên nâng cao nhận thức về vai trò của KNM, từ đó khuyến khích, tạo động lực cho sinh viên chủ động, không ngừng hoàn thiện các kỹ năng cần thiết để tự tin và thành công hơn trong học tập, công việc và cuộc sống.

#### **b. Hạn chế**

Hiện nay, với sĩ số lớp hiện tại 50 - 60 sinh viên trên một lớp KNM là quá đông làm hạn chế tính hiệu quả của phương pháp giảng dạy tích cực: học tập qua trải nghiệm. Do đặc thù của phương pháp giảng dạy tích cực đòi hỏi phải thường xuyên tổ chức các hoạt động thực hành và trải nghiệm nên một giảng viên khó có thể vừa tổ chức, vừa điều phối và quản lý hoạt động của nhiều nhóm sinh viên hiệu quả, đồng thời thời gian thực hành, trải nghiệm, tương tác của sinh viên cũng bị giới hạn nhiều.

Đồng thời, sĩ số lớp đông cũng gây nhiều khó khăn trong việc đánh giá thường xuyên, cụ thể từng sinh viên trong quá trình học tập để động viên, khuyến khích hay nhắc nhở kịp thời. Thời gian điềm danh và công tác tổ chức lớp cũng ảnh hưởng phần nào đến tổng thời gian học tập và chất lượng giảng dạy.

Bên cạnh đó, theo khảo sát có đến 80% sinh viên có nhu cầu được cấp giấy chứng nhận sau mỗi khóa học kỹ năng mềm, tuy nhiên nhà trường hiện chưa có các quy định về việc cấp giấy chứng nhận cho sinh viên. Việc cấp giấy chứng nhận cũng là một căn cứ đóng góp vào hồ sơ xin việc giúp sinh viên tự tin hơn khi tìm việc.



### 2.3.3.3. Đội ngũ giảng viên kỹ năng mềm

#### a. Ưu điểm

*Một là*, mặc dù KNM mới được đưa vào giảng dạy tại BVU, giảng viên đa phần là chuyển từ các chuyên ngành khác sang đảm nhiệm công tác quản lý và giảng dạy KNM (chuyên trách và bán chuyên trách) nhưng tất cả các giảng viên đều rất chủ động, trách nhiệm và có ý thức cao trong việc học tập, rèn luyện và phát triển các kỹ năng mềm phù hợp với các học phần đảm trách. 100% giảng viên tham gia học tập, tập huấn các chương trình đào tạo dành cho giảng viên KNM trong và ngoài tỉnh;

*Hai là*, việc tuyển chọn giảng viên kỹ năng mềm (BVU hay thỉnh giảng) bên cạnh sự nhiệt tình, trách nhiệm, tâm huyết trong việc chia sẻ kỹ năng, kinh nghiệm đều phải dựa trên cơ sở năng lực thực tế của giảng viên, không quá đề cao bằng cấp với phương châm “có kỹ năng mới giảng dạy kỹ năng”. Mỗi giảng viên giảng dạy phải là minh chứng sống cho sinh viên về các nội dung giảng dạy. Giảng viên không ngừng rèn luyện, học tập và phát triển kỹ năng mềm của bản thân;

*Ba là*, Ban Giám hiệu BVU, Ban Giám đốc trung tâm ĐTĐC & PTKNM luôn tạo mọi điều kiện để các giảng viên tham gia các lớp tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về nội dung, phương pháp giảng dạy KNM, giúp các giảng viên KNM được liên tục cập nhật và áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực giúp sinh viên chủ động, sáng tạo và thích thú hơn trong các giờ học KNM.

#### b. Nhược điểm

*Một là*, giảng viên KNM đa phần trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy KNM nên chất lượng giảng dạy chưa thật đồng đều, một số giờ giảng chưa thực sự hiệu quả, tạo cảm hứng cho người học;

*Hai là*, số lượng giảng viên còn thiếu so với nhu cầu đào tạo của sinh viên BVU do đó việc nhiều giảng viên thuộc các đơn vị khác tham gia giảng dạy (như là học phần phụ thêm) chưa có điều kiện để “đầu tư” thực sự vào việc giảng dạy KNM cũng ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo chung;

*Ba là*, do phải mời thêm giảng viên thỉnh giảng tham gia công tác giảng dạy KNM nên cũng phần nào ảnh hưởng đến công tác phát triển chuyên môn chung, công tác tổ chức, phân công giảng dạy của Ban Phát triển KNM, phát sinh nhiều chi phí đào tạo vì thù lao giảng viên KNM thường cao hơn rất nhiều so với các học phần khác;

*Bốn là*, do số lượng giảng viên rất ít nên ngoài công tác chuyên môn giảng viên KNM phải đảm nhiệm khối lượng công việc khá lớn vì thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, đào tạo ngắn hạn và các công tác khác nên cũng ảnh hưởng đến chất lượng chung;

*Năm là*, các học phần kỹ năng mềm đòi hỏi phải thường xuyên tổ chức các hoạt động trải nghiệm nên nếu thiếu đội ngũ phụ giảng hỗ trợ trong công tác điều phối sẽ làm

giảm hiệu quả của các hoạt động này. Hiện nay, nhà trường vẫn chưa có quyết định quy định về công tác phụ giảng cho sinh viên và giảng viên BVU.

#### **2.3.3.4. Sinh viên**

##### **a. Ưu điểm**

Nhìn chung, đa phần sinh viên BVU đều năng động, ham học hỏi và có khả năng tiếp thu tốt, nhanh chóng thực hành và áp dụng được ngay các kỹ năng sau khóa học.

Sinh viên đã qua các lớp KNM và sinh viên năm cuối đều xác định được mục tiêu của việc học tập KNM và nhận thức được tầm quan trọng của KNM trong cuộc sống, học tập và công việc trong tương lai.

##### **b. Nhược điểm**

Bên cạnh những sinh viên có nhận thức đúng về vai trò của KNM trong học tập, làm việc và cuộc sống, tích cực học tập và rèn luyện KNM để hoàn thiện bản thân thì còn một bộ phận sinh viên chưa thực sự có ý thức đúng về việc này. Do đó, một số sinh viên chưa chủ động tham gia các hoạt động thảo luận, trải nghiệm và thực hành kỹ năng.

Nhiều sinh viên tuy có nhận thức đúng về sự cần thiết phải hoàn thiện KNM nhưng với nhiều lý do như: làm thêm quá nhiều, nghiện game, mạng xã hội, bia rượu,...nên chưa thực sự quan tâm đến vấn đề này.

#### **2.3.3.5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy Kỹ năng mềm**

##### **a. Ưu điểm**

Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy KNM là một trong những yếu tố quan trọng đến chất lượng giảng dạy KNM do tính đặt thù của phương pháp giảng dạy. Cơ sở vật chất hiện tại ở BVU có những ưu điểm như sau:

*Một là*, Ban Giám hiệu BVU luôn quan tâm, hỗ trợ và ưu tiên phê duyệt các đề xuất về cơ sở vật chất đảm bảo giảng dạy KNM như: phòng học KNM, công cụ, dụng cụ giảng dạy KNM,...

*Hai là*, có sự phối hợp và trao đổi thường xuyên giữa các phòng ban giúp thực hiện các công việc một cách nhanh chóng, hiệu quả như: Phòng Tài chính kế toán ưu tiên về tài chính; Phòng Vật tư thiết bị luôn nhiệt tình hỗ trợ thực hiện nhanh nhất các đề xuất được phê duyệt về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ kịp thời cho công tác giảng dạy KNM.

##### **b. Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy KNM hiện còn một số hạn chế sau đây:

*Một là, số lượng phòng học đủ chuẩn để giảng dạy KNM chưa đảm bảo nhu cầu học của sinh viên. Do đó, nhiều sinh viên chưa được học tập trong điều kiện phù hợp, nhiều sinh viên còn có sự so sánh giữa các lớp học;*

*Hai là, chất lượng phòng học chưa đảm bảo như phòng nóng, loa rè, micrô hay hết pin, ti vi trong phòng học quá nhỏ ảnh hưởng đến chất lượng trình chiếu bài giảng, clips học tập, ...*

*Ba là, dụng cụ giảng dạy chưa được cung cấp kịp thời một phần do giảng viên thỉnh giảng chưa đề xuất đúng nhu cầu dụng cụ, một phần do dụng cụ nhập về trễ so với thời gian yêu cầu, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động trải nghiệm của phương pháp giảng dạy tích cực.*

### **2.3.3.6. Cơ chế chính sách đối với việc giảng dạy KNM tại BVU**

#### **a. Ưu điểm**

BVU là một trong những trường đại học đầu tiên trong địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và là số ít trường trong cả nước đưa KNM vào giảng dạy như chuẩn đầu ra bắt buộc cho sinh viên do đó, Ban Giám hiệu (đặc biệt là Hiệu trưởng) rất quan tâm đến việc này, tạo mọi điều kiện để giảng dạy KNM tốt nhất tại BVU cụ thể:

- Tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên hoàn thiện, nâng cao trình độ, kỹ năng phục vụ giảng dạy;
- Tạo điều kiện về phòng học (2 phòng 1501,1502) đảm bảo cho việc giảng dạy KNM;
- Có cơ chế trợ giảng cho giảng viên và sinh viên khi tham gia công tác giảng dạy, chương trình ngoại khóa của giảng viên và sinh viên.

#### **b. Hạn chế**

Cơ chế chính sách về giảng dạy KNM còn một số hạn chế sau:

- Chế độ giờ giảng (quy giờ chuẩn) chưa được điều chỉnh, chưa đủ ghi nhận và khuyến khích giảng viên KNM vì để đảm bảo giờ giảng chuẩn giảng viên KNM cần sự đầu tư rất lớn trước, trong và sau giờ học trong việc thiết kế, thực hiện và đánh giá các hoạt động trải nghiệm;
- Để phát triển KNM cần tổ chức nhiều chương trình ngoại khóa, đào tạo, kết nối với các đơn vị nên cần có cơ chế tài chính rõ ràng, minh bạch và khuyến khích sự tự chủ hơn trong việc tổ chức các chương trình ngoại chuẩn đầu ra;
- Đặc thù của giảng dạy KNM, nhiều chương trình tổ chức cần huy động nhiều nhân sự để thực hiện do đó cần duy trì nhóm cộng tác khi có sự kiện. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ cho nhóm cộng tác này chưa có nên, việc tổ chức các sự kiện có phần bị động.

### **2.3.3.7. Môi trường rèn luyện và phát triển kỹ năng mềm tại BVU**

#### **a. Ưu điểm**

Môi trường rèn luyện và phát triển kỹ năng mềm tại BVU có những ưu điểm sau đây:

*Một là*, chương trình giảng dạy KNM tại BVU luôn hướng đến việc ưu tiên trải nghiệm thực tế, tăng cơ hội thực hành kỹ năng cho sinh viên; tạo một môi trường, sân chơi lành mạnh để phát triển bản thân cho sinh viên BVU bằng các buổi học ngoại khóa, tham quan học tập (kỹ năng mềm, văn hóa doanh nghiệp) tại doanh nghiệp giúp sinh viên sớm được tiếp cận và thực hành trong môi trường thực tế.

*Hai là*, sinh viên thực hành và phát triển KNM thông qua các câu lạc bộ sinh viên, đặc biệt là câu lạc bộ kỹ năng EES; tham gia các chương trình do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức, phát động. Từ đó, tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng quan trọng như: giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, lắng nghe, đàm phán, tổ chức sự kiện... mang đến cho sinh viên sự tự tin và năng động.

*Ba là*, sinh viên tiếp tục rèn luyện và phát triển KNM thông qua các học phần tiếp theo trong chương trình đào tạo ngắn hạn khác.

#### **b. Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm trên, môi trường rèn luyện và phát triển KNM tại BVU còn có những hạn chế sau:

*Một là*, việc đan xen các buổi học dã ngoại trong chương trình học, thay đổi môi trường học tập sẽ giúp sinh viên hào hứng, sáng tạo và tích cực hơn trong việc nhận thức và chủ động rèn luyện KNM. Tuy nhiên, việc tổ chức và quản lý các buổi dã ngoại đòi hỏi sự chuẩn bị về thời gian, tài chính, dụng cụ và đội ngũ phụ giảng nên việc nhân rộng các buổi dã ngoại cho các lớp chuẩn đầu ra đang còn hạn chế;

*Hai là*, các phong trào đoàn hội, hoạt động của các CLB chưa thật sự phong phú, chưa được đầu tư thích đáng nên chưa khuyến khích và thu hút được nhiều sinh viên tham gia cũng hạn chế phần nào môi trường phát triển kỹ năng cho sinh viên BVU;

*Ba là*, các học phần khác chưa áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy tích cực: học qua trải nghiệm (chủ yếu vẫn là thuyết giảng với các học phần lý thuyết); một số giảng viên thiếu kỹ năng mềm như: Kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình truyền cảm hứng, ... nên cũng hạn chế phần nào khả năng tiếp tục hoàn thiện và phát triển KNM sau khi sinh viên hoàn thành các học phần KNM theo chuẩn đầu ra.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Theo kết quả điều tra ở trên cho thấy phần lớn sinh viên Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu đều nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong học tập, công việc và cuộc sống. Các học phần KNM theo chuẩn đầu ra hiện tại đang được sinh viên và giảng viên đánh giá cao; hài lòng về nội dung, thời lượng và phương pháp giảng dạy. Trong đó, được đánh giá cao nhất là học phần Kỹ năng giao tiếp cơ bản.

Bên cạnh những kỹ năng mềm được đào tạo theo chuẩn đầu ra, BVU luôn tạo điều kiện về môi trường phát triển KNM thông qua việc thường xuyên tổ chức các lớp ngắn hạn, các buổi giao lưu, tọa đàm về KNM, ... để giúp sinh viên có cơ hội chia sẻ khó khăn, vướng mắc và thực hành những KNM đã được học. Những chương trình này được sinh viên tham gia đông đủ và đánh giá khá cao cơ hội thực hành, trải nghiệm. Sau khóa học và các chương trình phát triển KNM, hầu hết các sinh viên đều nhận ra sự thay đổi tích cực của bản thân và tự tin hơn trong giao tiếp, ứng xử.

Mô hình giáo dục KNM cho sinh viên BVU tuy mới được triển khai từ năm học 2016 – 2017 nhưng bước đầu đã cho thấy sự ưu việt, hữu ích đối với chương trình đào tạo chung của BVU và với sinh viên BVU; được sinh viên, giảng viên và lãnh đạo BVU ghi nhận và ủng hộ. Để không ngừng hoàn thiện mô hình này, trong thời gian tới BVU tiếp tục phát huy những điểm tích cực đó đồng thời khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong từng yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy KNM tại BVU hiện nay đã được đề cập ở trên từ chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giảng viên, tinh thần học tập của sinh viên, cơ sở vật chất, môi trường rèn luyện và phát triển KNM cho sinh viên...đặc biệt là tạo cơ chế, chính sách phù hợp để phát huy tính tích cực mà chương trình KNM đem lại, từ đó góp phần chung vào chất lượng đào tạo của BVU trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

## **CHƯƠNG 3. HOÀN THIỆN MÔ HÌNH GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU, 2018 – 2020**

### **3.1. Định hướng, chiến lược đào tạo của BVU trong thời gian tới**

Để có cơ sở hoàn thiện mô hình giáo dục KNM cho sinh viên BVU, ngoài việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn giảng dạy KNM ở BVU hiện nay cần căn cứ trên định hướng chiến lược của BVU trong thời gian tới, đặc biệt là Chiến lược đào tạo của BVU trong giai đoạn 2014 – 2020 với các mục như sau:

#### **3.1.1. Chiến lược BVU về đào tạo**

BVU tiếp tục xây dựng, cập nhật và hoàn thiện chương trình đào tạo, chương trình chi tiết tất cả các học phần, chuẩn đầu ra. Chú trọng triển khai chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đảm bảo tính mềm dẻo, linh hoạt và gắn với nhu cầu của thị trường lao động, chương trình tiên tiến.

- *Phát triển quy mô đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực đa ngành, đa trình độ:*
  - Tăng quy mô đào tạo;
  - Phát triển đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn ở các trung tâm, các khoa.
- *Đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập đánh giá kết quả đào tạo:*
  - Đổi mới phương pháp giảng dạy;
  - Đổi mới phương pháp học tập của sinh viên;
  - Đổi mới phương pháp đánh giá kết quả học tập của sinh viên.
- *Chú trọng trang bị các năng lực bổ trợ:*
  - Đảm bảo năng lực ngoại ngữ cho sinh viên;
  - Đảm bảo năng lực công nghệ thông tin cho sinh viên;
  - Trang bị các năng lực mềm quan trọng cho sinh viên.
- *Nâng cao hiệu quả đào tạo:*
  - Nâng cao kết quả học tập của sinh viên;
  - Đảm bảo tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm cao;
  - Xác định một số ngành đào tạo được xếp hạng khu vực, quốc tế.

### **3.1.2. Đội ngũ giảng viên**

#### **a. Thu hút đội ngũ giảng viên**

- Xây dựng đội ngũ giảng viên đảm bảo tỷ lệ giảng viên/sinh viên đạt tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;
- Chú trọng bổ sung, thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ thạc sỹ trở lên tốt nghiệp từ nước ngoài, là Việt kiều và người nước ngoài, có chú trọng đến khu vực Đông Nam Á;
- Xây dựng đội ngũ chuyên gia nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và xây dựng định hướng chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn.

#### **b. Phát triển đội ngũ giảng viên**

- Đảm bảo tất cả giảng viên cơ hữu của trường có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giảng dạy Đại học, Cao đẳng;
- Có kế hoạch đào tạo phù hợp để đảm bảo tỷ lệ thạc sỹ, tiến sỹ của đội ngũ giảng viên đến năm 2020;
- Huy động các nguồn tài trợ để tìm học bổng từ cán bộ giảng dạy trẻ đi học tập và nghiên cứu ở trong và ngoài nước;
- Nâng cao năng lực Tiếng Anh và công nghệ thông tin cho các giảng viên;
- Đảm bảo giảng viên có thể giảng dạy bằng tiếng Anh và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học;
- Tăng cường cử giảng viên đi thỉnh giảng ở nước ngoài và mời giảng viên nước ngoài đến thỉnh giảng tại trường.

#### **c. Đánh giá và đãi ngộ đội ngũ giảng viên**

- Xây dựng cơ chế chính sách, đảm bảo đội ngũ giảng viên là nhân tố quyết định thành công của nhà trường;
- Từng bước áp dụng việc đãi ngộ lương và thưởng theo năng lực thực hiện nhiệm vụ, chế độ đãi ngộ đặc biệt về lương để thu hút giảng viên tài năng;
- Sửa đổi hệ thống chức danh, thang bảng lương phù hợp với từng giai đoạn phát triển;
- Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp của từng cán bộ, giảng viên;
- Trẻ hóa và xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ viên kế cận.

### **3.1.3. Cơ sở vật chất**

- Đảm bảo về diện tích phòng học, giảng đường và trang thiết bị chung;
- Đáp ứng các tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn tương đương của một số nước tiên tiến trong khu vực về các tỷ lệ diện tích trường lớp;
- Đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về các tỷ lệ diện tích trường lớp đối với các cơ sở đào tạo quốc tế của trường;
- Đáp ứng các tiêu chuẩn Việt Nam về số lượng và chất lượng trang thiết bị đào tạo của các ngành.

### **3.1.4. Quản lý, chính sách**

Thực hiện phân cấp quản lý trong trường và giữa các đơn vị trực thuộc của trường. Xây dựng bộ máy quản lý tự chủ, hiện đại các chế tài theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả.

### **3.1.5. Tài chính**

Hoàn thiện Quy chế chi tiêu nội bộ các đơn vị trực thuộc hoạch toán độc lập, có chính sách tăng lương phù hợp với từng giai đoạn phát triển, gắn liền lương với hiệu quả làm việc của người lao động.

### **3.1.6. Hợp tác quốc tế**

- Tập trung triển khai các chương trình hợp tác quốc tế đã ký kết có hiệu quả; tìm kiếm và ký kết các chương trình hợp tác mới với nhiều trường, tổ chức trong và ngoài nước;
- Gia nhập các hiệp hội, mạng lưới giáo dục đại học, cao đẳng và chuyên nghiệp quốc tế;
- Chú trọng hợp tác quốc tế các lĩnh vực mới;
- Đẩy mạnh các chương trình liên kết đào tạo quốc tế đối với một số ngành.

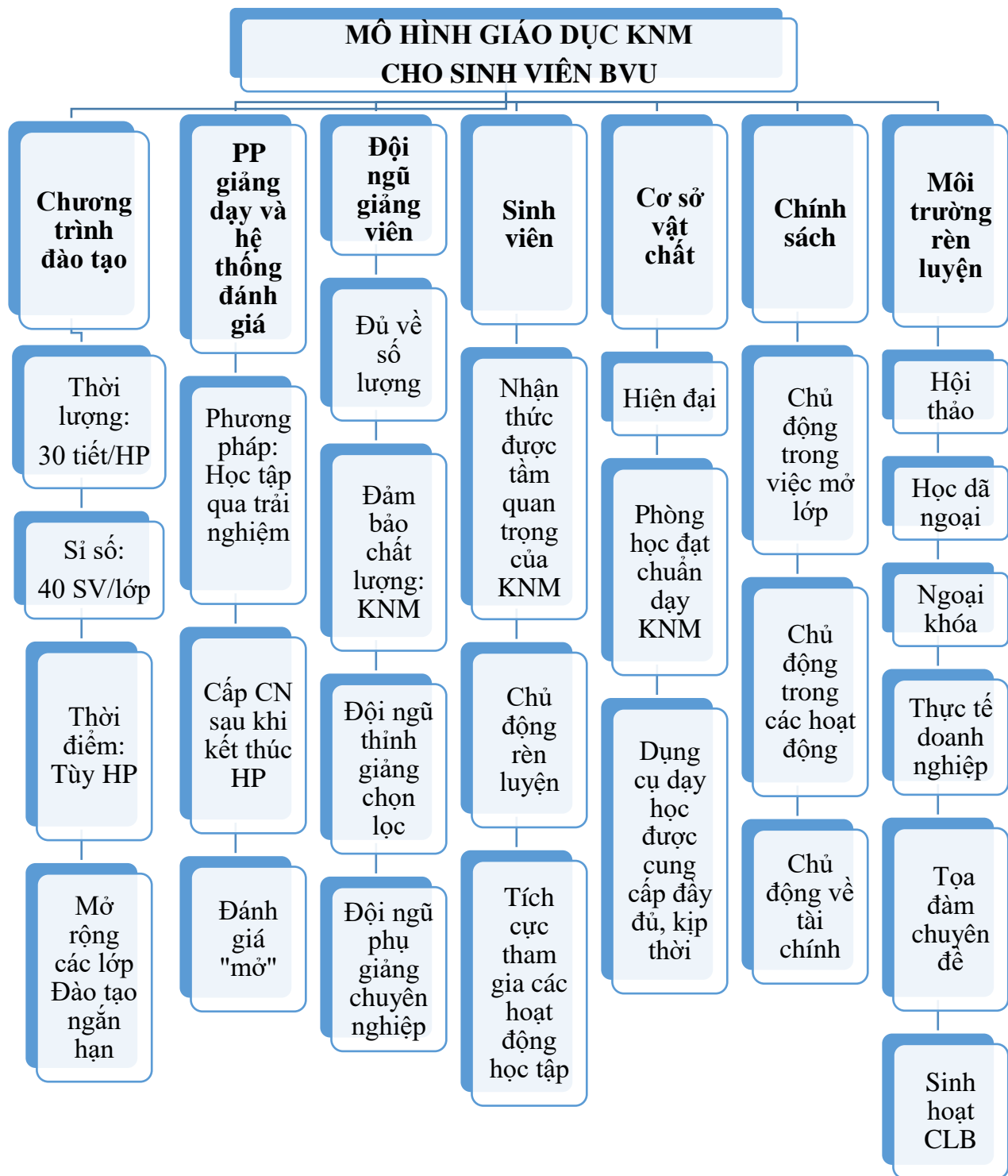
### **3.1.7. Truyền thông**

- Cung cấp thông tin thường xuyên và kịp thời về mọi mặt hoạt động của trường;
- Hoạt động vì cộng đồng, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh.

## **3.2. Hoàn thiện mô hình giáo dục KNM cho sinh viên BVU giai đoạn 2018 -2020**

Dựa vào thực tế giảng dạy KNM và định hướng chiến lược của nhà trường đến năm 2020, nhóm tác giả đề xuất hoàn thiện mô hình giáo dục KNM cho sinh viên BVU giai đoạn 2018 -2020 như sau:





### **3.3. Kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy KNM tại BVU**

Việc lựa chọn và thực hiện thành công mô hình phát triển KNM phù hợp cho sinh viên BVU là hết sức quan trọng; đảm bảo chất lượng, hiệu quả giảng dạy nói chung và chất lượng giảng dạy KNM lại BVU nói riêng. Muốn thực hiện được điều này, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm phát huy các yếu tố tích cực cũng như khắc phục những hạn chế liên quan đến những yếu tố cơ bản quyết định đến chất lượng đào tạo sau:

#### **3.3.1. Chương trình đào tạo**

*Một là*, tiếp tục hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo, điều chỉnh tăng thêm tính linh hoạt trong việc lựa chọn nội dung học tập (bổ sung các chuyên đề KNM tự chọn) theo hướng thực tế, quốc tế hóa gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; đảm bảo giảng dạy những kỹ năng cơ bản, thiết thực cho sinh viên, từ đó tăng cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Để thực hiện được điều này, cần điều chỉnh linh hoạt Đề cương chi tiết chuẩn đầu ra phù hợp với từng thời điểm giảng dạy, cụ thể như sau:

- Đề cương Học phần Phương pháp học đại học và Tư duy sáng tạo: lồng ghép kỹ năng làm việc nhóm vào các chuyên đề Phương pháp học đại học (15 tiết) và chuyên đề Tư duy sáng tạo (15 tiết) để sinh viên có thêm nhiều thời gian và cơ hội thực hành.
- Đề cương Học phần Kỹ năng giao tiếp cơ bản: gộp thành hai chuyên đề Kỹ năng thuyết trình (15 tiết) và chuyên đề Kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ - ngôn ngữ (15 tiết) có thời lượng bằng nhau giúp đào tạo các kỹ năng cần thiết một cách chuyên sâu hơn.
- Đề cương Học phần Kỹ năng giao tiếp nâng cao: gồm hai chuyên đề Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định (15 tiết) và Kỹ năng Viết CV và PV tìm việc (15 tiết) giúp sinh viên sớm định hướng và chuẩn bị các kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng cần thiết cho công việc trong tương lai.

(Xem thêm Phụ lục 3: Đề cương chi tiết các học phần năm học 2018-2019)

*Hai là*, tăng thời lượng các học phần KNM đảm bảo sinh viên có đủ thời gian để thực hành kỹ năng, tăng khả năng vận dụng vào thực tiễn học tập và làm việc;

*Ba là*, giảm sĩ số lớp học từ 50-60 sinh viên/lớp sang 30-40 sinh viên/lớp, đảm bảo cơ hội thực hành kỹ năng cho tất cả sinh viên; phát huy tính hiệu quả của phương pháp giảng dạy tích cực “Học tập qua trải nghiệm”;

*Bốn là*, bố trí các học phần KNM phù hợp với các giai đoạn học tập của sinh viên trong quá trình học tập tại BVU với lộ trình học tập, rèn luyện KNM hợp lý;

*Năm là*, ngoài chương trình KNM theo chuẩn đầu ra, nhà trường tạo điều kiện để sinh viên tham gia các khóa học phát triển KNM theo chương trình ngắn hạn bằng các

chính sách hỗ trợ tài chính hoặc miễn giảm học phí ... bên cạnh các chương trình ngoại khóa.

### **3.3.2. Phương pháp giảng dạy và hệ thống đánh giá trong giáo dục kỹ năng mềm**

*Một là*, tiếp tục hoàn thiện phương pháp giảng dạy tích cực: học tập qua trải nghiệm trong việc giảng dạy KNM tại BVU đảm bảo tất cả giảng viên KNM (cơ hữu và thỉnh giảng) đều áp dụng phương pháp này. Giảng viên KNM không ngừng sáng tạo trong việc thiết kế các hoạt động trải nghiệm (games, bài tập tình huống, kịch, hình ảnh hóa, ...) giúp cho mỗi giờ lên lớp của sinh viên đều sinh động, hiệu quả;

*Hai là*, đổi mới và đa dạng hóa cách thức đánh giá học phần theo hướng khuyến khích sự tự hoàn thiện bản thân về các KNM cần thiết để học tập và làm việc với phương châm: “Mỗi ngày cố gắng thay đổi để tốt hơn bản thân ngày hôm qua.”. Đồng thời cách đánh giá cũng phát huy sự phát triển cá nhân và tinh thần làm việc nhóm;

*Ba là*, ngoài việc đánh giá kết quả học tập theo từng học phần, sinh viên được cấp chứng nhận (theo nhu cầu) sau khi hoàn tất học phần KNM (đạt). Thông qua Giấy chứng nhận hoàn thành học tập KNM sẽ giúp sinh viên có cơ hội nhìn lại quá trình rèn luyện của mình, thêm động lực và tự tin hơn khi viết CV và phỏng vấn tìm việc (bán thời gian cũng như công việc sau khi ra trường)

### **3.3.3. Đội ngũ giảng viên**

Giảng viên đóng vai trò quan trọng quyết định đến chất lượng giảng dạy KNM, do đó trong thời gian sắp tới cần có các giải pháp về vấn đề này như sau:

*Một là*, tăng số lượng giảng viên cơ hữu về KNM và phụ giảng đảm bảo việc giảng dạy KNM theo chuẩn đầu ra cho sinh viên trong bối cảnh tuyển sinh ngày một tăng thêm của BVU và thực hiện các chương trình đào tạo khác (*đào tạo ngắn hạn về KNM, kỹ năng sống, liên kết đào tạo ...*);

*Hai là*, khuyến khích, tạo điều kiện để GV KNM không ngừng nâng cao về chất lượng giảng dạy thông qua việc tham gia các chương trình huấn luyện, đào tạo trong và ngoài BVU; trao đổi, học tập kinh nghiệm trong ban chuyên môn; không ngừng hoàn thiện phương pháp giảng dạy tích cực tạo không khí sinh động, hiệu quả trong mỗi tiết học; mỗi giảng viên KNM là minh chứng sống cho kỹ năng tương ứng đảm nhiệm và là tấm gương tự học, đổi mới và sáng tạo;

*Ba là*, có chính sách mời giảng viên thỉnh giảng KNM đảm bảo chất lượng giảng dạy (trong và ngoài nước), tạo cơ hội học hỏi kinh nghiệm giữa giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giảng viên KNM của BVU;

*Bốn là*, thường xuyên tổ chức cho GV KNM đi thực tế, giao lưu, học tập kinh nghiệm giảng dạy, kinh nghiệm tổ chức các chương trình phát triển KNM cho sinh viên tại các cơ sở đào tạo thành công trong và ngoài tập đoàn NHG nhằm góp phần bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng và trải nghiệm thực tế cho GV KNM.

### **3.3.4. Sinh viên**

Trong thực tế, chương trình giảng dạy KNM có thành công hay không tùy thuộc rất lớn bởi yếu tố “người học” ở đây là sinh viên. Do đó, ngoài việc giảng viên giúp sinh viên hình thành động lực tích cực, nhu cầu hoàn thiện KNM thì đòi hỏi sinh viên phải có các điều kiện sau đây:

*Một là*, bản thân sinh viên cần có nhận thức đúng về vai trò của KNM đối với sự thành công của bản thân trong học tập, làm việc và cuộc sống để chủ động hơn trong quá trình tiếp thu và thực hành phát triển KNM trong và sau mỗi buổi học;

*Hai là*, sinh viên cần tích cực, chủ động hơn trong quá trình học tập các KNM theo chuẩn đầu ra và các chương trình ngoại khóa, chương trình phát triển KNM như tọa đàm, tham quan thực tế, các cuộc thi liên quan đến KNM, ... tạo cơ hội để bản thân phát triển các KNM cần thiết;

*Ba là*, sinh viên chủ động, chọn lọc trong việc tìm kiếm công việc bán thời gian (nếu có) ngoài mục đích tạo thu nhập hỗ trợ quá trình học tập, bổ sung kinh nghiệm làm việc về chuyên môn, sinh viên cần chủ động xem đây là những trải nghiệm thực tế qua đó rèn luyện các kỹ năng như giao tiếp, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, lắng nghe chủ động ....

*Bốn là*, sinh viên cần tích cực tham gia các câu lạc bộ trong nhà trường theo nhu cầu, sở thích và khả năng của bản thân; tích cực trong các hoạt động phong trào do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức, đặc biệt là các hoạt động xã hội từ đó góp phần không nhỏ trong việc hoàn thiện kỹ năng và định hình giá trị sống của bản thân;

*Năm là*, sinh viên cần rèn luyện thói quen đọc sách, đặc biệt là sách liên quan đến kỹ năng sống, kỹ năng mềm, giá trị sống; học tập kinh nghiệm thành công, thất bại của những người đi trước để hạn chế những sai lầm, vấp ngã không thể tránh khỏi trong quá trình làm việc sau này.

### **3.3.5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy Kỹ năng mềm**

Để mang lại hiệu quả cho các hoạt động trải nghiệm và tính khoa học của phương pháp giảng dạy tích cực, cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy KNM trong thời gian tới cần đảm bảo các yếu tố sau:

*Một là*, nhà trường tạo điều kiện hơn nữa về chuẩn hóa các phòng học KNM để phục vụ công tác giảng dạy và học tập KNM theo chuẩn đầu ra đạt hiệu quả cao nhất; Đối với các phòng học đã được duyệt theo đề xuất cần được đẩy nhanh tiến độ thực hiện đảm bảo giảng dạy cho sinh viên năm học 2018 – 2019 và các năm tiếp theo;

*Hai là*, đẩy nhanh quá trình phê duyệt dụng cụ giảng dạy KNM, cung cấp đủ số lượng, đảm bảo về chất lượng. Bên cạnh đó, các giảng viên KNM cũng cần chủ động lên kế hoạch giảng dạy và dự trù chính xác số lượng dụng cụ trước mỗi học kỳ để tránh việc phát sinh ngoài dự kiến và sử dụng dụng cụ giảng dạy một cách tiết kiệm, hợp lý;

*Ba là*, thường xuyên cập nhật, bổ sung các đầu sách phát triển KNM cho sinh viên và giảng viên học tập, tham khảo.

### **3.3.6. Cơ chế chính sách**

Nhìn chung, lãnh đạo BVU luôn tạo điều kiện để đảm bảo việc thực hiện mô hình giáo dục KNM tại BVU đạt hiệu quả cao nhất. Tuy nhiên, trong thời gian tới, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy KNM, đề xuất Ban Lãnh đạo BVU một số chính sách sau:

*Một là*, nâng cao hệ số quy đổi giờ chuẩn đối với việc giảng dạy các học phần KNM từ 1.0 lên 1.5 hoặc 2.0 do đặc thù giảng dạy KNM đòi hỏi về công tác chuẩn bị, giảng dạy, thiết kế hoạt động trải nghiệm và tổ chức hoạt động đòi hỏi sự đầu tư về thời gian, kỹ năng và năng lượng (sức khỏe) rất nhiều so với các môn lý thuyết khác. Ngoài ra, chi phí để mời giảng viên thỉnh giảng (có chất lượng) về KNM cao gấp 2-5 lần so với thù lao chi trả giờ chuẩn cho giảng viên cơ hữu hiện nay;

*Hai là*, cơ chế định mức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng mềm dành cho giảng viên KNM cao hơn so với các giảng viên khác với lý do: giảng dạy KNM là một lĩnh vực rất mới, cần sự tích cực học tập, hoàn thiện của đội ngũ giảng viên để trong thời gian ngắn có thể đảm nhiệm công tác giảng dạy KNM tại BVU chất lượng và hiệu quả;

*Ba là*, sớm ban hành cơ chế tài chính đối với các chương trình đào tạo ngắn hạn (ngoài chương trình chuẩn đầu ra) để có cơ sở tổ chức, thực hiện các chương trình đào tạo ngắn hạn, các chương trình liên kết chủ động hơn

*Bốn là*, có chính sách đầu tư cơ sở chất chất, tăng kinh phí thực hiện truyền thông, marketing cho bộ phận phát triển KNM với lý do: Phát triển KNM là một lĩnh vực mới đối với BVU và cộng đồng nên rất cần có chiến lược truyền thông, marketing nhằm không chỉ giới thiệu chương trình PT KNM theo chuẩn đầu ra (điểm mạnh của BVU) mà còn giới thiệu các chương trình đào tạo kỹ năng khác, tăng cơ hội chiêu sinh và liên kết đào tạo trong lĩnh vực này.

### **3.3.7. Môi trường rèn luyện và phát triển kỹ năng mềm**

KNM rất quan trọng với sinh viên trong công việc và cuộc sống. Tuy nhiên, để hình thành và hoàn thiện kỹ năng mềm cần sự rèn luyện và thực hành lâu dài. Do đó, môi trường rèn luyện và phát triển KNM cho sinh viên là rất cần thiết. Để làm được điều này, BVU cần có những giải pháp sau đây:

*Một là*, tổ chức nhiều chương trình ngoại khóa, giao lưu tại doanh nghiệp, tọa đàm, ngày hội việc làm, ... để sinh viên có cơ hội tham dự, học tập, trải nghiệm;

*Hai là*, tạo sự kết nối với các CEO, doanh nghiệp thành công (đặc biệt là các CEO là cựu sinh viên BVU) trong và ngoài tỉnh để sinh viên có thêm cơ hội giao lưu, học tập kinh nghiệm một cách sinh động; tạo động lực tích cực để học tập và rèn luyện KNM hiệu quả hơn;

*Ba là*, BVU có cơ chế chính sách hỗ trợ kinh phí cho các CLB hoạt động hiệu quả hơn; tổ chức Đoàn, Hội sinh viên có nhiều chương trình, phong trào thanh niên hiệu quả, thiết thực hơn để thu hút sinh viên tham gia, rèn luyện và thực hành KNM; đặc biệt là các dịp nghỉ giữa kỳ, nghỉ hè của sinh viên;

*Bốn là*, tạo điều kiện để tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên BVU hoàn thiện các KNM cần thiết, đặc biệt là các KNM sinh viên được học theo chuẩn đầu ra, từ đó giúp hình thành môi trường văn hóa học đường BVU, tăng cơ hội rèn luyện KNM trong quá trình sinh viên tiếp tục học các học phần khác sau khi kết thúc học phần KNM theo chương trình;

*Năm là*, thường xuyên tổ chức các chương trình giao lưu (thể thao, văn hóa, kỹ năng, ...) giữa sinh viên BVU và sinh viên các trường khác trong và ngoài tỉnh để tăng cơ hội học hỏi, động lực học tập và hoàn thiện kỹ năng của sinh viên BVU.

## KẾT LUẬN

Trong quá trình học tập tại các trường đại học, kiến thức chuyên ngành của sinh viên là một trong những yếu tố quyết định đến thành công trong tương lai. Tuy nhiên, trong một thế giới thay đổi từng ngày, đặc biệt là bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi con người cần có các kỹ năng cần thiết để dễ dàng thích ứng từ tư duy nhận thức (*Kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, tích cực, ...*) đến các kỹ năng thực hành (*Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề - ra quyết định, kỹ năng bán hàng, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, ...*). Theo nghiên cứu của tác giả Peggy Klaus, 2010: “Thành công của một người trưởng thành được quyết định bởi 75% của kỹ năng mềm.” Do đó, ngoài kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành các trường đại học cần phải trang bị cho sinh viên các KNM cần thiết để sinh viên tự tin và thành công hơn trong công việc và cuộc sống sau khi ra trường.

Với nỗ lực và quyết tâm của Ban Lãnh đạo BVU, từ năm học 2016-2017 KNM đã trở thành một trong những chuẩn đầu ra (bắt buộc) đối với sinh viên BVU. Kể từ đó đến nay, cán bộ, giảng viên BVU liên quan đến chương trình phát triển KNM BVU đã không ngừng cố gắng nhằm đảm bảo chất lượng cao nhất trong giảng dạy và học tập KNM cho sinh viên, với mong muốn sinh viên BVU tự tin, chủ động, sáng tạo và có khả năng thích ứng cao sau khi tốt nghiệp.

Do đó, việc cần có một nghiên cứu thực trạng triển khai mô hình giáo dục KNM tại BVU trong thời gian qua để có sự điều chỉnh kịp thời nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy KNM tại BVU là hết sức cần thiết. Trong quá trình nghiên cứu đề tài, nhóm tác giả đã đi vào phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mô hình giáo dục KNM cho sinh viên BVU hiện nay như: *chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, hệ thống đánh giá, đội ngũ giảng, sinh viên, cơ sở vật chất, cơ chế chính sách và môi trường rèn luyện, phát triển kỹ năng mềm*. Từ những phân tích đó, nhóm đã phát hiện ra các ưu điểm và những hạn chế, tồn tại từ đó đề xuất hoàn thiện mô hình và các nhóm giải để nâng cao hiệu quả giáo dục KNM tại BVU trong thời gian tới.

Tóm lại, để không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy KNM tại BVU giai đoạn 2018 – 2020, tầm nhìn 2030 cần thực hiện đồng bộ những giải pháp được nhóm đề tài nghiên cứu và đưa ra. Sự thành công của Mô hình giáo dục KNM tại BVU là kết quả đóng góp của cả tập thể Ban Lãnh đạo, cán bộ, giảng viên, nhân viên nhằm mang đến chất lượng giáo dục cao nhất cho sinh viên BVU.

Trong quá trình thực hiện đề tài, mặc dù nhóm tác giả rất cố gắng để đảm bảo chất lượng cao nhất của kết quả nghiên cứu nhưng do giới hạn bởi thời gian, không gian nghiên cứu; yếu tố chủ quan lẫn khách quan nên không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định. Nhóm tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến từ các chuyên gia, đồng nghiệp và sinh viên để được học hỏi và hoàn thiện hơn ở các nghiên cứu sau./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu tham khảo Tiếng Việt

1. Báo cáo Nghiên cứu phân bổ thời gian cho nhiệm vụ của giáo viên và quan sát lớp học về phương pháp dạy học trong trường FDS – tháng 4.2013.
2. Chỉ thị 296/CT-TTg về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010–2012 ngày 27/2/2010 của Thủ tướng Chính phủ.
3. Công văn số 1452/GDDT-TC hướng dẫn thực hiện hoạt động giáo dục kỹ năng, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa tại các cơ sở giáo dục trực thuộc ngày 15/5/2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo.
4. Công văn số 1374/BGDĐT-GDDH về thực hiện chỉ thị số 296/CT-TTg ngày 12/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5. Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
6. Đề cương chi tiết học phần Phương pháp học đại học và Tư duy sáng tạo, 2017, Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu.
7. Đề cương chi tiết học phần Kỹ năng giao tiếp cơ bản, 2017, Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu.
8. Đề cương chi tiết học phần Kỹ năng giao tiếp nâng cao, 2017, Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu.
9. Đinh Thị Kim Thoa, 2016, Giá trị sống và Kỹ năng sống, NXB Đại học Sư phạm.
10. Ngô Công Hoàn, 1998, Giao tiếp và ứng xử sư phạm, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. Nguyễn Thanh Bình, 2007, Giáo trình kỹ năng sống, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
12. Nguyễn Thanh Bình, 2009, Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống, NXB Đại học Sư phạm.
13. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, 2010, Giáo dục giá trị và Kỹ năng sống cho học sinh phổ thông, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Nguyễn Thị Minh Phượng, Phạm Thị Thúy, Lê Viết Chung, 2017, Cẩm nang phương pháp sư phạm, NXB Tổng hợp TP.HCM.
15. Nguyễn Tùng Lâm, Giáo dục kỹ năng mềm cho học sinh – sinh viên hiện nay, Hội Tâm lý – Giáo dục Hà Nội.
16. Nguyễn Thị Oanh, 2008, Kỹ năng sống cho tuổi vị thành niên, NXB Trẻ, TP.HCM.
17. Nguyễn Thị Oanh (chủ biên), 2006, 10 cách thức rèn kỹ năng sống cho tuổi vị thành niên, NXB Trẻ, TP.HCM.



18. Nguyễn Quan Ân, 2008, Khái niệm Kỹ năng sống xét theo góc độ tâm lý học, Tạp chí Tâm lý học, số 6.
19. Nguyễn Văn Hồng, 1992, Tâm lý học lứa tuổi sư phạm, NXB Giáo dục.
20. Nguyễn Văn Hộ, 2002, Lý luận dạy học, NXB Giáo dục.
21. Nguyễn Văn Ký, 1996, Mô hình dạy học lấy học sinh làm trung tâm, Trường Cán bộ quản lý giáo dục Trung ương.
22. Nguyễn Văn Lê, Nguyễn Sinh Huy, 2000, Giáo dục học đại cương, NXB Giáo dục, Hà Nội.
23. Bùi Hiền, Từ điển Giáo dục học, NXB Từ điển Bách khoa, 2013, tr.215.
24. Hoàng Đình Châu, 2005, Thực trạng kỹ năng giao tiếp của học viên sỹ quan, Tạp chí tâm lý học.
25. Huỳnh Văn Sơn, 2009, Nhập môn học phần kỹ năng sống, NXB Giáo dục.
26. Huỳnh Văn Sơn, 2009, Bạn trẻ và Kỹ năng sống, NXB Lao động – Xã hội, TP.HCM.
27. Huỳnh Văn Sơn và cộng sự, 2011, Kỹ năng sống của sinh viên một số trường đại học tại TP.HCM, Đề tài khoa học cấp Bộ 2009, mã số B2010 19.64, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
28. Huỳnh Văn Sơn, 2013, Khảo sát một vài biện pháp phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên Đại học Sư phạm, số 50, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP.HCM.
29. Huỳnh Văn Sơn và cộng sự, 2013, Phát triển kỹ năng mềm của sinh viên trường Đại học Sư phạm, Đề tài khoa học cấp Bộ 2012, mã số B2012 19.05, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
30. Lê Thị Bùng, 1997, Tâm lý học ứng xử, NXB Giáo dục.
31. Lê Văn Chiến, 2006, Kỹ năng sống dành cho bạn trẻ, NXB Trẻ.
32. Thùy Linh, Việt Trinh, 2014, Sổ tay giáo viên năm học 2014 – 2015, Những vấn đề tâm huyết về giáo dục kỹ năng sống trong ngành giáo dục hiện nay, NXB Lao động – Xã hội.
33. Trần Trọng Thủy, 1992, Đặc điểm giao tiếp của sinh viên đại học, Tạp chí nghiên cứu giáo dục.
34. Trần Thị Tuyết Oanh, 2011, Giáo trình Giáo dục học 2, NXB Đại học Sư phạm.
35. Trần Thị Hương Lan (biên dịch), 2007, Tìm hiểu tâm lý tuổi vị thành niên, NXB Trẻ, TP.HCM.
36. Văn bản hướng dẫn 344 về việc tổ chức giảng dạy, học tập các học phần để đạt chuẩn đầu ra KNM ngày 6/9/2017 của Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu.
37. Vũ Dũng, 2000, Từ điển tâm lý học, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. Vũ Thị Nho, 2000, Tâm lý học phát triển, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

## Tài liệu tham khảo Tiếng Anh

1. Jame C. Hansen, How to be Success in the job, Allyn and Bacon, ine, 1998
2. Forland, Jeremy, Managing Teams and Technology, UC Davis, Graduate School of Management, 2006
3. Nancy J. Patrick, Social skills for teenagers and adults with esperger syndrome, Jessica Kingsley Publisher, 2008
4. Michal Pollick, Soft skills for Bussiness man, Boston, American, 2008
5. Giusoppe Giusti, Soft skills for Lawyer, Chelsea Publisher, 2008
6. Guilford J.P, Creative American Psychologist, 1950

## Thông tin điện tử

1. Rèn luyện các Kỹ năng cần thiết, <http://wdr.doleta.gov/SCANS/>
2. KNM tại Canada, [http://www.dest.gov.au/NR/rdonlyres/4E332FD9-B268-443D-866C621D02265C3A/2212/final\\_report.pdf](http://www.dest.gov.au/NR/rdonlyres/4E332FD9-B268-443D-866C621D02265C3A/2212/final_report.pdf)
3. KNM tại Anh, <http://www.dius.gov.uk/>
4. KNM tại Úc,  
[http://www.acci.asn.au/text\\_files/issues\\_papers/Employ\\_Educ/ee21.pdf](http://www.acci.asn.au/text_files/issues_papers/Employ_Educ/ee21.pdf)
5. KNM tại Singapore, <http://wsq.wda.gov.sg/GenericSkills/>
6. Top 10 kỹ năng cần thiết tại Việt Nam, <http://dantri.com.vn/ban-doc/top-10-ky-nang-mem-de-song-hoc-tap-va-lam-viec-hieu-qua-1251913221.htm>
7. Tạp chí khoa học ĐHSP TP.HCM,  
<http://vjol.info/index.php/sphcm/article/viewFile/12889/11769>
8. KNM tại Đại học Quốc gia Hà Nội,  
[http://vnu.edu.vn/upload/vanban/2011/06/23/3882\\_Boi-duong-ki-nang-mem-cho-sinh-vien.pdf](http://vnu.edu.vn/upload/vanban/2011/06/23/3882_Boi-duong-ki-nang-mem-cho-sinh-vien.pdf)
9. KNM tại Đại học Tài chính Marketing,  
<http://www.ufm.edu.vn/Resources/file/2016/07/KH666.pdf>
10. KNM tại Học viện Hàng không Việt Nam, <http://vaa.edu.vn/dao-tao-dai-hoc-chinh-quy>
11. KNM tại Đại học Văn Hiến, <http://viendoanhtri.vhu.edu.vn/vi/tin-tuc-vien-doanh-tri/thong-bao-dang-ky-lich-hoc-ky-nang-mem-hoc-ky-3-nam-hoc-2015-2016>
12. KNM tại Đại học Sư phạm kỹ thuật,  
<http://aao.hcmute.edu.vn/ArticleId/37f97d74-3f77-44cb-b05e-ee4dd2b48e9/chuan-dau-ra-cac-nganh-trinh-do-dai-hoc>
13. KNM tại Đại học Ngân Hàng, <http://buh.edu.vn/thong-bao/thong-bao-v-v-to-chuc-lop-ky-nang-mem-cho-tan-sinh-vien-5866.html>.

## DANH MỤC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1. MỘT SỐ HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP KNM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU.....	2
1.1. Chương trình chuẩn đầu ra .....	3
1.2. Chương trình ngoại khóa, Offline, thực tế tại doanh nghiệp.....	3
1.3. Chương trình đào tạo ngắn hạn .....	4
1.4. Chương trình hội thảo, tọa đàm.....	6
PHỤ LỤC 2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MỘT SỐ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM.....	8
2.1. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội .....	9
2.2. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM .....	13
2.3. Trường Đại học Ngân hàng .....	16
2.4. Trường Đại học Tài chính – Marketing .....	17
2.5. Học viện Hàng không Việt Nam .....	19
2.6. Trường Đại học Văn Hiến .....	21
PHỤ LỤC 3. BIỂU MẪU – PHIẾU KHẢO SÁT.....	23
3.1. Đề cương chi tiết các học phần Kỹ năng mềm (mẫu cũ) .....	24
3.2. Đề cương chi tiết các học phần Kỹ năng mềm (mẫu mới).....	35
3.3. Phiếu khảo sát dành cho sinh viên.....	46
3.4. Phiếu khảo sát dành cho giảng viên .....	49

**PHỤ LỤC 1.**  
**MỘT SỐ HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU**  
**VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP KNM**  
**TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**1.1. Chương trình chuẩn đầu ra**



**1.2. Chương trình: ngoại khóa, Offline, thực tế tại doanh nghiệp**





### 1.3. Chương trình đào tạo ngắn hạn



*Khóa tập huấn KNM dành cho giảng viên – Module 01 tháng 7/2017*



*Chương trình kỹ năng sống – Play and Learn ngày 1/10/2017*



*Lớp học hài kịch ứng biến tháng 3/2018*



*Khóa học Phương pháp Giảng dạy tích cực – Học tập qua trải nghiệm ngày 26 - 27/05/2018*





*Cùng một số khóa học miễn phí khác dành cho giảng viên và sinh viên BVU*

#### **1.4. Chương trình hội thảo, tọa đàm**



*Hội thảo Xin việc theo cách Phi truyền thống ngày 7/10/2017*





*Hội thảo Trường học Cầu vồng ngày 14/12/2017*



*Tọa đàm vượt qua Stress ngày 7/1/2018*



*Tọa đàm Định hướng mô hình giáo dục KNM cho SV các trường ĐH-CD ngày 2/6/2018*

**PHỤ LỤC 2.**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**MỘT SỐ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM**

## 2.1. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: 3882 /HD-ĐT

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2009*

### **HƯỚNG DẪN TẠM THỜI về đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên ở Đại học Quốc gia Hà Nội**

Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) hướng dẫn việc triển khai đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng mềm cho sinh viên như sau.

#### **1. Mục đích**

1.1. Trang bị thêm các kỹ năng giúp sinh viên phát huy hiệu quả các kiến thức chuyên môn và phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng tốt hơn, thích ứng nhanh hơn với tình hình thực tế, đáp ứng nhanh nhu cầu của xã hội.

1.2. Tạo lập môi trường phát triển các kỹ năng mềm để sinh viên được phát huy tối đa năng lực học tập, nghiên cứu khoa học và lập nghiệp; góp phần vào quá trình nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực.

#### **2. Đối tượng và các điều kiện áp dụng**

2.1. Bổ sung môn học Kỹ năng mềm là một môn học tăng cường bắt buộc trong các chương trình đào tạo nhiệm vụ chiến lược (đề án 16+23), tài năng, chất lượng cao và chương trình tiên tiến; Bắt đầu triển khai thực hiện từ năm học 2009-2010.

2.2. Chứng chỉ kỹ năng mềm là một trong các điều kiện để công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên nêu ở mục 2.1.

2.3. Tất cả các đối tượng sinh viên nêu ở mục 2.1 được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng mềm.

2.4. Điều kiện 2.2 áp dụng bắt buộc từ khóa QH-2007, khuyến khích sinh viên khóa QH-2006 bố trí thời gian tham gia các khóa học.

2.5. Sinh viên các hệ đào tạo khác được tạo điều kiện đăng ký tham gia các khóa học kỹ năng mềm do ĐHQGHN tổ chức, nhưng phải đóng góp kinh phí hỗ trợ đào tạo.

### **3. Chương trình đào tạo**

Nội dung chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế đã được GK Corporation việt hóa và cung cấp, có kết hợp phát triển trên cơ sở phối hợp với các đơn vị đào tạo kỹ năng mềm ở trong và ngoài ĐHQGHN.

Trước mắt, ĐHQGHN chọn chương trình đào tạo bao gồm 20 kỹ năng cơ bản sau để sinh viên lựa chọn 5 kỹ năng đăng ký học:

1. Kỹ năng giải quyết vấn đề.
2. Kỹ năng giao tiếp.
3. Kỹ năng học tập.
4. Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh chiến lược.
5. Kỹ năng phỏng vấn xin việc.
6. Kỹ năng quản lý công việc.
7. Kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả.
8. Kỹ năng thuyết trình.
9. Kỹ năng tư duy tích cực và sáng tạo.
10. Kỹ năng lập và quản lý ngân sách.
11. Kỹ năng điều hành các cuộc họp hiệu quả.
12. Kỹ năng quản lý dự án.
13. Kỹ năng ra quyết định nhóm.
14. Kỹ năng lãnh đạo nhóm hiệu quả.
15. Kỹ năng làm việc nhóm.
16. Kỹ năng lập và quản lý ngân sách.
17. Phương pháp kiểm soát stress.
18. Bí quyết xây dựng đội ngũ vững mạnh.
19. Thuyết trình hiệu quả trong môi trường kinh doanh hiện đại.
20. Quảng bá thương hiệu trên Internet.

### **4. Phương thức giảng dạy, học tập**

Các đơn vị được ĐHQGHN giao quản lý, tổ chức đào tạo kỹ năng mềm có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc chương trình đào tạo đã được phê duyệt, ban hành. Nếu cần có sự thay đổi, cần đề nghị và được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt mới triển khai.

Áp dụng phương thức giảng dạy online kết hợp với giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp, đảm bảo tạo điều kiện cho người học tiếp xúc với chuyên gia tư vấn của GK Corporation và chuyên gia của các đơn vị khác ít nhất 3 buổi cho mỗi khóa học (khai giảng và hướng dẫn sử dụng các chức năng phần mềm và phương pháp học tập; tư vấn giải đáp thắc mắc giữa khóa học; trao đổi và thực hành trực tiếp).

Đơn vị phụ trách đào tạo phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội sinh viên ĐHQGHN triển khai các hoạt động hỗ trợ khi áp dụng hình thức giảng dạy trực tiếp, tổ chức cho sinh viên được thực hành, giao lưu các chuyên đề phù hợp với nội dung và yêu cầu đào tạo.

### **5. Tài liệu học tập**

Kho dữ liệu online tương ứng với các kỹ năng lựa chọn trong website của GK Corporation.

Các tài liệu hướng dẫn khác do giảng viên giới thiệu. Đơn vị phụ trách đào tạo phối hợp với Trung tâm Thông tin Thư viện của ĐHQGHN để tổ chức số hóa, phát triển website môn học... phục vụ sinh viên học tập.

### **6. Kiểm tra, đánh giá**

Kết thúc khóa học, việc kiểm tra, đánh giá được tổ chức online tại một địa điểm chung, thống nhất. Đơn vị phụ trách đào tạo có trách nhiệm tổ chức đánh giá nghiêm túc, chính xác.

### **7. Cấp chứng chỉ**

GK Corporation và ĐHQGHN đồng cấp chứng chỉ cho các sinh viên đạt yêu cầu khóa học. ĐHQGHN giao cho Ban Đào tạo chuẩn bị phôi chứng chỉ, tổ chức in chứng chỉ, đồng ký và xác nhận trực tiếp trên các chứng chỉ được GK Corporation cấp cho những sinh viên đã thi đạt yêu cầu.

### **8. Tổ chức thực hiện**

8.1. ĐHQGHN giao cho Trung tâm Hỗ trợ sinh viên làm đầu mối triển khai đào tạo kỹ năng mềm cho các đối tượng sinh viên theo qui định trong hướng dẫn này.

8.2. Các đơn vị đào tạo và Trung tâm Hỗ trợ sinh viên có trách nhiệm thực hiện và thông báo đầy đủ các qui định của ĐHQGHN đến các đối tượng sinh viên.

8.3. Trung tâm Hỗ trợ sinh viên ký hợp đồng với GK Corporation, xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên; Phối hợp với Ban Đào tạo trong việc cấp chứng chỉ.

8.4. Trung tâm Hỗ trợ sinh viên báo cáo kế hoạch đào tạo và dự toán kinh phí hàng năm cho ĐHQGHN để được cấp kinh phí đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ.

8.5. Kết thúc năm học, Ban Đào tạo tổ chức đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm để cập nhật chương trình và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng mềm cho năm học mới.

**TL. GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO**

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Các đơn vị đào tạo (để thực hiện);
- TT Hỗ trợ sinh viên (để thực hiện);
- Ban KHTC (để phối hợp)
- Đoàn TNCSHCM và Hội sinh viên ĐHQGHN (để phối hợp)
- Lưu: VP, Ban ĐT.

(đã ký)

**PGS.TS. Nguyễn Văn Nhã**

## 2.2. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Mã số: 52480201

Hình thức đào tạo: CHÍNH QUI

(Ban hành tại Quyết định số..... ngày.....của Hiệu trưởng trường  
Đại học sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh)

1. Thời gian đào tạo: 4 năm
2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp phổ thông trung học
3. Thang điểm, Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm: 10

Quy trình đào tạo: Theo qui chế ban hành theo quyết định số 43/2007/GĐĐT

Điều kiện tốt nghiệp:

*Điều kiện chung:* Theo qui chế ban hành theo quyết định số 43/2007/GĐĐT

*Điều kiện của chuyên ngành:* Không

4. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

**Mục tiêu đào tạo:** Đào tạo kỹ sư ngành Công nghệ thông tin (CNTT) có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và chuyên ngành về CNTT, có khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và đánh giá các giải pháp, có năng lực xây dựng và quản trị các hệ thống CNTT, có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, có thái độ nghề nghiệp phù hợp đáp ứng được các yêu cầu phát triển của ngành và xã hội. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các cơ quan, tổ chức chuyên về CNTT, các đơn vị ứng dụng CNTT và các cơ sở đào tạo CNTT.

**Chuẩn đầu ra:**

#### 1. KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN KỸ THUẬT

##### 1.1 KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN

- 1.1.1. Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo; có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

1.1.2. Có kiến thức cơ bản về toán học và khoa học tự nhiên, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn

## **1.2 KIẾN THỨC NỀN TẢNG NGÀNH CNTT**

1.2.1. Kiến thức về lập trình

1.2.2. Kiến thức tổng quát về lĩnh vực CNTT

## **1.3 KIẾN THỨC KỸ THUẬT NÂNG CAO NGÀNH CNTT**

1.3.1. Khối kiến thức cấu trúc dữ liệu và giải thuật

1.3.2. Khối kiến thức về hệ điều hành máy tính

1.3.3. Khối kiến thức về kiến trúc máy tính

1.3.4. Khối kiến thức mạng máy tính

1.3.5. Khối kiến thức cơ sở dữ liệu

1.3.6. Các kiến thức nâng cao của từng chuyên ngành

## **2. KỸ NĂNG VÀ TỐ CHẤT CÁ NHÂN VÀ CHUYÊN NGHIỆP**

### **2.1 LẬP LUẬN KỸ THUẬT VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ**

2.1.1. Xác định và hình thành vấn đề

2.1.2. Mô hình hóa và phân tích

2.1.3. Suy luận & giải quyết vấn đề

2.1.4. Đánh giá giải pháp và đề xuất

### **2.2 THỬ NGHIỆM VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC**

2.2.1 Lập giả thuyết

2.2.2 Khảo sát qua tài liệu in và tài liệu điện tử

2.2.3 Khảo sát trên thực tế

2.2.4 Kiểm chứng và bảo vệ giả thuyết

### **2.3 SUY NGHĨ TẦM MỨC HỆ THỐNG**

2.3.1 Suy nghĩ toàn cục

2.3.2 Sự tương tác giữa các thành phần trong hệ thống

2.3.3 Xác định độ ưu tiên và quan trọng

2.3.4 Đánh giá hệ thống

### **2.4 KỸ NĂNG VÀ THÁI ĐỘ CÁ NHÂN**

2.4.1 Đề xuất vấn đề và sẵn sàng chấp nhận rủi ro

2.4.2 Tinh kiên trì và linh hoạt trong công việc

2.4.3 Tư duy sáng tạo



- 2.4.4 Tư duy suy xét
  - 2.4.5 Nhận biết về Kiến thức, Kỹ năng và Thái độ cá nhân của mình
  - 2.4.6 Ham tìm hiểu và Học tập suốt đời
  - 2.4.7 Quản lý thời gian và nguồn lực
  - 2.4.8 Quản trị dự án
- 2.5 CÁC KỸ NĂNG VÀ THÁI ĐỘ CHUYÊN NGHIỆP**
- 2.5.1 Đạo đức nghề nghiệp, Tinh trung thực, Bồn phận và Trách nhiệm
  - 2.5.2 Hành xử chuyên nghiệp
  - 2.5.3 Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình
  - 2.5.4 Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực kỹ thuật

### **3. KỸ NĂNG GIAO TIẾP: LÀM VIỆC THEO NHÓM VÀ GIAO TIẾP**

- 3.1 LÀM VIỆC THEO NHÓM**
- 3.1.1 Thành lập nhóm hoạt động hiệu quả
  - 3.1.2 Quản lý tiến trình hoạt động nhóm
- 3.2 GIAO TIẾP**
- 3.2.1 Kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết
  - 3.2.2 Kỹ năng trình bày
  - 3.2.3 Kỹ năng đàm phán
  - 3.2.4 Kỹ năng phát triển các mối quan hệ xã hội
- 3.3 GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ**
- 3.3.1 Kỹ năng chung về tiếng Anh: Đạt trình độ tương đương TOEIC 450.
  - 3.3.2 Kỹ năng nói tiếng Anh
  - 3.3.3 Kỹ năng nghe tiếng Anh
  - 3.3.4 Kỹ năng đọc tiếng Anh
  - 3.3.5 Kỹ năng viết tiếng Anh

## 2.3. Trường Đại học Ngân hàng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TP. HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM ĐTTCTH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2017

### THÔNG BÁO

“Về việc: Tổ chức lớp Kỹ năng mềm tân sinh viên”

Trung tâm Đào tạo Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Ngân hàng Tp.HCM  
trân trọng thông báo lịch học đến tân sinh viên

#### LỊCH HỌC LỚP KỸ NĂNG MỀM TÂN SINH VIÊN

STT	Tên chuyên đề	Thời gian học	Địa điểm học
1	Phương pháp học tập đại học hiệu quả	Sáng: 8h00-11h30 Ngày 12/11/2017	<i>Cơ sở Thủ Đức: Hội trường lớn, Số 56 Hoàng Diệu 2, Q. Thủ đức, Tp.HCM.</i>
2	Kỹ năng tư duy sáng tạo	Chiều: 13h30-17h00 Ngày 12/11/2017	
3	Kỹ năng giao tiếp hiệu quả	Sáng: 8h00-11h30 Ngày 19/11/2017	
4	Kỹ năng thuyết trình	Chiều: 13h30-17h00 Ngày 19/11/2017	
5	Kỹ năng xây dựng thương hiệu cá nhân	Sáng: 8h00-11h30 Ngày 26/11/2017	
6	Kỹ năng làm việc nhóm	Chiều: 13h30-17h00 Ngày 26/11/2017	

**Lưu ý:** Để có cơ sở đánh giá và được cấp Chứng chỉ “Kỹ năng mềm”, yêu cầu sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học và thực hiện đúng nội quy quy định của Nhà trường.

- ✓ **Danh sách lớp học** (File đính kèm).

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
ThS. TRẦN CHÍ CHINH

## 2.4. Trường Đại học Tài chính – Marketing

BỘ TÀI CHÍNH  
TRƯỜNG ĐH TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1314/QĐ-ĐHTCM ngày 13/8/2012  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)*

#### I. YÊU CẦU CHUNG VỀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP

- Sinh viên cần thực hiện đúng những quy định theo quy chế của Bộ Giáo dục - Đào tạo và theo các quy định của nhà trường.
- Sinh viên có tinh thần học hỏi, cầu tiến trong quá trình học tập tại trường.
- Sinh viên cần có thái độ tích cực đối với việc tự học và học tập theo nhóm.
- Sinh viên phải tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động phong trào.
- Sinh viên phải có nhận thức tích cực về quá trình tiếp thu kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở học tập.

#### II. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Sinh viên hội đủ các điều kiện sau sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

II.1. Quy định về tổ chức đào tạo của trường và các văn bản quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

II.2. Yêu cầu về trình độ tiếng Anh: sinh viên khi xét tốt nghiệp phải có 1 trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

*Sinh viên không thuộc ngành Ngôn ngữ Anh phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ tiếng Anh sau đây mới được công nhận tốt nghiệp:*

1. Chứng chỉ TOEIC đạt từ 405 điểm trở lên (chứng chỉ TOEIC do ETS cấp);
2. Giấy chứng nhận đạt trình độ tiếng Anh tương đương TOEIC 405 điểm trở lên do Trường Đại học Tài chính - Marketing tổ chức kiểm tra;
3. Chứng chỉ TOEFL iBT từ 41 lên hoặc TOEFL PBT từ 437 điểm trở lên;
4. Chứng chỉ IELTS từ 4.0 điểm trở lên;
5. Chứng chỉ B1 theo khung Châu Âu;
6. Bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc đại học chuyên ngành tiếng Anh hệ chính quy hoặc hệ vừa làm vừa học.

II.3. Yêu cầu về trình độ tin học: sinh viên khi xét tốt nghiệp phải có 1 trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

*Sinh viên không thuộc ngành Hệ thống thông tin quản lý phải có một trong các văn bằng, chứng chỉ tin học sau đây mới được công nhận tốt nghiệp:*

1. Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hay Hệ thống thông tin quản lý hệ chính quy hoặc hệ vừa làm vừa học;
2. Chứng chỉ tin học trình độ B do các Trung tâm của trường Đại học Tài chính - Marketing cấp.

II.4. Yêu cầu về kỹ năng mềm: sinh viên khi xét tốt nghiệp phải có đủ các giấy chứng nhận tham dự các khóa huấn luyện kỹ năng mềm sau:

1. Kỹ năng thuyết trình hiệu quả;
2. Kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo;
3. Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định;
4. Kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong kinh doanh;
5. Kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian;
6. Kỹ năng làm việc tập thể và tinh thần đồng đội;

## 2.5. Học viện Hàng không Việt Nam

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**  
**NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
**CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP**  
**TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC**  
(Ban hành tại Quyết định số 58 ngày 20/3/2014 của Giám đốc Học viện  
Hàng không Việt Nam)

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

1. Ngành đào tạo: Quản Trị Kinh Doanh
2. Mã ngành đào tạo: D340101
3. Chuyên ngành đào tạo: Quản Trị Kinh Doanh tổng hợp (General Business Administration)
4. Trình độ đào tạo: Đại học
5. Thời gian đào tạo: 4 năm
6. Mục tiêu đào tạo:  
Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp với các mục tiêu sau đây:
  - Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề lý thuộc lĩnh vực quản kinh doanh hàng không và các lĩnh vực kinh doanh khác.
  - Có khả năng thực hiện công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế chuyên ngành quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là lĩnh vực quản lý, hoạt động khai thác, thương mại, dịch vụ trong ngành hàng không.
7. Chuẩn đầu ra
  - 7.1. Kiến thức
    - 7.1.1. Kiến thức tổng quát (kiến thức chung)
      - Sinh viên được trang bị những kiến thức về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng như các kiến thức cơ bản về pháp luật hiện hành để có thể nhận thức và quán triệt chủ trương, chính sách của Nhà nước trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội. Từ đó có khả năng vận dụng và hình thành được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.
      - Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ, đồng thời có

khả năng vận dụng các quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội tự nhiên vào phân tích và đề xuất các chính sách kinh tế.

- Có sức khỏe để học tập, lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

#### *7.1.2. Kiến thức cơ sở ngành và ngành*

- Hiểu những nội dung căn bản của kinh tế học (vi mô và vĩ mô), kinh tế lượng, kiến thức về quản trị học, marketing căn bản, nguyên lý kế toán và lý thuyết tài chính tiền tệ để vận dụng vào hoạt động kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nắm được các kiến thức về hành vi của tổ chức, văn hóa doanh nghiệp và khả năng lãnh đạo để vận dụng vào hoạt động thực tiễn.

- Có khả năng phân tích các kiến thức về hoạt động liên quan đến quản trị tài chính, thanh toán quốc tế, phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Hiểu và có khả năng vận dụng những kiến thức về ngành quản trị kinh doanh vào hoạt động tổ chức nói chung và doanh nghiệp nói riêng, bao gồm các lĩnh vực như: quản trị chiến lược; quản trị nhân sự; quản trị sản xuất; quản trị marketing - thương hiệu - bán hàng; quản trị logistic và chuỗi cung ứng; quản trị chất lượng; quản trị dự án...

#### *7.1.3. Kiến thức chuyên ngành*

- Có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên sâu về ngành QTKD, gồm: Quản trị Marketing, quản trị rủi ro, Quản trị bán hàng, lập và phân tích dự án đầu tư để có thể định hướng nghiên cứu chuyên sâu về ngành đào tạo, khả năng thích ứng cao trong việc chuyển đổi ngành đào tạo sau này.

- Vận dụng tốt các kiến thức cơ bản về ngành QTKD, gồm: Marketing căn bản, Quản trị học, Quản trị chiến lược, Quản trị tài chính, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị nhân lực, Quản trị sản xuất, Quản trị chất lượng...trong quản lý và kinh doanh.

- Hiểu, áp dụng và có khả năng phân tích các hoạt động kinh tế - thương mại... để vận dụng vào thực tiễn hoạt động kinh doanh của đơn vị.

### *7.2. Kỹ năng*

#### *7.2.1. Kỹ năng cứng*

- Có kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá và ra quyết định các hoạt động quản trị kinh doanh của doanh nghiệp.

- Có khả năng thực hành triển khai các công việc cụ thể trong các hoạt động quản trị kinh doanh của doanh nghiệp.

- Có khả năng sử dụng những kiến thức đã học để tiếp cận xử lý tình huống và giải quyết các vấn đề cụ thể và thực tiễn trong hoạt động khai thác và kinh tế - thương mại.

#### *7.2.2. Kỹ năng mềm*

- Có kỹ năng giao tiếp, thương lượng và quan hệ khách hàng trong hoạt động của doanh nghiệp

- Có khả năng làm việc theo nhóm, kỹ năng quản lý công việc và kỹ năng lãnh đạo có hiệu quả.

- Có kỹ năng xin việc và phỏng vấn xin việc, thuyết trình, chăm sóc khách hàng.

- Có khả năng giao tiếp tiếng Anh trong kinh doanh, thương mại...

- Có khả năng sử dụng tin học văn phòng (word, excel, powpoint) với trình độ tối thiểu tương ứng trình độ B; biết sử dụng được một số phần mềm phân tích và quản lý để phân tích các dữ liệu trong hoạt động nghiên cứu kinh doanh như SPSS, EVIEW...

## 2.6. Trường Đại học Văn Hiến

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### QUY ĐỊNH

#### Năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp đại học và cao đẳng

*(Ban hành theo Quyết định số 440/QĐ-ĐHVH ngày 28 tháng 01 năm 2016  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến)*

#### 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng tại Trường Đại học Văn Hiến.

Văn bản này áp dụng cho sinh viên đại học, cao đẳng của Trường Đại học Văn Hiến ở tất cả các ngành và hình thức đào tạo: chính quy, vừa làm vừa học, liên thông (chính quy, vừa làm vừa học), văn bằng 2 (chính quy, vừa làm vừa học).

#### 2. Giải thích từ ngữ

Năng lực trong văn bản này được hiểu là yêu cầu tối thiểu về trình độ, kỹ năng, kiến thức của sinh viên tốt nghiệp tương ứng với trình độ, ngành/chuyên ngành và hình thức đào tạo. Sinh viên phải đáp ứng các yêu cầu về năng lực để được xét công nhận tốt nghiệp.

#### 3. Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ

3.1. Đối với các ngành không chuyên ngoại ngữ trình độ đại học hệ chính quy là tiếng Anh bậc 3 (tương đương B1); trình độ cao đẳng hệ chính quy, hệ đào tạo liên thông, văn bằng 2, vừa làm vừa học (đại học và cao đẳng) là tiếng Anh bậc 2 (tương đương A2).

3.2. Đối với các ngành chuyên ngoại ngữ hệ chính quy được quy định như sau:

a) Ngành ngôn ngữ Anh trình độ đại học là tiếng Anh bậc 5 (tương đương C1); ngành tiếng Anh trình độ cao đẳng là tiếng Anh bậc 4 (tương đương B2).

b) Ngành ngôn ngữ Trung Quốc là tiếng Hoa bậc 4 (tương đương HSK cấp độ 4).

c) Ngành Đông phương học: chuyên ngành Nhật Bản học là tiếng Nhật bậc 4 (tương đương JLPT N3); chuyên ngành Hàn Quốc học là tiếng Hàn bậc 4 (tương đương TOPIK4).

3.3. Trường Đại học Văn Hiến tổ chức dạy, thi và cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ theo quy định Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường xem xét công nhận tính tương đương của các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế khác trong thời hạn 02 năm từ thời điểm được xác nhận trên cơ sở đối sánh với Khung tham chiếu chung Châu Âu – CEFR (xem phụ lục đính kèm).

#### 4. Yêu cầu về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

Đối với các ngành không chuyên công nghệ thông tin thuộc tất cả hình thức đào tạo trình độ cao đẳng, đại học là kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (tương đương chứng chỉ quốc gia trình độ B).

Trường Đại học Văn Hiến tổ chức dạy, thi và cấp chứng chỉ kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin ứng dụng theo quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông. Nhà trường xem xét công nhận tính tương đương của các chứng chỉ công nghệ thông tin quốc tế khác trong thời hạn 02 năm từ thời điểm được xác nhận.

#### 5. Yêu cầu về kỹ năng mềm

Đối với trình độ đại học chính quy, sinh viên phải tích lũy tối thiểu 08 kỹ năng (05 kỹ năng bắt buộc, 03 kỹ năng tự chọn); đối với trình độ cao đẳng chính quy, sinh viên phải tích lũy tối thiểu 06 kỹ năng (04 kỹ năng bắt buộc, 02 kỹ năng tự chọn).

Trước mỗi học kỳ, Trường Đại học Văn Hiến công bố kế hoạch giảng dạy các kỹ năng để sinh viên đăng ký theo nguyện vọng, phù hợp với định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. TRẦN VĂN THIỆN



**PHỤ LỤC 3.**  
**BIỂU MẪU – PHIẾU KHẢO SÁT**

### 3.1. Đề cương chi tiết các học phần Kỹ năng mềm (mẫu cũ)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin chung

- Tên học phần: **PHƯƠNG PHÁP HỌC ĐẠI HỌC và TƯ DUY SÁNG TẠO**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần: Học trong học kỳ I

### 2. Mục tiêu của học phần

#### 2.1 Phương pháp học đại học

- Kiến thức: môn học giúp cho sinh viên hiểu được bản chất và phương pháp của hoạt động học tập bậc đại học và sự khác nhau giữa học tập bậc phổ thông và bậc đại học.
- Kỹ năng: hiểu và vận dụng được các phương pháp học tập cơ bản ở bậc đại học như: biết cách xây dựng được mục tiêu, kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả trong suốt quá trình học tập đại học; cách tìm kiếm, sàng lọc, phân tích, tổng hợp và phân loại, lưu trữ và sử dụng các tài liệu học tập; đọc tài liệu, ghi chép bài giảng trên lớp hiệu quả, tóm tắt nội dung học phần và cách thực hiện các dạng bài thi; phương pháp tự học cá nhân, hoạt động nhóm và kỹ năng học tập suốt đời;
- Thái độ: chủ động và tự giác trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và rèn luyện trong quá trình học tập bậc đại học.

#### 2.2 Tư duy sáng tạo

- Kiến thức: giúp cho sinh viên bước đầu tiếp cận với phương pháp tư duy tích cực, sáng tạo để tăng cường khả năng tư duy trong một tình huống, một vấn đề hay một lĩnh vực cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả trong công việc, thúc đẩy nhanh quá trình hoạt động sáng tạo.
- Kỹ năng: hình thành thói quen tư duy trước để tìm ra hướng tích cực nhất trong mọi vấn đề của cuộc sống. Vận dụng được các phương pháp sáng tạo để tìm ra các phương án, các lời giải từ một phần đến toàn bộ cho các vấn đề nan giải trong lĩnh vực của ngành hoặc các vấn đề xã hội hiện nay.
- Thái độ: giúp người học nâng cao khả năng tư duy tích cực và sáng tạo trong mọi hoạt động học tập, làm việc và cuộc sống.

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp học đại học và phương pháp tư duy sáng tạo. Học phần bao gồm 2 chuyên đề chính như sau:

Chuyên đề 1. Phương pháp học đại học

Chuyên đề 2. Tư duy sáng tạo

#### 4. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

##### 4.1 Hình thức – Phương pháp tổ chức dạy và học

Sử dụng kết hợp các hình thức, phương pháp dạy và học sau:

- Diễn giảng, thảo luận/thuyết trình theo nhóm, đóng vai, hỏi – đáp nhanh, bài tập tình huống, trò chơi, hoạt động ngoại khóa,...

##### 4.2 Phương tiện dạy và học

- Máy chiếu, bảng đứng, giấy (A0, A4, A5,...), giấy màu, kéo, bút lông màu,...

##### 4.3 Nội dung chi tiết

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
<b>Chuyên đề 1. Phương pháp học đại học (15 tiết)</b>					
<b>1.1 Môi trường học tập bậc đại học</b>	1			Hiểu được bản chất hoạt động học tập và nghiên cứu bậc đại học.	Sinh viên đọc trước tư liệu; xây dựng kế hoạch cho bản thân; thực hiện bài tập cá nhân về nhà.
1.1.1 Bản chất của giáo dục đại học					
1.1.2 Giá trị của giáo dục đại học					
<b>1.2 Cách xác lập mục tiêu và xây dựng kế hoạch</b>	1	2		Biết cách xác định mục tiêu và xây dựng kế hoạch học tập cho mình một cách hiệu quả nhất	
1.2.1. Tạo động lực bản thân					
1.2.2 Cách xác lập mục tiêu học tập					
1.2.3 Cách xây dựng kế hoạch học tập					
<b>1.3. Phương pháp thu thập và xử lý thông tin hiệu quả</b>	1		3	Biết cách tìm kiếm, sàng lọc, phân loại, lưu trữ và sử dụng hiệu quả các tài liệu học tập từ nhiều nguồn khác nhau phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và thực hành học phần.	Sinh viên học tại phòng máy và thực hành kỹ năng theo hướng dẫn.
1.3.1 Phương pháp tìm kiếm tài liệu học tập					
1.3.2 Phương pháp sàng lọc và xử lý tài liệu học tập					
1.3.3 Phương pháp lưu trữ tài liệu học tập					
1.3.4 Phương pháp sử dụng tài liệu học tập					
<b>1.4 Phương pháp đọc, ghi chép, ôn tập và thi cử</b>	2	2		Sinh viên biết cách rèn luyện cho mình các kỹ	

1.4.1. Phương pháp đọc				năng đọc, ghi chép, ôn tập và thi cử để phục vụ học tập một cách hiệu quả.	
1.4.2. Phương pháp viết					
1.4.3. Phương pháp ôn tập					
1.4.4. Phương pháp làm bài thi					
<b>1.5 Phương pháp làm việc nhóm</b>	<b>1</b>	<b>2</b>		Sinh viên biết cách phối hợp nhau để hoàn thành công việc một cách hiệu quả.	Sinh viên vận dụng kỹ năng thực hiện nhiệm vụ chung của nhóm.
<b>Chuyên đề 2. Tư duy sáng tạo (15 tiết)</b>					
<b>2.1 Tư duy tích cực</b>	<b>1</b>	<b>3</b>		Sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản và lợi ích của tư duy tích cực trong học tập, công việc, cuộc sống; phân tích được các nguyên nhân làm hạn chế tư duy tích cực; nhận biết thực tế của bản thân về mức độ tư duy tích cực làm cơ sở rèn luyện tư duy tích cực.	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành kỹ năng theo hướng dẫn của GV.
2.1.1 Khái niệm và vai trò của tư duy tích cực					
2.1.2 Các nguyên nhân làm hạn chế tư duy tích cực					
2.1.3 Đo lường tư duy tích cực					
2.1.4 Các giải pháp rèn luyện tư duy tích cực					
<b>2.2 Tư duy sáng tạo</b>	<b>1</b>	<b>3</b>		Sinh viên biết được các khái niệm, vai trò, tiêu chí nhận diện những rào cản và động lực của sự sáng tạo.	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành kỹ năng theo hướng dẫn của GV.
2.2.1 Các khái niệm cơ bản về TDST					
2.2.2 Vai trò của TDST					
2.2.3 Những rào cản của TDST					
2.2.4 Khơi dậy động lực sáng tạo					
<b>2.3 Phương pháp sáng tạo SCAMPER</b>				Sinh viên hiểu được phương pháp SCAMPER và vận dụng vào trong các hoạt động thực tiễn trong đời sống.	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành kỹ năng theo hướng dẫn của GV.
2.3.1 Giới thiệu phương pháp SCAMPER	<b>1</b>	<b>3</b>			
2.3.2 Vận dụng các nguyên lý sáng tạo SCAMPER	<b>1</b>	<b>2</b>			
<b>Tổng</b>	<b>10</b>	<b>20</b>			

## 5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

- Đánh giá: Hoàn thành/không hoàn thành
- Sinh viên được đánh giá hoàn thành khi:

- Tham dự tối thiểu 75% số tiết lên lớp
- Hoàn thành các bài tập/hoạt động theo yêu cầu của giảng viên.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Bài giảng do giảng viên cung cấp;

### 6.2. Tài liệu tham khảo

#### 6.2.1 Tài liệu tham khảo về Phương pháp học đại học

[1]. Lê Thị Xuân (2016), *Bài giảng phương pháp học tập bậc đại học*, Trường đại học Bà Rịa – Vũng Tàu;

[2]. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tự học suốt đời*, NXB Thời đại;

[3]. Nguyễn Duy Cần (2017), *Tôi tự học*, NXB Trẻ;

[4]. 1980 Books (2017), *Học khôn ngoan để dẫn đầu*, NXB Thế giới;

[5]. 1980 Books, (2017), *Học siêu tốc nhờ tư duy khác biệt*, NXB ĐH KT Quốc dân.

#### 6.2.2 Tài liệu tham khảo về Tư duy sáng tạo

[1]. Hoàng Văn Kiếm (2016), Bài giảng đa phương tiện *Tư duy sáng tạo*, Trường ĐH BR-VT (*Lưu hành nội bộ*);

[2]. Micheal Michalko (Hải Đăng dịch) (2016), *Trò chơi tư duy*, NXB Thế Giới, HN;

[3]. Rob Eastaway (Phạm Anh Tuấn – dịch) (2015), *Đổi mới tư duy – 101 cách khơi nguồn sáng tạo*, NXB Trẻ, TP.HCM;

[4]. Tonny và Barry Buzan (2009), *Bản đồ tư duy*, NXB Tổng hợp, TP.HCM;

[5]. Napoleon Hill (2012), *Chìa khóa tư duy tích cực*, NXH Trẻ, TP.HCM.

## 7. Thông tin về giảng viên

Họ tên: Võ Minh Hùng - Học vị: Tiến sỹ

Ngày sinh: 10/10/1982 - ĐT: 0962292519 - Email: [hungvm@bv.edu.vn](mailto:hungvm@bv.edu.vn)

Họ tên: Lê Thị Hiếu Thảo - Học vị: Thạc sỹ

Ngày sinh: 1979 - ĐT: 0918311909 - Email: [thaolth@bv.edu.vn](mailto:thaolth@bv.edu.vn)

Họ tên: Lê Thị Xuân - Học vị: Thạc sỹ

Ngày sinh: 18/04/1989 - ĐT: 0974328657 - Email: [xuanlt@bv.edu.vn](mailto:xuanlt@bv.edu.vn)

Họ tên: Trần Thị Duyên - Học vị: Thạc sỹ

Ngày sinh: 1982 - ĐT: 0989217588 - Email: [duyentt@bv.edu.vn](mailto:duyentt@bv.edu.vn)

Họ tên: Phạm Thị Hữu Hạnh - Học vị: Thạc sỹ

Ngày sinh: 1982 - ĐT: 01633000434 - Email: [hanhpth@bv.edu.vn](mailto:hanhpth@bv.edu.vn)

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 25 tháng 05 năm 2017

**HIỆU TRƯỞNG      HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH      TM BIÊN SOẠN**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin chung

- Tên học phần: **KỸ NĂNG GIAO TIẾP CƠ BẢN**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần: Học ở học kỳ II

### 2. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức: môn học trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về kỹ năng giao tiếp, bao gồm: các khái niệm, các phương pháp, nguyên tắc cơ bản để giao tiếp thành công.
- Kỹ năng: giúp cho người học nâng cao khả năng giao, biết cách vận dụng một cách hiệu quả các nguyên tắc, nghệ thuật giao tiếp: ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, khả năng thuyết trình từ đó nâng cao hiệu quả trong công việc và cuộc sống.
- Thái độ: giúp người học nhận thức được vai trò của kỹ năng giao tiếp và quan tâm đến phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn một cách hiệu quả, sáng tạo.

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về giao tiếp phi ngôn ngữ và ngôn ngữ, kỹ năng thuyết trình hiệu quả. Thông qua các khái niệm, các công cụ, phương pháp trong giao tiếp cơ bản sẽ giúp cho sinh viên dần hình thành kỹ năng giao tiếp và biết cách vận dụng vào trong học tập, công việc và cuộc sống một cách hiệu quả. Nội dung học phần bao gồm 3 chuyên đề chính với những nội dung cụ thể như sau:

- Chuyên đề 1. Kỹ năng Giao tiếp phi ngôn ngữ
- Chuyên đề 2. Kỹ năng Giao tiếp thông qua ngôn ngữ
- Chuyên đề 3. Kỹ năng Thuyết trình

### 4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

#### 4.1 Hình thức - phương pháp tổ chức dạy và học

Sử dụng kết hợp các hình thức, phương pháp dạy và học: Diễn giảng, thảo luận theo nhóm, đóng vai, hỏi – đáp nhanh, bài tập tình huống, trò chơi, hoạt động ngoại khóa,...

#### 4.2 Phương tiện dạy và học

Phương tiện dạy học bao gồm: máy chiếu, bảng, giấy (A0, A4, A5,...), giấy màu, kéo, bút lông màu,...

### 4.3 Nội dung chi tiết

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
<b>Chuyên đề 1. Kỹ năng Giao tiếp phi ngôn ngữ (10 tiết)</b>					
1.1 Khái niệm giao tiếp và văn hóa giao tiếp	1	1	3	Trang bị cho sinh viên kỹ năng cần thiết để giao tiếp phi ngôn ngữ hiệu quả.	Sinh viên, hoạt động và thực hành kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ
1.2 Các loại hình giao tiếp					
1.3 Ngôn ngữ cử chỉ					
1.4 Ngôn ngữ hình thể					
1.5 Nghệ thuật lắng nghe					
1.6 Ảnh hưởng của trang phục đối với giao tiếp					
1.7 Một số lời khuyên để giao tiếp phi ngôn ngữ hiệu quả					
<b>Chuyên đề 2. Kỹ năng Giao tiếp thông qua ngôn ngữ (10 tiết)</b>					
2.1 Giao tiếp qua lời nói	1	1	3	Trang bị cho sinh viên kỹ năng cần thiết để giao tiếp ngôn ngữ nói và viết hiệu quả.	Sinh viên hoạt động và thực hành kỹ năng giao tiếp qua ngôn ngữ
2.2 Giao tiếp qua thư tín					
2.3 Giao tiếp qua điện thoại					
2.4 Giao tiếp qua văn bản					
2.5 Nghệ thuật giao tiếp hiệu quả thông qua ngôn ngữ					
2.6 Những điều nên tránh để giao tiếp hiệu quả					
<b>Chuyên đề 3. Kỹ năng Thuyết trình (10 tiết)</b>					
3.1 Khái niệm thuyết trình	1	1	3	Trang bị cho sinh viên kỹ năng cần thiết để tự tin và thành công khi thuyết trình, nói chuyện trước đám đông.	Sinh viên hoạt động và thực hành kỹ năng thuyết trình.
3.2 Vai trò của thuyết trình					
3.3 Những khó khăn và cách khắc phục khi thuyết trình trước đám đông					
3.4 Các nguyên tắc cơ bản để thuyết trình hiệu quả					
3.5 Quy trình 3 bước – thuyết trình					

3.6 Một số lời khuyên (Tips)					
<b>Tổng: 30 tiết</b>	<b>10</b>	<b>20</b>			

## 5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

- Đánh giá: Hoàn thành/không hoàn thành
- Sinh viên được đánh giá hoàn thành khi:
  - o Tham dự tối thiểu 75% số tiết lên lớp
  - o Hoàn thành các bài tập/hoạt động theo yêu cầu của giảng viên.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Bài giảng do giảng viên cung cấp;

### 6.1. Tài liệu tham khảo

[1]. LeiL Lowndes (Tb 2017), *Nghệ thuật giao tiếp để thành công*, NXB Lao động - Xã hội;

[2]. Gregory Hartly and Maryann Karinch (Tb 2017), *Cẩm nang ngôn ngữ cơ thể*, NXB Trẻ, TP.HCM.

[3]. Lê Duyên Hải (2016), *79 quy tắc hay trong giao tiếp*, NXB Phụ nữ;

[4]. Phạm Nguyễn (2016), *101 cách đối phó với người ngang ngược*, NXB Thanh Niên, TP.HCM;

[5]. Andrii Sedniev (Tb 2017), *30 giây ma thuật trong diễn thuyết*, NXB Lao động.

## 7. Thông tin về giảng viên

Họ tên: Lê Thị Hiếu Thảo - Học vị: Thạc sỹ

Ngày sinh: 1979 - ĐT: 0918311909 - Email: [thaolth@bvu.edu.vn](mailto:thaolth@bvu.edu.vn)

Họ tên: Lê Văn Quốc - Học vị: Thạc sỹ

Ngày sinh: 1980 - ĐT: 0989778898 - Email: [quoclv@bvu.edu.vn](mailto:quoclv@bvu.edu.vn)

Họ tên: Nguyễn Lý Xuân Minh - Học vị: Cử nhân

Ngày sinh: 1979 - ĐT: 0903966443 - Email: [minhnlx@bvu.edu.vn](mailto:minhnlx@bvu.edu.vn)

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 25 tháng 5 năm 2017

**HIỆU TRƯỞNG  
(DUYỆT)**

**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

**TM. BIÊN SOẠN**



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin chung

- Tên học phần: **KỸ NĂNG GIAO TIẾP NÂNG CAO**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Học phần tiên quyết/học trước: **Giao tiếp cơ bản**
- Các yêu cầu đối với học phần: Học ở học kỳ III/IV

### 2. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức: môn học trang bị cho sinh viên nội dung, cách giải quyết vấn đề, ra quyết định; hiểu cách tìm việc, viết CV, thư tìm việc, các bước chuẩn bị cho buổi phỏng vấn thành công; các kỹ năng cần thiết trong bán hàng chuyên nghiệp.

- Kỹ năng: hình thành và nâng cao các kỹ năng giao tiếp qua các kỹ năng giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng phỏng vấn tìm việc và kỹ năng bán hàng.

- Thái độ: giúp người học ý thức được tầm quan trọng của các kỹ năng giao tiếp nâng cao và không ngừng rèn luyện, hoàn thiện các kỹ năng của mình để gặt hái thành công trong mọi lĩnh vực của đời sống.

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần bao gồm 3 chuyên đề chính với những nội dung cụ thể như sau:

Chuyên đề 1. Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định

Chuyên đề 2. Kỹ năng Bán Hàng

Chuyên đề 3. Kỹ năng Viết CV và Phỏng vấn tìm việc

### 4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

#### 4.1 Hình thức - Phương pháp tổ chức dạy và học

Sử dụng kết hợp các hình thức, phương pháp dạy và học sau:

- Diễn giảng, thảo luận/thuyết trình theo nhóm, đóng vai, hỏi – đáp nhanh, bài tập tình huống, trò chơi, hoạt động ngoại khóa,...

#### 4.2 Phương tiện dạy và học

- Máy chiếu, bảng đứng, giấy (A0, A4, A5,...), giấy màu, kéo, bút lông màu,...

### 4.3 Nội dung chi tiết

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
<b>Chuyên đề 1. Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định</b>					
<b>1.1 KN giải quyết vấn đề</b>	<b>2</b>	<b>3</b>		Sinh viên biết cách nhận diện vấn đề, ứng dụng một số nguyên lý cơ bản trong giải quyết vấn đề	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành kỹ năng giải quyết vấn đề.
1.1.1 Vấn đề?					
1.1.2 Phân loại vấn đề					
1.1.3 Nguyên nhân của vấn đề					
1.1.4 Ứng dụng 5WHY, 5W1H trong giải quyết vấn đề					
1.1.5 Ứng dụng PDCA trong giải quyết vấn đề					
1.1.6 Một số lời khuyên					
<b>1.2 Kỹ năng ra quyết định</b>	<b>1</b>	<b>4</b>		Trên cơ sở nhận diện vấn đề, phân loại vấn đề, hiểu các phương pháp ra quyết định để hạn chế đưa ra những quyết định sai lầm.	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành kỹ năng ra quyết định.
1.2.1 Quyết định?					
1.2.2 Các phương pháp ra quyết định					
1.2.3 Nguyên nhân cơ bản dẫn đến quyết định sai lầm					
1.2.4 Các bước ra quyết định (TASC)					
1.2.5 Một số lời khuyên (Tips)					
<b>Chuyên đề 2. Kỹ năng Bán Hàng (10 tiết)</b>					
<b>2.1 Khái niệm và vai trò của bán hàng</b>	<b>2</b>	<b>3</b>		Sinh viên có cái nhìn khái quát về bán hàng, định vị môi quan hệ mua bán; các hình thức bán hàng, các loại hình sản phẩm và tầm quan	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành kỹ năng bán hàng với
2.1.1 Khái niệm					
2.1.2 Vai trò của bán hàng					
2.1.3 Các loại hình sản phẩm					

2.1.4 Các hình thức bán hàng				trọng của việc rèn luyện kỹ năng bán hàng ở mỗi người.	những tình huống giả định.
<b>2.2 Kỹ năng bán hàng thành công</b>	<b>1</b>	<b>4</b>		Sinh viên hiểu được những việc cần chuẩn bị cho một buổi bán hàng thành công (trước, trong và sau bán hàng)	
2.2.1 Trước bán hàng					
2.2.1 Trong bán hàng					
2.2.1 Sau bán hàng					
2.2.4 Một số lời khuyên (Tips)					
<b>Chuyên đề 3. Kỹ năng Viết CV và PV tìm việc (10 tiết)</b>					
<b>3.1 Kỹ năng tìm việc và viết CV</b>	<b>2</b>	<b>3</b>		Sinh viên biết cách tìm kiếm việc làm phù hợp; có cái nhìn khái quát về cấu trúc một CV mẫu tiếng Anh và tiếng Việt; hiểu rõ cấu trúc một thư ứng tuyển, cách gửi thư tìm việc	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành kỹ năng viết CV
3.1.1 Kỹ năng tìm việc					
3.1.2 Cách viết CV tiếng Việt và tiếng Anh					
3.1.3 Cách viết thư ứng tuyển					
<b>3.2 Kỹ năng Phỏng vấn tìm việc</b>	<b>1</b>	<b>4</b>		Sinh viên hiểu những việc cần làm trước khi đi phỏng vấn; hiểu được cụ thể một buổi phỏng vấn diễn ra như thế nào, những câu hỏi thường gặp của nhà phỏng vấn là gì và cách trả lời ra sao và những việc cần làm sau phỏng vấn tìm việc	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành kỹ năng phỏng vấn.
3.2.1 Các bước chuẩn bị trước phỏng vấn					
3.2.2 Trong phỏng vấn					
3.2.3 Những việc nên làm sau phỏng vấn					
3.2.4 Một số lời khuyên (Tips)					
<b>Tổng: 30 tiết</b>	<b>9</b>	<b>21</b>			

### 5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

- Đánh giá: Hoàn thành/không hoàn thành
- Sinh viên được đánh giá hoàn thành khi:
  - o Tham dự tối thiểu 75% số tiết lên lớp
  - o Hoàn thành các bài tập/hoạt động theo yêu cầu của giảng viên.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Bài giảng do giảng viên cung cấp;

### 6.1. Tài liệu tham khảo

[1]. William T. Brooks (Tb 2017), *Kỹ năng Bán hàng*, NXB Lao động – Xã hội;

[2]. Donald J. Trump (2005), *Nghệ thuật đàm phán*, NXB Trẻ;

[3]. Alpha Books (Tb 2015), *Vượt qua thử thách trong phỏng vấn tuyển dụng*, NXB Lao động, Hà Nội;

[4]. Ros Ray (Thu Hiền dịch) (2015), *Phỏng vấn tuyển dụng – Thật đơn giản*, NXB Lao Động, Hà Nội;

[5]. 1980 Books (2015), *Tư duy sáng tạo trong lập kế hoạch và giải quyết vấn đề*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân;

[6]. <https://www.topcv.vn>

## 7. Thông tin về giảng viên

Họ tên: Lê Thị Hiếu Thảo - Học vị: Thạc sỹ

Ngày sinh: 1979 - ĐT: 0918311909 - Email: [thaolth@bvu.edu.vn](mailto:thaolth@bvu.edu.vn)

Họ tên: Nguyễn Trọng Hưng - Học vị: Tiến sỹ

Ngày sinh: 1982 - ĐT: 0988663185 - Email: [hungnt@bvu.edu.vn](mailto:hungnt@bvu.edu.vn)

Họ tên: Bùi Thị Thu Trang - Học vị: Tiến sỹ

Ngày sinh: 1984 - ĐT: 0962.560.684 - Email: [trangbtt@bvu.edu.vn](mailto:trangbtt@bvu.edu.vn)

*Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 25 tháng 5 năm 2017*

**HIỆU TRƯỞNG  
(DUYỆT)**

**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

**TM. BIÊN SOẠN**

### 3.2. Đề cương chi tiết các học phần Kỹ năng mềm (mẫu mới)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 5. Thông tin chung

- Tên học phần: **PHƯƠNG PHÁP HỌC ĐẠI HỌC và TƯ DUY SÁNG TẠO**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần: Học trong học kỳ I

### 6. Mục tiêu của học phần

#### 2.1 Phương pháp học đại học

- Kiến thức: môn học giúp cho sinh viên hiểu được bản chất và phương pháp của hoạt động học tập bậc đại học và sự khác nhau giữa học tập bậc phổ thông và bậc đại học.
- Kỹ năng: hiểu và vận dụng được các phương pháp học tập cơ bản ở bậc đại học như: biết cách xây dựng được mục tiêu, kế hoạch học tập cá nhân hiệu quả trong suốt quá trình học tập đại học; cách tìm kiếm, sàng lọc, phân tích, tổng hợp và phân loại, lưu trữ và sử dụng các tài liệu học tập; đọc tài liệu, ghi chép bài giảng trên lớp hiệu quả, tóm tắt nội dung học phần và cách thực hiện các dạng bài thi; phương pháp tự học cá nhân, hoạt động nhóm và kỹ năng học tập suốt đời;
- Thái độ: chủ động và tự giác trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và rèn luyện trong quá trình học tập bậc đại học.

#### 2.2 Tư duy sáng tạo

- Kiến thức: giúp cho sinh viên bước đầu tiếp cận với phương pháp tư duy sáng tạo để tăng cường khả năng tư duy trong một tình huống, một vấn đề hay một lĩnh vực cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả trong công việc, thúc đẩy nhanh quá trình hoạt động sáng tạo.
- Kỹ năng: vận dụng được các phương pháp tư duy sáng tạo để giải quyết các vấn đề phát sinh trong cuộc sống, học tập, làm việc, gia đình và xã hội một cách sáng tạo và hiệu quả.
- Thái độ: giúp người học nâng cao khả năng tư duy sáng tạo trong mọi hoạt động học tập, làm việc và cuộc sống.

### 7. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp học đại học và phương pháp tư duy sáng tạo. Học phần bao gồm 2 chuyên đề chính như sau:

Chuyên đề 1. Phương pháp học đại học

Chuyên đề 2. Tư duy sáng tạo

### 8. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

#### 8.1 Hình thức – Phương pháp tổ chức dạy và học

Sử dụng kết hợp các hình thức, phương pháp giảng dạy tích cực – Học tập qua trải nghiệm, cụ thể như sau: trò chơi, bài tập tình huống, thảo luận theo nhóm, đóng kịch, hỏi – đáp nhanh, hoạt động ngoại khóa,...

#### 8.2 Phương tiện dạy và học

- Máy chiếu, bảng đứng, giấy (A0, A4, A5,...), giấy màu, kéo, bút lông màu,...

### 8.3 Nội dung chi tiết

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
<b>Chuyên đề 1. Phương pháp học đại học (15 tiết)</b>					
<b>1.1 Môi trường học tập bậc đại học</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	Hiểu được bản chất hoạt động học tập và nghiên cứu bậc đại học.	Sinh viên đọc trước tư liệu; xây dựng kế hoạch cho bản thân; thực hiện bài tập cá nhân về nhà.
1.1.1 Bản chất của giáo dục đại học					
1.1.2 Giá trị của giáo dục đại học					
<b>1.2 Cách xác lập mục tiêu và xây dựng kế hoạch</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	Biết cách xác định mục tiêu và xây dựng kế hoạch học tập cho mình một cách hiệu quả nhất	Sinh viên tự xây dựng cho mình một bản kế hoạch học tập hiệu quả
1.2.1. Tạo động lực bản thân					
1.2.2 Cách xác lập mục tiêu học tập					
1.2.3 Cách xây dựng kế hoạch học tập					
<b>1.3. Phương pháp thu thập và xử lý thông tin hiệu quả</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	Biết cách tìm kiếm, sàng lọc, phân loại, lưu trữ và sử dụng hiệu quả các tài liệu học tập từ nhiều nguồn khác nhau phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và thực hành học phần.	Sinh viên học tại phòng máy và thực hành kỹ năng theo hướng dẫn.
1.3.1 Phương pháp tìm kiếm tài liệu học tập					
1.3.2 Phương pháp sàng lọc và xử lý tài liệu học tập					
1.3.3 Phương pháp lưu trữ tài liệu học tập					
1.3.4 Phương pháp sử dụng tài liệu học tập					
<b>1.4 Phương pháp đọc, ghi chép, ôn tập và thi cử</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	Sinh viên biết cách rèn luyện cho mình các kỹ năng đọc, ghi chép, ôn tập và thi cử để phục vụ học tập một cách hiệu quả.	Sinh viên thực hành các kỹ năng theo hướng dẫn.
1.4.1. Phương pháp đọc					
1.4.2. Phương pháp viết					
1.4.3. Phương pháp ôn tập					
1.4.4. Phương pháp làm bài thi					

<b>Chuyên đề 2. Tư duy sáng tạo (15 tiết)</b>					
<b>2.1 Tổng quan tư duy sáng tạo</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	Sinh viên biết được các khái niệm, vai trò, tiêu chí nhận diện những rào cản và động lực của sự sáng tạo.	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành kỹ năng theo hướng dẫn của GV.
2.1.1 Các khái niệm cơ bản về TDST					
2.1.2 Vai trò của TDST					
2.1.3 Những rào cản của TDST					
2.1.4 Khởi dậy động lực sáng tạo					
<b>2.2 Phương pháp sáng tạo SCAMPER</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	Sinh viên hiểu được phương pháp SCAMPER và vận dụng vào trong các hoạt động thực tiễn trong đời sống.	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành kỹ năng theo hướng dẫn của GV.
2.2.1 Giới thiệu phương pháp SCAMPER					
2.2.2 Thực hành phương pháp SCAMPER					
<b>2.3 Vận dụng các nguyên lý sáng tạo SCAMPER vào thực tiễn</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>3</b>		
<b>Tổng</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>15</b>		

## 5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

- Đánh giá: Hoàn thành/không hoàn thành
- Sinh viên được đánh giá hoàn thành khi:
  - Tham dự tối thiểu 75% số tiết lên lớp
  - Hoàn thành các bài tập/hoạt động theo yêu cầu của giảng viên.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Bài giảng do giảng viên cung cấp;

### 6.2. Tài liệu tham khảo

#### 6.2.1 Tài liệu tham khảo về Phương pháp học đại học

[1]. Lê Thị Xuân (2016), *Bài giảng phương pháp học tập bậc đại học*, Trường đại học Bà Rịa – Vũng Tàu;

[2]. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng tự học suốt đời*, NXB Thời đại;

[3]. Nguyễn Duy Cần (2017), *Tôi tự học*, NXB Trẻ;

[4]. 1980 Books (2017), *Học khôn ngoan để dẫn đầu*, NXB Thế giới;

[5]. 1980 Books, (2017), *Học siêu tốc nhờ tư duy khác biệt*, NXB ĐH KT Quốc dân.

#### 6.2.2 Tài liệu tham khảo về Tư duy sáng tạo

- [1]. Hoàng Văn Kiếm (2016), Bài giảng đa phương tiện *Tư duy sáng tạo*, Trường ĐH BR-VT (*Lưu hành nội bộ*);
- [2]. Micheal Michalko (Hải Đăng dịch) (2016), *Trò chơi tư duy*, NXB Thế Giới, HN;
- [3]. Rob Eastaway (Phạm Anh Tuấn – dịch) (2015), *Đổi mới tư duy – 101 cách khơi nguồn sáng tạo*, NXB Trẻ, TP.HCM;
- [4]. Tonny và Barry Buzan (2009), *Bản đồ tư duy*, NXB Tổng hợp, TP.HCM;
- [5]. Richard Weylman (2017), *Sức mạnh của việc đặt câu hỏi Tại sao*, NXB Công Thương.

## 7. Thông tin về giảng viên

Họ tên: Lê Thị Hiếu Thảo - Học vị: Thạc sỹ  
Ngày sinh: 1979 - ĐT: 0918311909 - Email: [thaolth@bv.edu.vn](mailto:thaolth@bv.edu.vn)  
Họ tên: Lê Thị Lan Anh - Học vị: Thạc sỹ  
Ngày sinh: 1990 - ĐT: 0987773368 - Email: [anhltl@bv.edu.vn](mailto:anhltl@bv.edu.vn)  
Họ tên: Lê Thị Xuân - Học vị: Thạc sỹ  
Ngày sinh: 1989 - ĐT: 0974328657 - Email: [xuanlt@bv.edu.vn](mailto:xuanlt@bv.edu.vn)

*Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 12 tháng 08 năm 2018*

**HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

**TM BIÊN SOẠN**



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin chung

- Tên học phần: **KỸ NĂNG GIAO TIẾP CƠ BẢN**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần: Học ở học kỳ II

### 2. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức: môn học trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về kỹ năng giao tiếp, bao gồm: các khái niệm, các phương pháp, nguyên tắc cơ bản để giao tiếp thành công.
- Kỹ năng: giúp cho người học nâng cao khả năng giao tiếp, biết cách vận dụng hiệu quả các nguyên tắc, nghệ thuật giao tiếp: ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, khả năng thuyết trình từ đó nâng cao hiệu quả trong công việc và cuộc sống.
- Thái độ: giúp người học nhận thức được vai trò của kỹ năng giao tiếp và quan tâm đến phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn một cách hiệu quả, sáng tạo.

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về giao tiếp phi ngôn ngữ và ngôn ngữ, kỹ năng thuyết trình hiệu quả. Thông qua các khái niệm, các công cụ, phương pháp trong giao tiếp cơ bản sẽ giúp cho sinh viên dần hình thành kỹ năng giao tiếp và biết cách vận dụng vào trong học tập, công việc và cuộc sống một cách hiệu quả. Nội dung học phần bao gồm 3 chuyên đề chính với những nội dung cụ thể như sau:

Chuyên đề 1. Kỹ năng Thuyết trình

Chuyên đề 2. Kỹ năng Giao tiếp phi ngôn ngữ - ngôn ngữ

### 4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

#### 4.1 Hình thức - phương pháp tổ chức dạy và học

Sử dụng kết hợp các hình thức, phương pháp giảng dạy tích cực – Học tập qua trải nghiệm, cụ thể như sau: trò chơi, bài tập tình huống, thảo luận theo nhóm, đóng kịch, hỏi – đáp nhanh, hoạt động ngoại khóa,...

#### 4.4 Phương tiện dạy và học

Phương tiện dạy học bao gồm: máy chiếu, bảng, giấy (A0, A4, A5, ...), giấy màu, kéo, bút lông màu, ...

#### 4.5 Nội dung chi tiết

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
<b>Chuyên đề 1. Kỹ năng Thuyết trình (15 tiết)</b>					
1.1 Khái niệm thuyết trình	<b>3</b>	<b>5</b>	<b>7</b>	Trang bị cho sinh viên kỹ năng cần thiết để tự tin và thành công khi thuyết trình, nói chuyện trước đám đông.	Sinh viên hoạt động và thực hành kỹ năng thuyết trình.
1.2 Vai trò của thuyết trình					
1.3 Những khó khăn và cách khắc phục khi thuyết trình trước đám đông					
1.4 Các nguyên tắc cơ bản để thuyết trình hiệu quả					
1.5 Quy trình 3 bước - thuyết trình					
1.6 Nghệ thuật sử dụng Power Point trong thuyết trình hiệu quả					
1.7 Một số lời khuyên (Tips)					
<b>Chuyên đề 2. Kỹ năng Giao tiếp phi ngôn ngữ - ngôn ngữ (15 tiết)</b>					
<b>2.1 Kỹ năng Giao tiếp phi ngôn ngữ</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	Trang bị cho sinh viên kỹ năng cần thiết để giao tiếp phi ngôn ngữ hiệu quả.	Sinh viên, hoạt động và thực hành kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ
2.1.1 Khái niệm giao tiếp và văn hóa giao tiếp					
2.1.2 Các loại hình giao tiếp					
2.1.3 Ngôn ngữ cử chỉ - hình thể					
2.1.4 Nghệ thuật lắng nghe chủ động					
<b>2.2 Kỹ năng Giao tiếp thông qua ngôn ngữ</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	Trang bị cho sinh viên kỹ năng cần thiết để giao tiếp ngôn ngữ nói và viết hiệu quả.	Sinh viên hoạt động và thực hành kỹ năng giao tiếp qua ngôn ngữ
2.2.1 Giao tiếp qua lời nói					
2.2.2 Giao tiếp qua văn bản, thư tín					
2.2.3 Giao tiếp qua điện thoại					
2.2.4 Một số lời khuyên để giao tiếp hiệu quả					
<b>Tổng: 30 tiết</b>	<b>7</b>	<b>9</b>	<b>14</b>		

#### 5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

- Đánh giá: Hoàn thành/không hoàn thành
- Sinh viên được đánh giá hoàn thành khi:
  - Tham dự tối thiểu 75% số tiết lên lớp
  - Hoàn thành các bài tập/hoạt động theo yêu cầu của giảng viên.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Bài giảng do giảng viên cung cấp;

### 6.1. Tài liệu tham khảo

[1]. Dale Carnegie (2016), *Đắc nhân tâm*, NXB Tổng hợp TP.HCM;

[2]. Andrii Sedniev (Tb 2017), *30 giây ma thuật trong diễn thuyết*, NXB Lao động;

[3]. Philip Collins (Tb 2016), *Nghệ thuật thuyết trình*, NXB Thanh Hóa;

[4]. Harvard Business Review Press (Tb 2017), *Thuyết trình hiệu quả trong 20 phút*, NXB Thế giới;

[5]. Gregory Hartly and Maryann Karinch (Tb 2017), *Cẩm nang ngôn ngữ cơ thể*, NXB Trẻ, TP.HCM;

[6]. Lê Duyên Hải (2016), *79 quy tắc hay trong giao tiếp*, NXB Phụ nữ;

[7]. LeiL Lowndes (Tb 2017), *Nghệ thuật giao tiếp để thành công*, NXB Lao động - Xã hội.

## 7. Thông tin về giảng viên

Họ tên: Lê Thị Hiếu Thảo

- Học vị: Thạc sỹ

Ngày sinh: 1979 - ĐT: 0918311909 - Email: [thaolth@bvu.edu.vn](mailto:thaolth@bvu.edu.vn)

Họ tên: Lê Thị Lan Anh

- Học vị: Thạc sỹ

Ngày sinh: 1990 - ĐT: 0987773368 - Email: [anhltl@bvu.edu.vn](mailto:anhltl@bvu.edu.vn)

Họ tên: Trịnh Thị Thu Cúc

- Học vị: Thạc sỹ

Ngày sinh: 1982 - ĐT: 01217976888 - Email: [cucttt@bvu.edu.vn](mailto:cucttt@bvu.edu.vn)

*Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 12 tháng 8 năm 2018*

**HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

**TM. BIÊN SOẠN**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin chung

- Tên học phần: **KỸ NĂNG GIAO TIẾP NÂNG CAO**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: **2 tín chỉ**
- Học phần tiên quyết/học trước: **Giao tiếp cơ bản**
- Các yêu cầu đối với học phần: Học ở học kỳ III/IV

### 2. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức: môn học trang bị cho sinh viên nội dung, cách giải quyết vấn đề, ra quyết định; hiểu cách tìm việc, viết CV, thư tìm việc, các bước chuẩn bị cho buổi phỏng vấn thành công.
- Kỹ năng: hình thành và nâng cao các kỹ năng giao tiếp qua các kỹ năng giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng phỏng vấn tìm việc.
- Thái độ: giúp người học ý thức được tầm quan trọng của các kỹ năng giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng phỏng vấn tìm việc và không ngừng rèn luyện, hoàn thiện các kỹ năng của mình để gặt hái thành công trong mọi lĩnh vực của đời sống.

### 3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung học phần bao gồm 3 chuyên đề chính với những nội dung cụ thể như sau:

Chuyên đề 1. Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định

Chuyên đề 2. Kỹ năng Viết CV và Phỏng vấn tìm việc

### 4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

#### 4.1 Hình thức - Phương pháp tổ chức dạy và học

Sử dụng kết hợp các hình thức, phương pháp giảng dạy tích cực – Học tập qua trải nghiệm, cụ thể như sau: trò chơi, bài tập tình huống, thảo luận theo nhóm, đóng kịch, hỏi – đáp nhanh, hoạt động ngoại khóa,...

#### 4.2 Phương tiện dạy và học

- Máy chiếu, bảng đứng, giấy (A0, A4, A5,...), giấy màu, kéo, bút lông màu,...

### 4.3 Nội dung chi tiết

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
<b>Chuyên đề 1. Kỹ năng Giải quyết vấn đề và ra quyết định (15 tiết)</b>					
<b>1.1 KN giải quyết vấn đề</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>5</b>	Sinh viên biết cách nhận diện vấn đề, ứng dụng một số nguyên lý cơ bản trong giải quyết vấn đề	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành kỹ năng giải quyết vấn đề.
1.1.1 Khái niệm vấn đề					
1.1.2 Phân loại vấn đề					
1.1.3 Nguyên nhân của vấn đề					
1.1.4 Ứng dụng 5WHY, 5W2H, mô hình ISHIKAWA trong phân tích vấn đề					
1.1.5 Các bước giải quyết vấn đề theo mô hình TASC					
1.1.6 Một số lời khuyên					
<b>1.2 Kỹ năng ra quyết định</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	Trên cơ sở nhận diện vấn đề, phân loại vấn đề, hiểu các phương pháp ra quyết định để hạn chế đưa ra những quyết định sai lầm.	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành kỹ năng ra quyết định.
1.2.1 Khái niệm quyết định					
1.2.2 Các phương pháp ra quyết định					
1.2.3 Nguyên nhân cơ bản dẫn đến quyết định sai lầm					
1.2.4 Ứng dụng PDCA trong giải quyết vấn đề và ra quyết định					
1.2.5 Một số lời khuyên (Tips)					
<b>Chuyên đề 2. Kỹ năng Viết CV và PV tìm việc (15 tiết)</b>					
<b>2.1 Kỹ năng tìm việc và viết CV</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	Sinh viên biết cách tìm kiếm việc làm phù hợp; có cái nhìn khái quát về cấu trúc một CV mẫu tiếng Anh và tiếng Việt; hiểu rõ cấu trúc một thư ứng tuyển, cách gửi thư tìm việc	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành kỹ năng viết CV
2.1.1 Kỹ năng tìm việc					
2.1.2 Cách viết CV					
2.1.3 Cách viết thư ứng tuyển					
<b>2.2 Nghệ thuật tiếp thị bản thân</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	Sinh viên xác định được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, từ đó biết cách khắc phục điểm yếu, phát huy điểm	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành nhận diện, xây
2.2.1 Định nghĩa bản thân					
2.2.2 Nhận thức bản thân					
2.2.3 Xây dựng, phát triển “Thương hiệu” bản thân					

				manh để xây dựng thương hiệu cho bản thân	dựng thương hiệu bản thân
<b>2.3 Kỹ năng Phỏng vấn tìm việc</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	Sinh viên hiểu những việc cần làm trước khi đi phỏng vấn; hiểu được cụ thể một buổi phỏng vấn diễn ra như thế nào, những câu hỏi thường gặp của nhà phỏng vấn là gì và cách trả lời ra sao và những việc cần làm sau phỏng vấn tìm việc	Sinh viên thảo luận nhóm, hoạt động và thực hành kỹ năng phỏng vấn.
2.3.1 Các bước chuẩn bị trước phỏng vấn					
2.3.2 Trong phỏng vấn					
2.3.3 Những việc nên làm sau phỏng vấn					
2.3.4 Một số lời khuyên (Tips)					
<b>Tổng: 30 tiết</b>	<b>6</b>	<b>11</b>	<b>13</b>		

## 5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

- Đánh giá: Hoàn thành/không hoàn thành
- Sinh viên được đánh giá hoàn thành khi:
  - Tham dự tối thiểu 75% số tiết lên lớp
  - Hoàn thành các bài tập/hoạt động theo yêu cầu của giảng viên.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Bài giảng do giảng viên cung cấp;

### 6.1. Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Vũ Phương Nam (2015), *4 bước giải quyết vấn đề*, NXB Dân trí;
- [2]. 1980 Books (2015), *Tư duy sáng tạo trong lập kế hoạch và giải quyết vấn đề*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân;
- [3]. Jim Bright và Joanne Earl (2013), *Bản CV hoàn hảo*, NXB Lao Động Xã Hội;
- [4]. Alpha Books (Tb 2015), *Vượt qua thử thách trong phỏng vấn tuyển dụng*, NXB Lao động, Hà Nội;
- [5]. Ros Ray (Thu Hiền dịch) (2015), *Phỏng vấn tuyển dụng – Thật đơn giản*, NXB Lao Động, Hà Nội;
- [6]. Anthony Robbins (2013), *Đánh thức con người phi thường trong bạn*, NXB Tổng hợp TP.HCM;
- [7]. Donald J. Trump (2005), *Nghệ thuật đàm phán*, NXB Trẻ;
- [8]. <https://www.topcv.vn>

## 7. Thông tin về giảng viên

Họ tên: Lê Thị Hiếu Thảo - Học vị: Thạc sỹ  
Ngày sinh: 1979 - ĐT: 0918311909 - Email: [thaolth@bv.edu.vn](mailto:thaolth@bv.edu.vn)  
Họ tên: Lê Thị Lan Anh - Học vị: Thạc sỹ  
Ngày sinh: 1990 - ĐT: 0987773368 - Email: [anhltl@bv.edu.vn](mailto:anhltl@bv.edu.vn)  
Họ tên: Trịnh Thị Thu Cúc - Học vị: Thạc sỹ  
Ngày sinh: 1982 - ĐT: 01217976888 - Email: [cucttt@bv.edu.vn](mailto:cucttt@bv.edu.vn)

*Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 12 tháng 8 năm 2018*

**HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

**TM. BIÊN SOẠN**

### 3.3. Phiếu khảo sát dành cho sinh viên

#### PHIẾU KHẢO SÁT

#### DÀNH CHO ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU “ĐỊNH HƯỚNG MÔ HÌNH GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU”

Các bạn vui lòng đánh dấu (✓) vào ô phù hợp với ý kiến của mình.

#### I. CHƯƠNG TRÌNH KNM THEO CHUẨN ĐẦU RA

1. Bạn đánh giá tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong công việc và học tập như thế nào?

- Rất quan trọng
- Quan trọng
- Bình thường
- Không quan trọng

2. Theo bạn, nội dung học phần Phương pháp học đại học có phù hợp và thiết thực không?

- Phù hợp
- Chưa phù hợp
- Không phù hợp

Ý kiến đóng góp:.....

3. Theo bạn, thời lượng học phần Phương pháp học đại học (1tc) được phân bổ hợp lý chưa?

- Hợp lý
- Chưa hợp lý
- Không hợp lý

Ý kiến đóng góp:.....

4. Mức độ hài lòng của bạn sau khóa học Phương pháp học đại học?

- Rất hài lòng
- Hài lòng
- Chưa hài lòng
- Không hài lòng

5. Theo bạn, nội dung học phần Tư duy sáng tạo có phù hợp và thiết thực không?

- Phù hợp
- Chưa phù hợp
- Không phù hợp

Ý kiến đóng góp:.....

6. Theo bạn, thời lượng học phần Tư duy sáng tạo (1tc) được phân bổ hợp lý chưa?

- Hợp lý
- Chưa hợp lý
- Không hợp lý

Ý kiến đóng góp:.....

7. Mức độ hài lòng của bạn sau khóa học Tư duy sáng tạo?

- Rất hài lòng
- Hài lòng
- Chưa hài lòng



Không hài lòng

**8. Theo bạn, nội dung học phần Kỹ năng giao tiếp cơ bản (KN giao tiếp phi ngôn ngữ và ngôn ngữ, KN thuyết trình) có phù hợp và thiết thực không?**

Phù hợp

Chưa phù hợp

Không phù hợp

Ý kiến đóng góp:.....

**9. Theo bạn, thời lượng học phần KN giao tiếp cơ bản (2tc) được phân bổ hợp lý chưa?**

Hợp lý

Chưa hợp lý

Không hợp lý

Ý kiến đóng góp:.....

**10. Mức độ hài lòng của bạn sau khóa học KN giao tiếp cơ bản?**

Rất hài lòng

Hài lòng

Chưa hài lòng

Không hài lòng

**11. Theo bạn, nội dung học phần Kỹ năng giao tiếp nâng cao (KN giải quyết vấn đề và ra quyết định, KN bán hàng, KN viết CV và phỏng vấn tìm việc) có phù hợp và thiết thực không?**

Phù hợp

Chưa phù hợp

Không phù hợp

Ý kiến đóng góp:.....

**12. Theo bạn, thời lượng học phần KN giao tiếp nâng cao (2tc) được phân bổ hợp lý chưa?**

Hợp lý

Chưa hợp lý

Không hợp lý

Ý kiến đóng góp:.....

**13. Mức độ hài lòng của bạn sau khóa học KN giao tiếp nâng cao?**

Rất hài lòng

Hài lòng

Chưa hài lòng

Không hài lòng

**14. Theo bạn, phương pháp giảng dạy các học phần KNM có phù hợp không?**

Phù hợp

Chưa phù hợp

Không phù hợp

Ý kiến đóng góp :.....

**15. Theo bạn, cách đánh giá kết quả các học phần KNM có hợp lý không?**

Hợp lý

Chưa hợp lý

- Không hợp lý  
 Ý kiến đóng góp:.....

**16. Theo bạn, dụng cụ giảng dạy và cơ sở vật chất có đáp ứng được nhu cầu học tập không?**

- Có  
 Chưa đáp ứng đầy đủ  
 Không đáp ứng được  
 Ý kiến đóng góp:.....

## II. CHƯƠNG TRÌNH KNM NGOÀI CHUẨN ĐẦU RA

**17. Theo bạn, thời gian nào trong tuần là phù hợp để tham gia khoá học KNM?**

- Tập trung vào các buổi ngày trong tuần  
 Tập trung vào các buổi tối trong tuần  
 Tập trung vào các ngày cuối tuần

**18. Khi tham gia khoá đào tạo KNM, bạn quan tâm đến những tiêu chí nào về chất lượng đào tạo? (Có thể chọn nhiều đáp án)**

- Tính thực tiễn của nội dung  
 Sự phong phú về lượng kiến thức  
 Tài liệu đi kèm trong khoá học  
 Không khí của khoá học  
 Ứng dụng được ngay vào thực tiễn  
 Cải thiện được bản thân  
 Khác.....

**19. Bạn hãy liệt kê 1->3 KNM bạn muốn cải thiện trong thời gian tới?**

- |  |  |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> KN thu thập và xử lý thông tin.       | <input type="checkbox"/> KN thiết lập mục tiêu.            |
| <input type="checkbox"/> KN tư duy tích cực – sáng tạo.        | <input type="checkbox"/> KN làm việc nhóm.                 |
| <input type="checkbox"/> KN giao tiếp - ứng xử nơi công sở.    | <input type="checkbox"/> KN quản lý bản thân.              |
| <input type="checkbox"/> KN thuyết trình trước đám đông.       | <input type="checkbox"/> KN đàm phán thương lượng.         |
| <input type="checkbox"/> KN giải quyết vấn đề và ra quyết định | <input type="checkbox"/> KN lãnh đạo.                      |
| <input type="checkbox"/> KN giải quyết mâu thuẫn               | <input type="checkbox"/> KN sử dụng email và internet.     |
| <input type="checkbox"/> KN bán hàng.                          | <input type="checkbox"/> KN sử dụng các thiết bị văn phòng |
| <input type="checkbox"/> KN viết CV và phỏng vấn tìm việc.     |  |

**20. Bạn có nhu cầu được cấp chứng nhận KNM sau mỗi khóa học không?**

- Có  
 Không

**21. Bạn có góp ý nào khác để nâng cao chất lượng đào tạo KNM cho sinh viên BVU?**

.....  
 .....

(\*) Thông tin không bắt buộc

Họ tên sinh viên:.....Ngành:..... Khóa:.....

Điện thoại liên lạc:.....Email:.....

*Xin chân thành cảm ơn!*

### 3.4. Phiếu khảo sát dành cho giảng viên

#### PHIẾU KHẢO SÁT DÀNH CHO ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU “ĐỊNH HƯỚNG MÔ HÌNH GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU”

Giảng viên:.....

Giảng dạy học phần :.....

*Với mong muốn cải thiện chất lượng của các học phần kỹ năng mềm theo chuẩn đầu ra dành cho sinh viên trường đại học Bà Rịa - Vũng Tàu, rất mong quý thầy/cô hoàn thành phiếu khảo sát đánh giá dựa trên tinh thần xây dựng – thẳng thắn – trung thực nhằm giúp cho các khóa đào tạo trở nên hoàn thiện – thiết thực và bổ ích hơn.*

**Thầy/Cô hãy đánh dấu (✓) vào ô phù hợp với ý kiến của mình.**

**1. Thầy/cô đánh giá tầm quan trọng của kỹ năng mềm đối với sinh viên như thế nào?**

- Rất quan trọng
- Quan trọng
- Có cũng được, không có cũng được
- Không quan trọng

**2. Thầy/cô đánh giá nội dung các học phần có phù hợp với nhu cầu của sinh viên không?**

- Phù hợp
- Chưa phù hợp
- Không phù hợp

Ý kiến đóng góp:.....

**3. Thầy/cô đánh giá thời gian của các học phần có phù hợp với nội dung đề cương không?**

- Phù hợp
- Chưa phù hợp
- Không phù hợp

Ý kiến đóng góp:.....

**4. Theo thầy/cô, trang bị các kỹ năng mềm vào thời điểm nào là phù hợp nhất cho sinh viên?**

- Những năm đầu ĐH-CD
- Chuẩn bị ra trường
- Sau khi đi làm và công việc cần mới học

Khác:.....

**5. Theo thầy/cô, khoá học kỹ năng mềm được đào tạo theo phương pháp nào là hiệu quả?**

*(Có thể chọn nhiều đáp án)*

- Thuyết giảng
- Sinh viên được thực hành, tương tác tại lớp.
- Cho sinh viên tham gia và trải nghiệm thực tế.
- Khác.....

**6. Theo thầy/cô, phòng học và các thiết bị hỗ trợ có phù hợp với khóa học KNM không?**

- Phù hợp
- Chưa phù hợp
- Không phù hợp

Ý kiến đóng góp:.....

**7. Dụng cụ giảng dạy có được cung cấp đầy đủ và kịp thời theo yêu cầu của thầy/cô không?**

- Đầy đủ
- Chưa đầy đủ
- Không cung cấp

Ý kiến đóng góp:.....

**8. Nhà trường có thường xuyên hỗ trợ thầy cô tham gia các lớp tập huấn/hội thảo nâng cao chuyên học phần không?**

- Thường xuyên
- Không thường xuyên
- Không hỗ trợ

Ý kiến đóng góp:.....

**9. Nhà trường có tạo điều kiện khuyến khích thầy cô tham gia nghiên cứu khoa học về KNM không?**

- Có
- Không

**10. Trong thời gian tới, theo thầy cô nhà trường nên bổ sung thêm kỹ năng nào cho sinh viên**

- |   |   |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin.       | <input type="checkbox"/> Kỹ năng thiết lập mục tiêu.            |
| <input type="checkbox"/> Kỹ năng tư duy tích cực – sáng tạo.        | <input type="checkbox"/> Kỹ năng làm việc nhóm.                 |
| <input type="checkbox"/> Kỹ năng giao tiếp - ứng xử nơi công sở.    | <input type="checkbox"/> Kỹ năng quản lý bản thân.              |
| <input type="checkbox"/> Kỹ năng thuyết trình trước đám đông.       | <input type="checkbox"/> Kỹ năng đàm phán thương lượng.         |
| <input type="checkbox"/> Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định | <input type="checkbox"/> Kỹ năng lãnh đạo.                      |
| <input type="checkbox"/> Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn               | <input type="checkbox"/> Kỹ năng sử dụng email và internet.     |
| <input type="checkbox"/> Kỹ năng bán hàng.                          | <input type="checkbox"/> Kỹ năng sử dụng các thiết bị văn phòng |
| <input type="checkbox"/> Kỹ năng viết CV và phỏng vấn tìm việc      |   |

*Xin chân thành cảm ơn!*

